

Số: **69** /TTr-UBND

Quảng Ngãi, ngày **12** tháng 5 năm 2023

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 15/6/2018; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09/01/2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Quyết định số 1574/QĐ-TTg ngày 12/10/2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Báo cáo thẩm định số 2215/BC-HĐTĐ ngày 28/3/2023 của Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh về Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Thực hiện Khoản 4, Điều 16, Luật Quy hoạch năm 2017, UBND tỉnh kính trình HĐND tỉnh xem xét, thông qua Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, cụ thể như sau:

I. VỀ QUÁ TRÌNH TRIỂN KHAI LẬP QUY HOẠCH TỈNH VÀ SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Sự cần thiết lập Quy hoạch tỉnh

Luật Quy hoạch ban hành với nhiều nội dung mang tính cải cách, đổi mới quan trọng, hướng đến việc xây dựng quy hoạch tích hợp, đa ngành, phù hợp với kinh tế thị trường, chú trọng nhiều hơn đến không gian trong phát triển. Trong thời kỳ mới, đòi hỏi Tỉnh phải lập mới bản Quy hoạch tỉnh có nội dung phù hợp với Chiến lược, Quy hoạch mới của quốc gia. Đồng thời, Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 là công cụ quan trọng giúp Tỉnh hoạch định hướng, điều hành và quản lý mọi hoạt động phát triển kinh tế - xã hội, phát triển không gian lãnh thổ trên địa bàn tỉnh trong thời kỳ tới, đảm bảo tính kết nối đồng bộ, khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế của tỉnh, khắc phục các điểm

nghe, khơi thông nguồn lực phát triển cân đối, hài hòa, hiệu quả và bền vững.

2. Bộ cục Quy hoạch tỉnh

Báo cáo thuyết minh tổng hợp Quy hoạch tỉnh đã được nghiên cứu công phu, nghiêm túc; phân tích, xây dựng dựa trên một hệ thống thông tin, dữ liệu khá đầy đủ, đáng tin cậy về hiện trạng, tiềm năng và khả năng phát triển, đảm bảo tính khả thi và được chia thành 04 Phần, gồm 22 Chương thể hiện đầy đủ các nội dung theo quy định tại Điều 27 Luật Quy hoạch và Điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP.

3. Quá trình lập quy hoạch tỉnh

Quá trình lập Quy hoạch tỉnh đã được thực hiện đầy đủ các bước, tuân thủ đúng quy trình theo quy định của Luật Quy hoạch, Nghị định 37/2019/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương, cụ thể:

Thực hiện Quyết định số 1574/QĐ-TTg ngày 12/10/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, UBND tỉnh đã ban hành quyết định phê duyệt dự toán kinh phí¹, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu², ban hành kế hoạch lập Quy hoạch tỉnh³; tổ chức lựa chọn đơn vị Tư vấn lập Quy hoạch tỉnh, đơn vị tư vấn lập Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược đảm bảo năng lực, kinh nghiệm theo đúng quy định; phối hợp với các sở, ban ngành liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai, tổ chức xây dựng 36 Báo cáo chuyên đề⁴ để tích hợp vào Báo cáo thuyết minh tổng hợp Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Từ tháng 8/2021⁵ đến nay, UBND tỉnh đã tổ chức hơn 10 cuộc họp, làm việc với các Sở, ban ngành, địa phương, đơn vị tư vấn để thảo luận, thống nhất các nội dung liên quan; tổ chức 03 Hội thảo⁶ để tham vấn nhiều chủ thể ở nhiều cấp khác nhau từ các Bộ, ngành trung ương, các chuyên gia, các nhà khoa học trong và ngoài nước, đến các địa phương trong vùng và liền kề, lãnh đạo tỉnh qua các thời kỳ, để lắng nghe, tiếp thu ý kiến góp ý nhằm hoàn thiện Quy hoạch tỉnh. Song song với quá trình lập Quy hoạch, UBND tỉnh cũng đã tổ chức lập Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược Quy hoạch tỉnh theo đúng quy định tại Điều 26 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020. Đồng thời, đã thực hiện lấy ý kiến bằng văn bản đối với các Bộ ngành trung ương và các thành phần theo đúng yêu cầu của Luật Quy hoạch; trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh cho ý kiến đối với các mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ chủ yếu trong Quy hoạch tỉnh.

¹ Quyết định số 323/QĐ-UBND ngày 05/3/2021 phê duyệt dự toán kinh phí lập quy hoạch tỉnh.

² Quyết định số 464/QĐ-UBND ngày 30/3/2021 phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu lập quy hoạch tỉnh.

³ Các Kế hoạch: số 119/KH-UBND ngày 17/8/2021 và số 83/KH-UBND ngày 17/5/2022, số 81/KH-UBND ngày 07/4/2023.

⁴ Có 38 nội dung đề xuất, xây dựng thành 36 chuyên đề (trong đó có 02 nội dung đề xuất của Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh về đất quốc phòng và Công an tỉnh về đất an ninh đã được tích hợp vào Phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai trong Báo cáo thuyết minh tổng hợp nên không xây dựng thành Báo cáo chuyên đề).

⁵ Thời điểm ký hợp đồng với đơn vị tư vấn lập quy hoạch tỉnh.

⁶ Hội thảo thông qua báo cáo đầu kỳ quy hoạch tỉnh ngày 12/01/2022; Hội thảo thông qua báo cáo giữa kỳ ngày 05/4/2022; Hội thảo thông qua báo cáo giữa kỳ ngày 16/6/2022.

Trên cơ sở Kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy⁷ và Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh⁸, ý kiến góp ý của các Bộ, ngành trung ương, các địa phương trong vùng và liên kề, Ủy ban MTTQVN tỉnh và cộng đồng dân cư, UBND tỉnh đã hoàn thiện Hồ sơ Quy hoạch tỉnh trình Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh vào ngày 23/11/2022.

Đến ngày 16/3/2023, Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi đã được Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh họp thẩm định, thống nhất thông qua. Trên cơ sở ý kiến của Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh tại Báo cáo thẩm định số 2215/BC-HĐTĐ ngày 28/3/2023, ý kiến của các Thành viên, Ủy viên Hội đồng thẩm định, UBND tỉnh đã chỉ đạo các Sở, ngành, địa phương nghiên cứu, tiếp thu, giải trình tối đa các nội dung liên quan. Đến nay, Hồ sơ Quy hoạch tỉnh đã hoàn thiện, được thông qua tập thể UBND tỉnh tại cuộc họp ngày 05/5/2023, đủ điều kiện trình HĐND tỉnh.

4. Sự cần thiết ban hành Nghị quyết

Theo quy định tại điểm i Khoản 4 Điều 16 Luật Quy hoạch về quy trình lập Quy hoạch tỉnh: “*Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, thông qua Quy hoạch trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt*”. Do đó, để đảm bảo điều kiện trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, việc ban hành Nghị quyết của HĐND tỉnh thông qua Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 là cần thiết và đúng quy định pháp luật.

II. VỀ CÁC NỘI DUNG CHÍNH CỦA NGHỊ QUYẾT

Nghị quyết gồm 02 Điều: Điều 1 về nội dung chủ yếu của Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi và Điều 2 về Tổ chức thực hiện, trong đó Điều 1 gồm các nội dung chính như sau:

1. Phạm vi, ranh giới quy hoạch

Phạm vi ranh giới Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi bao gồm toàn bộ phần lãnh thổ đất liền tỉnh Quảng Ngãi và phần không gian biển được xác định theo Luật Biển Việt Nam năm 2012, Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo. Tỉnh Quảng Ngãi với diện tích tự nhiên 5.155,24 km², nằm ở vùng duyên hải miền Trung, có giới hạn địa lý như sau: phía Bắc giáp tỉnh Quảng Nam; phía Nam giáp tỉnh Bình Định; phía Tây giáp tỉnh Kon Tum và tỉnh Gia Lai; phía Đông giáp biển Đông.

2. Quan điểm, mục tiêu và các định hướng lớn tạo đột phá phát triển

2.1. Quan điểm phát triển

- Định hướng phát triển của tỉnh phải phù hợp, đồng bộ với định hướng, tầm nhìn phát triển đất nước, tinh thần Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030 của đất nước, các Quy hoạch cấp quốc gia⁹, Quy hoạch Vùng Bắc Trung Bộ và

⁷ Thông báo Kết luận số 675-TB/TU ngày 28/11/2022.

⁸ Tại Thông báo Kết luận số 1493-KL/TU ngày 05/12/2022 Kết luận của Hội nghị Tỉnh ủy lần thứ X, Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XX về Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

⁹ Quy hoạch cấp quốc gia bao gồm quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia, quy hoạch ngành quốc gia.

Duyên hải miền Trung thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi lần thứ XX.

- Bám sát đặc điểm, vai trò, vị trí địa lý để tổ chức, bố trí không gian phát triển các hoạt động kinh tế - xã hội phù hợp theo định hướng phát triển hạ tầng quốc gia, liên kết vùng và liên kết thị trường, phát huy kinh tế biển xanh, kinh tế rừng xanh, nông nghiệp xanh, công nghiệp công nghệ cao;

- Đổi mới mạnh mẽ tư duy, hành động, tận dụng triệt để các tiềm năng và nguồn lực để tạo động lực phát triển. Trong ngắn hạn, phát triển nhanh dựa trên cơ sở tập trung phát triển các ngành, lĩnh vực đang có sẵn lợi thế; trong trung hạn và dài hạn, phân bổ tối đa nguồn lực hỗ trợ phát triển các ngành, lĩnh vực phù hợp với xu thế phát triển xanh và bền vững; tiếp tục đẩy mạnh, tăng cường hình thành các mối liên kết trong phát triển với các địa phương khác trong vùng và các khu vực lân cận, chủ động tham gia mạnh mẽ vào quá trình hội nhập quốc tế;

- Tiếp tục đầu tư tập trung đầu tư đồng bộ, hiện đại, hiệu quả kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội theo hướng liên thông, có khả năng lan toả lợi ích lớn và phục vụ đa mục tiêu phát triển; phát triển hài hoà ba yếu tố kinh tế - xã hội - môi trường; không đánh đổi sự phát triển trước mắt với rủi ro về môi trường; chủ động trong công tác ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường.

- Phát triển kinh tế gắn kết chặt chẽ với công tác đảm bảo an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững, nâng cao đời sống của mọi tầng lớp xã hội; khơi dậy tiềm năng để tạo đột phá trong phát triển lĩnh vực dịch vụ, đặc biệt là du lịch theo hướng bền vững và trải nghiệm cao cấp; Phát triển đa dạng các thành phần kinh tế và các loại hình doanh nghiệp, coi doanh nghiệp và con người là trung tâm và động lực chính của sự phát triển; đầu tư, phát triển giáo dục và đào tạo là nền tảng góp phần quan trọng trong việc nâng cao và đảm bảo chất lượng lao động cho nhu cầu phát triển bền vững, lâu dài.

- Tập trung phát triển kinh tế số, xã hội số một cách tổng thể, toàn diện. Phát triển kinh tế số trở thành động lực cốt lõi của tăng trưởng kinh tế, gắn kết chặt chẽ với chính quyền số, xã hội số, giúp nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh và giúp đất nước phát triển. Người dân có niềm tin, tự tin trên không gian mạng và tham gia vào hoạt động của chính quyền, sử dụng dịch vụ chính quyền số nhiều hơn.

- Nâng cao chất lượng tăng trưởng, chú trọng vào năng suất kinh tế thay vì năng suất sản phẩm. Nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế dựa trên cơ sở cải thiện môi trường đầu tư, đổi mới sáng tạo, ứng dụng khoa học - công nghệ, đẩy mạnh chuyển đổi số, qua đó tăng cường khả năng chủ động tiếp cận, tận dụng cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 làm động lực phát triển; kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với đảm bảo công tác quốc phòng - an ninh và trật tự an toàn xã hội; chủ động hội nhập, hợp tác quốc tế, ứng phó với các tác động tiêu cực từ tình hình an ninh trật tự trên thế giới và khu vực.

2.2. Mục tiêu phát triển

a) Mục tiêu tổng quát

Mục tiêu đến 2030, Quảng Ngãi phấn đấu là tỉnh phát triển khá của cả

nước, có thu nhập bình quân đầu người ít nhất bằng mức bình quân của cả nước, nâng cao tính tự chủ của nền kinh tế; là tỉnh phát triển công nghiệp với hai ngành công nghiệp chủ lực là lọc hóa dầu và luyện kim thép. Các loại hình công nghiệp xanh, công nghiệp công nghệ cao dần hình thành tại các khu công nghiệp và cụm công nghiệp tập trung. Tỉnh từng bước xây dựng được thương hiệu về các loại hình dịch vụ chất lượng cao, với điểm nhấn là lĩnh vực du lịch. Các mô hình về nông nghiệp áp dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn dần được nhân rộng. Tỷ lệ đô thị hóa được nâng cao với cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển các đô thị xanh, đô thị thông minh dần được hoàn thiện. Công tác xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao tiếp tục được chú trọng và đạt được các chỉ tiêu đề ra cho giai đoạn.

b) Mục tiêu cụ thể

** Về kinh tế đến năm 2030*

(1) Tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân thời kỳ 2021-2030 đạt 7,25 - 8,25%/năm. Trong đó: tốc độ tăng trưởng của khu vực Nông, lâm nghiệp và thủy sản đạt 4 - 5%/năm; tốc độ tăng trưởng của khu vực Công nghiệp đạt 8,25 - 9,25%/năm; tốc độ tăng trưởng của khu vực Dịch vụ đạt 10,0 - 11,0%/năm.

(2) GRDP bình quân đầu người đạt khoảng 7.700 - 7.900 USD.

(3) Tỷ trọng của khu vực Công nghiệp - xây dựng và Dịch vụ trong cơ cấu GRDP đạt 72 - 73%.

(4) Tỷ lệ đô thị hóa ngang với bình quân cả nước, đạt trên 50%.

(5) Tổng vốn đầu tư toàn xã hội cho giai đoạn 2021-2030 khoảng 410.000 tỷ đồng.

(6) Năng suất lao động tăng trưởng bình quân giai đoạn 2021-2030 là 6,5 - 7,5%/năm.

** Về xã hội đến năm 2030*

(7) Tỷ lệ lao động qua đào tạo đến năm 2030 đạt trên 75%, trong đó có bằng cấp, chứng chỉ đạt 35-40%.

(8) Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia ít nhất là: Mầm non: 80,0%; Tiểu học: 89,0%; Trung học cơ sở: 90,1%; Tiểu học - Trung học cơ sở: 38,5%; Trung học phổ thông: 78,9%.

(9) Đạt trên 32 giường bệnh/10.000 dân và trên 11 bác sỹ/10.000 dân. Tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế đạt trên 95% dân số.

(10) Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều toàn tỉnh giảm bình quân 1-1,5%/năm (giai đoạn 2021-2025) và 0,5-1%/năm (giai đoạn 2026-2030).

(11) Diện tích nhà ở bình quân đầu người khoảng 33 m² sàn/người.

(12) Chỉ số phát triển con người (HDI) duy trì thuộc nhóm có chỉ số HDI cao (nhóm 2) theo phân loại của UNDP.

** Về kết cấu hạ tầng đến năm 2030*

(13) Hạ tầng đầu tư phát triển cơ bản theo hướng đồng bộ, hiện đại. Hạ tầng giao vận tải thông suốt, an toàn; điện đảm bảo tốt nhu cầu sản xuất và sinh hoạt; nguồn nước phục vụ sản xuất và sinh hoạt được đảm bảo; hệ thống đê

điều, hồ đập an toàn; hạ tầng xã hội đáp ứng nhu cầu phát triển.

* Về bảo vệ môi trường đến năm 2030

(14) Tỷ lệ độ che phủ rừng ổn định từ 52% trở lên.

(15) Tỷ lệ dân số được cấp nước sạch khu vực thành thị 100% và nông thôn trên 80%.

(16) Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định đạt 98%; Tỷ lệ chất thải y tế được thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định đạt 100%.

(17) Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định: tại các đô thị đạt 95%, tại khu vực nông thôn đạt 90%;

(18) Tỷ lệ khu công nghiệp, cụm công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải tập trung xử lý đạt quy chuẩn về môi trường đạt 100%. Tỷ lệ nước thải đô thị được thu gom và xử lý bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn theo quy định đạt 50% đối với đô thị loại II và 20% đối với các đô thị còn lại; đối với khu vực nông thôn khoảng 25% điểm dân cư nông thôn tập trung có hệ thống thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt.

* Về quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội đến năm 2030

(19) Thực hiện tốt nhiệm vụ bảo đảm quốc phòng, an ninh; xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân; xây dựng xã hội trật tự, kỷ cương, an toàn, đảm bảo cuộc sống bình yên, hạnh phúc của nhân dân. Hàng năm, có khoảng 95% xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn vững mạnh về quốc phòng, trong đó: có 65 - 70% xã, phường, thị trấn vững mạnh toàn diện. Hàng năm, có ít nhất 80% khu dân cư, xã, phường, thị trấn, cơ quan, doanh nghiệp, cơ sở giáo dục đạt tiêu chuẩn về “An toàn về an ninh trật tự”.

2.3. Các nhiệm vụ trọng tâm

- Tiếp tục đổi mới sắp xếp không gian phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả;

- Đẩy mạnh cải cách hành chính; cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh; hoàn thiện xây dựng chính quyền điện tử;

- Đẩy mạnh phát triển dịch vụ, du lịch để từng bước trở thành kinh tế mũi nhọn của tỉnh. Phát triển, quảng bá văn hóa, lịch sử, di sản Quảng Ngãi;

- Đảm bảo sử dụng hiệu quả và tiết kiệm nguồn tài nguyên thiên nhiên, tài nguyên đất, tài nguyên nước; bảo vệ đa dạng sinh học; bảo vệ môi trường và chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu.

2.4. Các đột phá phát triển

- Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao với trọng tâm là đội ngũ cán bộ lãnh đạo có đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, ngang tầm nhiệm vụ;

- Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực để đẩy mạnh phát triển công nghiệp, phân bổ nguồn lực thu được từ công nghiệp hỗ trợ phát triển các lĩnh vực phù hợp hơn với xu thế phát triển của tương lai;

- Đầu tư, phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại cả về kinh tế và xã hội, tạo động lực cho phát triển. Ưu tiên các công trình trọng điểm về giao

thông; thích ứng với biến đổi khí hậu; hạ tầng thông tin, viễn thông, tạo nền tảng chuyên đổi số;

- Áp dụng khoa học - công nghệ, chuyển đổi số vào mọi lĩnh vực của nền kinh tế, khuyến khích tinh thần đổi mới sáng tạo, khát vọng vươn lên;

- Phát triển đô thị là trụ cột gắn với công nghiệp và kinh tế biển tạo động lực phát triển trong thời kỳ quy hoạch.

2.5. Tầm nhìn đến năm 2050

Hướng tới năm 2050, Quảng Ngãi là một tỉnh phát triển bền vững và đa dạng với các ngành công nghiệp xanh, công nghiệp công nghệ cao tập trung tại các khu công nghiệp và cụm công nghiệp tập trung. Các loại hình dịch vụ tiên tiến, hiện đại và đặc sắc chiếm tỷ trọng ngày càng cao trong cơ cấu kinh tế của tỉnh. Các loại hình nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn trở thành mũi nhọn của lĩnh vực nông nghiệp. Hệ thống cơ sở hạ tầng được hoàn thiện đồng bộ, phù hợp với nhu cầu phát triển; hệ thống đô thị thông minh, hiện đại và hệ thống nông thôn phát triển đạt tiêu chí nông thôn mới nâng cao; hệ thống mạng lưới phát triển khoa học như các trung tâm nghiên cứu và phát triển (đặc biệt là về các lĩnh vực dược liệu, nông nghiệp công nghệ cao, v.v.), trung tâm đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp, các cộng đồng nghiên cứu khoa học dần được hình thành trên địa bàn tỉnh. Bảo tồn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc, con người Quảng Ngãi, trở thành điểm nhấn trong phát triển du lịch của tỉnh. Chú trọng, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, chăm sóc sức khoẻ nhân dân, an sinh xã hội. Đảm bảo công tác quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội.

3. Phương hướng phát triển các ngành, lĩnh vực và Phương án tổ chức các hoạt động kinh tế - xã hội

3.1. Phương hướng phát triển các ngành quan trọng của tỉnh (Các trụ cột tăng trưởng)

a) Ngành công nghiệp

Tiếp tục khai thác những thế mạnh sẵn có về các lĩnh vực công nghiệp nền tảng như: Lọc hóa dầu, luyện kim thép, đóng tàu biển,... và thúc đẩy phát triển các lĩnh vực này theo chiều sâu, thân thiện với môi trường và mở rộng theo chuỗi giá trị (hóa dầu, sản phẩm sau thép,...), gia tăng sự hỗ trợ của các ngành công nghiệp phụ trợ; đồng thời, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu các ngành công nghiệp, giảm dần tỷ trọng của các ngành công nghiệp phát thải lớn và tạo điều kiện phát triển các ngành công nghiệp công nghệ cao, thân thiện hơn với môi trường và phù hợp với xu thế phát triển bền vững, như: sản xuất điện từ nguồn năng lượng sạch, năng lượng tái tạo, điện gió, điện khí, công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp chế biến - chế tạo, công nghiệp công nghệ cao (điện, điện tử, hàng không,...), công nghiệp chế biến sâu nông, lâm và thủy sản,... Tiếp tục chú trọng đầu tư hoàn thiện và phát triển cơ sở hạ tầng các khu vực công nghiệp quan trọng, đặc biệt là Khu kinh tế Dung Quất. Chủ động thúc đẩy mối liên kết giữa KKT Dung Quất với KKT mở Chu Lai của tỉnh Quảng Nam để hình thành trung tâm công nghiệp ven biển trọng điểm của khu vực Duyên hải Trung Bộ và cả nước.

b) Ngành nông nghiệp

Phát triển nông nghiệp chất lượng, giá trị, bền vững theo hướng tập trung hoá, hiện đại hoá, hướng tới nền nông nghiệp xanh, bảo vệ môi trường, tổ chức tái cơ cấu ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản, hình thành các khu nông nghiệp công nghệ cao, khu chăn nuôi tập trung, trang trại trồng trọt, vùng nuôi trồng đánh bắt thủy sản, vùng chuyên canh nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn dựa trên lợi thế các vùng, địa phương trong tỉnh, tăng cường ứng dụng công nghệ cao, công nghệ số gắn với chế biến, tiêu thụ theo chuỗi giá trị, nâng cao chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh và chủ động hội nhập quốc tế.

c) Ngành thương mại - dịch vụ

Phát triển Thương mại - Dịch vụ thành một ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh, phát triển đa dạng các loại hình, đặc biệt là các loại hình thương mại mới, hiện đại, ứng dụng công nghệ cao. Chú trọng phát triển các ngành, lĩnh vực có nhiều tiềm năng theo hướng chất lượng cao như du lịch, logistics, thương mại dịch vụ nội địa.

- Phát triển du lịch thành một ngành kinh tế quan trọng và trở thành mũi nhọn sau năm 2030, với hạt nhân trung tâm du lịch biển - đảo Lý Sơn và du lịch trải nghiệm gắn liền với văn hóa, lịch sử, giá trị cốt lõi của Quảng Ngãi. Phát triển đa dạng các loại hình, sản phẩm du lịch, như: du lịch biển, đảo, núi rừng, du lịch cộng đồng, du lịch chăm sóc sức khỏe, du lịch văn hóa, tâm linh theo hướng bền vững, chất lượng cao, đẳng cấp, có giá trị gia tăng lớn; thúc đẩy du lịch thông minh gắn với định hướng chuyển đổi số trong ngành du lịch và trong các định hướng phát triển kinh tế xã hội của tỉnh.

- Đầu tư hoàn thiện phát triển hệ thống Logistics theo hướng đồng bộ, hiện đại, thuận tiện, phát triển Quảng Ngãi thành trung tâm Logistics trung chuyển vận tải đa phương thức kết nối khu vực miền Trung, khu vực Tây Nguyên, các nước Đông Nam Á (Lào, Cam-pu-chia,...), cũng như là một cửa ngõ vận tải hàng hóa qua biển Đông.

- Phát triển thương mại theo hướng đổi mới sáng tạo, số hoá, công nghệ hoá phương thức kinh doanh; thu hút đầu tư các trung tâm dịch vụ tổng hợp, siêu thị, trung tâm thương mại và chợ tại vùng đô thị và ven biển có khu du lịch phát triển; tiếp tục nâng cao chất lượng, đa dạng hoá các hình thức bán buôn và bán lẻ phù hợp với nhu cầu sử dụng của từng địa phương. Phát triển hạ tầng thương mại đồng bộ, hiện đại và bền vững, phù hợp với tính chất và nhu cầu của từng địa phương theo từng giai đoạn, đáp ứng nhu cầu lưu thông hàng hoá, hỗ trợ xuất khẩu và phục vụ các liên kết sản xuất - chế biến - tiêu thụ.

3.2. Phương án tổ chức hoạt động kinh tế - xã hội

a) Phương án tổ chức không gian các hoạt động kinh tế - xã hội

- Tổ chức không gian phát triển tỉnh Quảng Ngãi theo 06 vùng không gian phát triển kinh tế động lực với định hướng phát triển các hoạt động kinh tế - xã hội theo đặc trưng cho từng vùng để đảm bảo sự phát triển cân bằng và thúc đẩy liên kết giữa các vùng, nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực, cụ thể: (1) Vùng

kinh tế động lực cụm đô thị và trung tâm dịch vụ¹⁰; (2) Vùng động lực công nghiệp của tỉnh¹¹; (3) Vùng kinh tế sinh thái ven biển¹²; (4) Vùng kinh tế rừng xanh¹³; (5) Vùng kinh tế nông nghiệp¹⁴; (6) Vùng kinh tế biển đảo¹⁵.

b) Các vùng đô thị động lực và các trung tâm động lực tăng trưởng

- Hai trung tâm động lực tăng trưởng: (1) Khu kinh tế Dung Quất trở thành Trung tâm lọc hóa dầu và năng lượng quốc gia; trung tâm công nghiệp, dịch vụ, du lịch của vùng kinh tế trọng điểm miền Trung; (2) Khu du lịch Đảo Lý Sơn trở thành trung tâm du lịch biển - đảo quốc gia.

- Ba trung tâm đô thị: (1) Đô thị trung tâm (Thành phố Quảng Ngãi và vùng phụ cận); (2) Trung tâm đô thị phía Bắc (Thị xã Bình Sơn và khu vực lân cận); (3) Trung tâm đô thị phía Nam (Thị xã Đức Phổ và vùng phụ cận).

c) Các hành lang kinh tế chiến lược:

Tổ chức liên kết không gian các hoạt động kinh tế - xã hội của tỉnh qua 4 hành lang kinh tế, cụ thể:

- Hành lang kinh tế Bắc Nam (Dung Quất - TP. Quảng Ngãi - Sa Huỳnh).
- Hành lang Đông Tây phía Bắc (Lý Sơn- Dung Quất - Trà Bồng - Trà My dọc quốc lộ 24C mở rộng kết nối Trà My, và cửa khẩu Nam Giang).
- Hành lang Đông Tây Phía Nam (dọc Quốc lộ 24 Sa Huỳnh - Ba Tơ - Bờ Y): từ Phổ An đi Thạch Trụ - Phổ Phong - Ba Tơ - Kon Tum - Bờ Y - Ngọc Hồi.
- Hành lang kinh tế kết nối nội tỉnh, dọc theo Tỉnh lộ 622, 626 và Quốc lộ 24B kết nối từ Trà Bồng đến Ba Tơ (Hành lang Ba Tơ - Sơn Hà - Sơn Tây - Trà Bồng).

¹⁰ Bao gồm Thành phố Quảng Ngãi và vùng phụ cận: Vùng phụ cận thuộc một phần các Huyện Sơn Tịnh, Tư Nghĩa, Nghĩa Hành. Trong đó, thành phố Quảng Ngãi đóng vai trò thủ phủ của Tỉnh, trung tâm hành chính, chính trị, kinh tế, thương mại dịch vụ đô thị, trung tâm nghiên cứu, đào tạo và phát triển nghề nghiệp cho toàn tỉnh.

¹¹ Bao gồm huyện Bình Sơn (Khu kinh tế Dung Quất) và một phần huyện Trà Bồng, một phần huyện Sơn Tịnh: Đây là khu vực trọng điểm công nghiệp và dịch vụ hậu cần, định hướng phát triển các khu công nghiệp, cụm công nghiệp với các ngành công nghiệp lọc hoá dầu, luyện thép, chế tạo sau thép, năng lượng tái tạo, công nghiệp đóng tàu, công nghiệp chế biến gỗ, các ngành công nghiệp phụ trợ, ..., và dịch vụ logistics, dịch vụ hậu cần cảng biển gắn với cảng nước sâu Dung Quất, Cảng hàng không quốc tế Chu Lai, định hướng lâu dài phát triển cảng trung chuyển, giao thương hàng hóa quốc tế.

¹² Bao gồm thị xã Đức Phổ và Huyện Mộ Đức: Phát triển khu vực trở thành trung tâm đầu mối kinh tế sinh thái biển Quảng Ngãi với trung tâm là thị xã Đức Phổ, hình thành trung tâm hậu cần nghề cá của khu vực, gắn với công nghiệp hậu cần nghề cá, trung tâm đầu mối, giao thương thủy sản hoàn thành chuỗi giá trị ngành hàng, trung tâm xúc tiến, trung tâm hỗ trợ công nghệ đánh bắt và nuôi trồng xa bờ, truy xuất nguồn gốc, ứng dụng công nghệ cao hướng tới khai thác bền vững.

¹³ Bao gồm các huyện Trà Bồng, Sơn Tây, Minh Long, Ba Tơ: Hình thành các trung tâm kinh tế miền cao, vùng trồng dược liệu, trồng chè, trồng rừng cây gỗ lớn, phát triển rừng trồng sản xuất, cây lâm sản ngoài gỗ, các trung tâm chế biến lâm sản, phát triển kinh tế rừng gắn với phát triển du lịch - văn hoá địa phương, hướng tới đột phá kinh tế rừng cho Quảng Ngãi.

¹⁴ Bao gồm các khu vực có địa hình tương đối bằng phẳng thuận lợi phát triển nông nghiệp xen giữa các khu vực đồi núi thuộc địa giới hành chính của các huyện Nghĩa Hành, Mộ Đức, một phần huyện Sơn Tịnh, Sơn Hà, Minh Long, Ba Tơ: Hướng tới giảm thâm dụng tài nguyên và bảo tồn đa dạng sinh học, hình thành các hành lang kinh tế hỗn hợp - tuần hoàn, các vùng rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, các vùng chuyên canh sản xuất nông - lâm sản.

¹⁵ Bao gồm Đảo Lý Sơn - "ngọc lớn - ngọc bé" của Biển Đông: Với định hướng vai trò là tiền phương của du lịch biển đảo, khu vực này sẽ phát triển trở thành một đô thị du lịch cao cấp gắn với các hoạt động tham quan nghỉ dưỡng biển, du lịch trải nghiệm các lễ hội truyền, tập trung phát triển các sản phẩm đặc sản địa phương (Hành, tỏi,...), bảo tồn và phát huy các làng chài.

d) Các khu vực cần bảo tồn, khu vực hạn chế phát triển

- Các khu vực cần bảo tồn: vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng phục hồi sinh thái của các khu bảo tồn thiên nhiên; vùng lõi di sản thiên nhiên được tổ chức quốc tế công nhận; khu vực bảo vệ I các di tích lịch sử - văn hóa quốc gia, di tích lịch sử - văn hóa quốc gia đặc biệt; rừng phòng hộ đầu nguồn và rừng bảo vệ nguồn nước của cộng đồng dân cư;

- Các khu vực hạn chế phát triển: các khu vực địa hình quan trọng đặc biệt và quan trọng cao ưu tiên cho nhiệm vụ quốc phòng; vùng đệm các khu bảo tồn thiên nhiên, di sản thiên nhiên được tổ chức quốc tế công nhận; các hành lang đa dạng sinh học, vùng đất ngập nước quan trọng; khu vực bảo vệ II các di tích lịch sử - văn hóa quốc gia, di tích lịch sử - văn hóa quốc gia đặc biệt; hành lang bảo vệ nguồn nước; rừng phòng hộ ngoài khu vực rừng phòng hộ đầu nguồn và rừng bảo vệ nguồn nước của cộng đồng dân cư; vùng có nguy cơ xảy ra sạt lở, lũ ống, lũ quét.

4. Phương án quy hoạch hệ thống đô thị, nông thôn và các khu chức năng

4.1. Phương án tổ chức hệ thống đô thị, tổ chức lãnh thổ nông thôn

a) Phương án phát triển đô thị

Đến năm 2030, tỉnh Quảng Ngãi có 1 đô thị đạt một số tiêu chí cơ bản của đô thị loại I là thành phố Quảng Ngãi; 02 đô thị đạt một số tiêu chí cơ bản của đô thị loại III là Bình Sơn và Đức Phổ; 01 đô thị loại IV (Lý Sơn); 14 đô thị loại V (trong đó 06 đô thị đạt một số tiêu chí đô thị loại IV: đô thị Di Lăng (mở rộng), Trà Xuân (mở rộng), Ba Tơ (mở rộng), La Hà - Sông Vệ, Chợ Chùa, Mộ Đức) và một số đô thị đạt tiêu chí loại V.

b) Phương án tổ chức lãnh thổ nông thôn

Định hướng tổ chức không gian lãnh thổ khu vực nông thôn phù hợp với mục tiêu xây dựng nông thôn mới, chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và quá trình đô thị hóa của tỉnh; xây dựng cơ sở hạ tầng, dịch vụ xã hội đồng bộ kết nối nông thôn - đô thị, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và thích ứng với biến đổi khí hậu; đảm bảo môi trường cảnh quan nông thôn sáng, xanh, sạch đẹp, an toàn; giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc; phát triển đa dạng các loại hình kinh tế nông thôn, chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông thôn và tổ chức sản xuất hợp lý, tiếp tục mở rộng và nâng cao hiệu quả chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP), tạo sinh kế bền vững cho người dân; xã hội nông thôn ổn định, dân trí được nâng cao; an ninh, trật tự được bảo đảm.

Phát triển các khu dân cư nông thôn trên cơ sở triệt để tận dụng các điểm dân cư hiện hữu, hoàn thiện, cải tạo chỉnh trang kết hợp xây dựng mới, bảo vệ môi trường bền vững. Phát triển các điểm dân cư nông thôn gắn với vùng sản xuất, phù hợp phong tục tập quán, đặc điểm tự nhiên, điều kiện kinh tế - xã hội của từng vùng trong tỉnh. Bảo vệ các không gian cảnh quan, di tích lịch sử, văn hóa, tôn giáo, tín ngưỡng và các không gian có giá trị trong vùng nông thôn. Chủ động di dời, bố trí, sắp xếp lại các điểm dân cư đối với khu vực có nguy cơ cao xảy ra thiên tai, sạt lở.

4.2. Phương án phát triển các khu chức năng, cụm công nghiệp

a) Khu kinh tế

Phát triển Khu kinh tế Dung Quất phát triển thành một trong những trung tâm kinh tế biển năng động, với nền kinh tế tổng hợp đa ngành, đa lĩnh vực quan trọng của quốc gia; lấy cảnh quan đô thị biển làm sức hấp dẫn, lấy nền tảng cơ sở hạ tầng phát triển để đẩy mạnh kinh tế biển, hướng đến sự thịnh vượng, có vị trí quan trọng về an ninh quốc phòng Quốc gia.

b) Khu công nghiệp, cụm công nghiệp

Đến năm 2030, Quy hoạch mạng lưới các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh gồm 10 khu công nghiệp (06 khu công nghiệp nằm trong Khu kinh tế Dung Quất và 04 khu công nghiệp nằm ngoài Khu kinh tế Dung Quất); Quy hoạch mạng lưới các cụm công nghiệp gồm: di dời 3 cụm công nghiệp, duy trì và mở rộng 21 cụm công nghiệp và đề nghị bổ sung 15 cụm công nghiệp.

c) Hệ thống khu, điểm du lịch

Phát triển các khu, điểm du lịch trọng điểm: từng bước hình thành khu du lịch trọng điểm quốc gia Lý Sơn - Bình Châu - Mỹ Khê, trong đó Đảo Lý Sơn sẽ là trung tâm hạt nhân du lịch của khu vực.

Các khu du lịch cấp tỉnh: Khu du lịch biển Sa Huỳnh, Khu du lịch sinh thái hồ Núi Ngang, Khu du lịch sinh thái Thạch Bích, Khu du lịch Bình Châu, Khu du lịch sinh thái Núi Cà Đam;

Phát triển du lịch gắn với khai thác giá trị văn hóa lịch sử của các di tích nổi bật: khởi nghĩa Ba Tơ, văn hóa Sa Huỳnh, chứng tích Sơn Mỹ...; các danh thắng nổi bật của Quảng Ngãi (Quảng Ngãi thập nhị cảnh); và các điểm du lịch nổi bật: bãi biển Khe Hai, Đầm Thuận Phước, Gành Yến, Biển Lệ Thủy, Ba Làng An, Suối Chí, thảo nguyên Bùi Hui, các điểm du lịch trải nghiệm văn hóa cộng đồng, v.v.

Quy hoạch, phát triển khu vực dọc tuyến đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh (từ huyện Tư Nghĩa đến thị xã Đức Phổ) trở thành một khu chức năng quan trọng phía Đông Nam của tỉnh Quảng Ngãi có tính chất là khu du lịch - dịch vụ - đô thị và nông lâm nghiệp ven biển, trong đó phát triển du lịch là chức năng chủ đạo, làm động lực thúc đẩy và phát triển các khu đô thị mới dọc theo tuyến ven biển, góp phần tạo động lực phát triển cho khu vực ven biển phía Nam tỉnh Quảng Ngãi.

d) Các khu thể thao

Phía Đông thành phố Quảng Ngãi xây mới Khu liên hiệp thể thao cấp tỉnh; khu vực huyện Bình Sơn xây mới trung tâm khu liên hợp thể dục thể thao theo tiêu chuẩn cấp vùng; thị xã Đức Phổ hình thành trung tâm dịch vụ thể thao giải trí gắn với nước (ven biển, đầm phá) phục vụ nhu cầu vui chơi, giải trí, lôi cuốn khách du lịch đến khu vực Sa Huỳnh. Ngoài ra, tiếp tục duy trì, nâng cấp và mở rộng sử dụng 13 Trung tâm Văn hóa - Thể thao hiện có tại các huyện, thị xã, thành phố. Đầu tư cơ sở vật chất, nâng cấp công trình đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hóa của nhân dân. Dự kiến quy hoạch xây dựng 5 - 6 sân golf tại các khu vực: phía Nam cảng hàng không Chu Lai; khu vực phát triển du lịch sinh thái đầm Thuận Phước; khu vực vùng đệm sinh thái phía Tây khu đô thị Đông Nam Dung Quất; đảo lớn Lý Sơn và một số khu vực có điều kiện thuận lợi về

khai thác cảnh quan như vùng bãi bồi và ven các sông đầm trong địa bàn Khu kinh tế Dung Quất.

f) Khu nghiên cứu, đào tạo

Các khu nghiên cứu: nâng cấp cơ sở vật chất Trung tâm Ứng dụng và Dịch vụ khoa học công nghệ Quảng Ngãi, Trung tâm Giống tỉnh và Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông phục vụ nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao công nghệ sinh học phục vụ trong lĩnh vực nông nghiệp, bảo vệ môi trường, công nghiệp thực phẩm và y dược học.

Các khu đào tạo: phát triển hệ thống cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trực thuộc quản lý của UBND tỉnh và các Sở ban ngành, gồm các trường cao đẳng, trường trung cấp, và trung tâm giáo dục nghề nghiệp tập trung tại thành phố Quảng Ngãi; xây dựng các trung tâm nghiên cứu đào tạo tại khu đô thị Vạn Tường, khu đô thị Châu Ô - Bình Long, đô thị Tịnh Phong; khuyến khích các doanh nghiệp trong KKT Dung Quất thiết lập hệ thống đào tạo cho nhân viên; xây dựng mới Trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh, với vai trò đào tạo các kỹ năng khởi nghiệp.

4.3. Phương án phát triển các khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn

Phát triển hoạt động kinh tế chủ yếu là nông nghiệp, xác định, lựa chọn một số loại cây, con với mô hình sản xuất phù hợp với năng lực, nhận thức của đồng bào và thể mạnh của địa phương; tăng cường thu hút và xã hội hóa các nguồn vốn đầu tư cho hạ tầng kinh tế - xã hội, vốn phát triển sản xuất. Hoàn thiện hạ tầng giao thông kết nối đến trung tâm xã, đường giao thông trục tại thôn, xóm và điện hóa, tạo điều kiện phát triển sản xuất, lưu thông hàng hóa và tiêu thụ sản phẩm. Thực hiện lồng ghép các nguồn vốn của các chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình dự án hỗ trợ có mục tiêu trên địa bàn, nâng cao hiệu quả kinh tế, giảm nghèo bền vững.

Tăng cường thực hiện các chính sách về y tế, nâng cao năng lực khám chữa bệnh, thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội: bảo hiểm, y tế, giáo dục và các chính sách ưu đãi, hỗ trợ khác dành cho các đối tượng thuộc khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn; thực hiện tốt chính sách hỗ trợ, đào tạo nghề nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; bảo tồn phát huy giá trị bản sắc dân tộc, thực hiện chính sách giảm nghèo, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân.

4.4. Khu quân sự, an ninh

Xây dựng hệ thống công trình quốc phòng, an ninh sẵn sàng phục vụ cho nhiệm vụ quốc phòng, an ninh đáp ứng yêu cầu xây dựng khu vực phòng thủ tỉnh gắn với thể trận an ninh nhân dân vững chắc; thực hiện tốt kết hợp phát triển kinh tế gắn quốc phòng, an ninh làm cơ sở xây dựng, củng cố nền quốc phòng toàn dân đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Đặc biệt, phát triển huyện đảo Lý Sơn trở thành trung tâm du lịch biển đảo phải gắn liền với công tác phòng thủ bảo vệ chủ quyền.

4.5. Sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã

Tiếp tục thực hiện sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã, bảo đảm tính tổng thể, đồng bộ, phù hợp với Quy hoạch và yêu cầu phát triển, đáp

ứng tiêu chuẩn của đơn vị hành chính trong từng giai đoạn phát triển, đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành của nhà nước.

5. Phương án phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật

5.1. Phương án phát triển mạng lưới giao thông

Bám sát định hướng của Quy hoạch cấp quốc gia để phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông chiến lược của tỉnh trên cơ sở phát huy ưu thế của các phương thức vận tải bảo đảm đồng bộ, hiện đại, liên thông, tổng thể, thúc đẩy liên kết vùng và nội vùng, gắn với các hành lang phát triển kinh tế của tỉnh đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng an ninh, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế, đảm bảo an toàn giao thông, giảm thời gian, chi phí đi lại, hạn chế ô nhiễm môi trường.

- Phương án phát triển hạ tầng giao thông quốc gia: các tuyến cao tốc, quốc lộ, đường sắt, hàng hải và hệ thống cảng biển thực hiện theo Quy hoạch ngành quốc gia được phê duyệt; xây dựng sân bay, cảng hàng không trên đảo Lý Sơn, xây dựng Tuyến cao tốc Quảng Ngãi-Kon Tum.

- Phương án phát triển hạ tầng giao thông cấp tỉnh

+ Đường bộ: gồm 25 tuyến đường tỉnh (bao gồm cả đường ven biển). Các tuyến đường đô thị, đường huyện, đường giao thông nông thôn thực hiện theo quy hoạch đô thị, nông thôn, quy hoạch xây dựng vùng huyện và liên huyện, quy hoạch chuyên ngành và đề án khác có liên quan theo đúng quy định của pháp luật.

+ Đường sắt: ngoài tuyến đường sắt Hà Nội - thành phố Hồ Chí Minh và đường sắt tốc độ cao Bắc Nam đi qua Tỉnh Quảng Ngãi, xây dựng mới tuyến đường sắt đô thị kết nối Khu kinh tế Dung Quất với Quảng Nam.

+ Bến xe: Quy hoạch mỗi huyện sẽ có tối thiểu 01 bến xe khách. Riêng các đô thị lớn, như: thành phố Quảng Ngãi, thị xã Đức Phổ,... Quy hoạch thêm các bến xe hàng, bãi đỗ xe nhằm tổ chức và điều tiết giao thông trong đô thị một cách hiệu quả tránh ùn tắc giao thông; đầu tư các trạm dừng nghỉ trên các tuyến quốc lộ và cao tốc để phục vụ nhu cầu đi lại của người dân.

+ Cảng và đường thủy nội địa: khuyến khích đầu tư xây dựng các cảng, bến thủy nội địa, bến khách phù hợp với quy hoạch kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa, quy hoạch chuyên ngành và đề án khác có liên quan theo đúng quy định của pháp luật để phát huy tối đa tiềm năng kinh tế trên các vùng hồ thủy điện, tuyến sông.

5.2. Phương án phát triển nguồn điện và mạng lưới cấp điện

Phát triển nguồn điện gắn với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, phù hợp với quy hoạch điện lực quốc gia và chiến lược phát triển năng lượng của tỉnh. Dựa trên dự báo nhu cầu điện và cân bằng cung cầu điện của tỉnh, thực hiện xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo các trạm biến áp và đường dây điện 500kV, 220kV và 110kV, các đường dây trung thế, hạ thế kết nối với các nguồn điện mới đáp ứng nhu cầu phụ tải, đặc biệt là tại các trung tâm đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp.

Phương án phát triển lưới điện trung áp sau các trạm 110kV là các tuyến

đường dây trung áp được xuất tuyến từ điểm đầu nối vào thanh cái trung thế của trạm 110kV thông qua máy cắt xuất tuyến. Tập trung xây dựng cơ sở hạ tầng cấp điện cho vùng sâu, vùng xa và hải đảo (chưa được cấp điện từ lưới điện quốc gia), ưu tiên sử dụng các loại nguồn năng lượng tái tạo như: thủy điện nhỏ, điện mặt trời, năng lượng gió, điện khí sinh học, hoặc thậm chí địa nhiệt đối với các vùng có tiềm năng địa nhiệt của tỉnh, đảm bảo cấp điện an toàn, ổn định.

5.3. Phương án phát triển mạng lưới thông tin và truyền thông

Đến năm 2030, hạ tầng thông tin và truyền thông tỉnh Quảng Ngãi cơ bản đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số, phát triển ổn định và thịnh vượng, thử nghiệm các công nghệ và mô hình mới, đổi mới căn bản, toàn diện hoạt động quản lý, điều hành của Chính quyền, đáp ứng phương thức sống mới, phương thức làm việc mới trong một môi trường số an toàn, rộng khắp; tỷ lệ người sử dụng dịch vụ di động thông minh là 92% (tính theo số thuê bao di động có phát sinh lưu lượng); tỷ lệ hộ gia đình có thuê bao cáp quang đạt tối thiểu 95%; mật độ thuê bao Internet băng rộng di động/100 dân đạt khoảng 230 thuê bao.

- Phát triển hạ tầng bưu chính theo hướng đẩy mạnh chuyển đổi số. Hạ tầng bưu chính chuyển phát trở thành hạ tầng quan trọng của nền kinh tế số, của thương mại điện tử; góp phần thúc đẩy Chính quyền số, kinh tế số, xã hội số. Chuyển dịch từ dịch vụ bưu chính truyền thống sang dịch vụ bưu chính số. Chuyển đổi hạ tầng viễn thông thành hạ tầng số, xây dựng mạng thông tin di động 5G phủ sóng tại 100% các khu dân cư của tỉnh. Đảm bảo hoạt động của các tuyến truyền dẫn quang liên tỉnh và nội tỉnh với dung lượng cao, kết nối liên huyện, liên vùng, đặc biệt là các vùng trung tâm kinh tế - chính trị, vùng kinh tế trọng điểm; chuyển đổi số hạ tầng các cơ quan báo chí nòng cốt theo mô hình tòa soạn hội tụ, truyền thông đa phương tiện.

- Đầu tư, nâng cấp các công trình hạ tầng kỹ thuật ngầm, ngầm hóa hạ tầng mạng cáp viễn thông; phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động. Phát triển các nền tảng số, ứng dụng công nghệ số mới vào cải cách thủ tục hành chính; xây dựng đô thị thông minh và từng bước chuyển đổi sang chính quyền số. Xây dựng trung tâm dữ liệu tỉnh phù hợp với lộ trình chuyển đổi số quốc gia và đáp ứng nhu cầu sử dụng của tỉnh.

- Đẩy mạnh phát triển kinh tế số, phát triển thanh toán số theo hướng phổ cập tài chính toàn diện. Phát triển mạnh kinh tế số ngành, lĩnh vực trọng điểm; phát triển xã hội số, trọng tâm là chuyển đổi số trong lĩnh vực y tế, giáo dục. Phát triển danh tính số và hệ thống định danh, xác thực điện tử. Duy trì triển khai an toàn thông tin mạng theo mô hình 4 lớp; vận hành hiệu quả hệ thống giám sát, điều hành an toàn thông tin mạng (SOC) của tỉnh kết nối hệ thống hỗ trợ giám sát, điều hành an toàn thông tin phục vụ Chính quyền số.

5.4. Phương án phát triển mạng lưới thủy lợi, cấp nước

Phát triển thủy lợi theo hướng hiện đại, bảo đảm cấp, thoát nước cho dân sinh, phục vụ chữa cháy và các ngành kinh tế; nâng cao năng lực phòng chống lũ, ngập lụt, chủ động phòng chống và giảm nhẹ thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng trên địa bàn tỉnh.

Xây dựng, nâng cấp hệ thống cấp nước đô thị và nông thôn, quy hoạch bố trí các trụ nước chữa cháy để đáp ứng nhu cầu cấp nước sản xuất, sinh hoạt, chữa cháy; ưu tiên xây dựng hệ thống cấp nước tập trung, quy mô liên đô thị, liên xã. Xây dựng mới hệ thống cấp nước tập trung tại các xã, các đảo để phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt, sản xuất và chữa cháy.

Tiếp tục nâng cấp, mở rộng, nâng cao hiệu quả thu gom, xử lý của các hệ thống xử lý nước thải tập trung quy mô lớn tại khu kinh tế và các khu, cụm công nghiệp; xây dựng hệ thống thoát nước thải đô thị, nông thôn.

5.5. Phương án phát triển mạng lưới các khu xử lý chất thải

Quy hoạch xây dựng khu xử lý chất thải rắn (CTR) phải phù hợp với các quy hoạch có liên quan, đảm bảo xử lý 100% lượng chất thải rắn phát sinh trong phạm vi phục vụ của mỗi cơ sở, xử lý tập trung, liên đô thị, liên vùng, hạn chế xử lý phân tán, gây ô nhiễm môi trường; xây dựng hệ thống quản lý CTR hiện đại, thực hiện phân loại tại nguồn, thu gom, tái chế, tái sử dụng và xử lý triệt để bằng những công nghệ tiên tiến và phù hợp, hạn chế tối đa lượng chất thải phải chôn lấp, giảm chi phí đầu tư xây dựng bãi chôn lấp và tăng hiệu quả sử dụng đất.

Xây dựng các hệ thống thu gom, xử lý, thoát nước thải sinh hoạt, nước thải công nghiệp đảm bảo đạt quy chuẩn cho phép trước khi xả thải ra nguồn tiếp nhận. Chất thải rắn công nghiệp thông thường được thu gom và xử lý tập trung cùng với chất thải rắn sinh hoạt; chất thải rắn nguy hại được thu gom xử lý tại các cơ sở có chức năng xử lý chất thải rắn nguy hại; chất thải rắn y tế được thu gom và xử lý đưa về các khu xử lý được phân theo vùng, theo cụm.

5.6. Phương án quy hoạch bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản và phương án quy hoạch hệ thống cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá

Tiếp tục phát triển khai thác, nuôi trồng, chế biến thủy sản theo hướng bền vững, hiện đại, bảo vệ nguồn lợi và môi trường sinh thái, chú trọng phát triển chuỗi liên kết sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm, nâng cao giá trị gia tăng và tăng thu nhập cho người dân; tăng cường nghiên cứu, chuyên giao và ứng dụng công nghệ, ưu tiên ứng dụng công nghệ cao, chuyên đổi số; nâng cao năng lực quản lý nhà nước đối với cảng cá và khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá.

Đầu tư phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng và dịch vụ hậu cần, các cảng cá, các khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá bảo đảm đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật theo quy định và khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu và nước biển dâng.

6. Phương án phát triển kết cấu hạ tầng xã hội

6.1. Phương án phát triển mạng lưới hạ tầng văn hóa - thể thao

Xây dựng và phát triển văn hóa thể thao hướng đến mục tiêu con người Quảng Ngãi phát triển toàn diện, hướng đến chân, thiện, mỹ. Văn hóa thực sự trở thành nền tảng tinh thần, là động lực cho sự phát triển của xã hội, là sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm sự phát triển bền vững của tỉnh. Xây dựng nền văn hóa giàu bản sắc Quảng Ngãi gắn với phát triển đồng bộ hệ thống thiết chế văn hóa từ tỉnh đến cơ sở, đồng thời bảo tồn, gìn giữ, phát huy các giá trị truyền thống, các di sản văn hóa phi vật thể quốc gia và các di sản văn hoá tiêu biểu. Huy động nguồn lực đầu tư, nâng cấp các thiết chế văn hóa, thể thao các

cấp; xây dựng 5-6 sân golf tại các địa điểm thích hợp, phù hợp với Quy hoạch sử dụng đất, các Quy hoạch liên quan khác.

Phát triển thể dục, thể thao để nâng cao thể lực và tầm vóc con người Quảng Ngãi, phát triển phong trào thể thao quần chúng và thể thao thành tích cao ở những môn có thể mạnh để nâng cao vị thế và thành tích của tỉnh.

6.2. Phương án phát triển mạng lưới hạ tầng giáo dục và đào tạo

Phát triển hệ thống giáo dục và đào tạo hiện đại, đảm bảo chất lượng, hiệu quả và tính phổ cập, phương thức giáo dục đổi mới đảm bảo được nguồn nhân lực theo nhu cầu phát triển của địa phương. Huy động mọi nguồn lực, đẩy mạnh công tác xã hội hóa trong phát triển hạ tầng giáo dục và đào tạo, hình thành một hệ thống giáo dục và đào tạo công, tư toàn diện. Ưu tiên đầu tư cho giáo dục phổ cập, giáo dục ở những vùng đặc biệt khó khăn, dân tộc thiểu số, vùng bị ảnh hưởng bởi thiên tai, biến đổi khí hậu và các đối tượng chính sách xã hội.

Cải tạo, nâng cấp quy mô các cơ sở các cấp, bậc học phù hợp với nhu cầu thực tiễn của nhân dân, của từng địa phương; nâng cao tỷ lệ kiên cố hoá trường lớp học, tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia ở các cấp, bậc học theo các chỉ tiêu đề ra cho từng giai đoạn. Tập trung phát triển các trường đại học, cao đẳng, trung cấp, đào tạo đa cấp trình độ, đa ngành nghề, đảm bảo năng lực đào tạo đáp ứng nhu cầu nhân lực kỹ thuật trực tiếp của các ngành và địa phương, nhằm chuyển dịch cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động, phù hợp với chiến lược phát triển.

6.3. Phương án phát triển mạng lưới hạ tầng y tế

Hoàn thiện hệ thống y tế và mạng lưới khám, chữa bệnh theo hướng hiện đại, công bằng, hiệu quả; đảm bảo tính hệ thống và liên lạc trong hoạt động chuyên môn của từng tuyến và giữa các tuyến, phát triển cân đối hợp lý giữa các bệnh viện đa khoa và chuyên khoa, phát triển y tế phổ cập kết hợp y tế chuyên sâu, giữa y học hiện đại với y học cổ truyền, dự phòng và điều trị, giữa y tế công và tư nhằm đáp ứng tốt các nhiệm vụ cung cấp dịch vụ trong chăm sóc, bảo vệ sức khỏe nhân dân trên địa bàn tỉnh và khu vực lân cận; phù hợp với Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống y tế và mạng lưới khám, chữa bệnh của cả nước cũng như đặc điểm tình hình của tỉnh. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng các cơ sở y tế ngoài công lập đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh của nhân dân.

6.4. Phương án phát triển mạng lưới hạ tầng an sinh xã hội

Đầu tư xây dựng mới Trung tâm Nuôi dưỡng và phục hồi chức năng cho người tâm thần tỉnh Quảng Ngãi; thành lập Trung tâm chăm sóc sức khỏe cho người cao tuổi trực thuộc Trường Cao đẳng Quảng Ngãi; xây dựng Trung tâm chăm sóc người cao tuổi tại thành phố Quảng Ngãi (khu vực sông Bàu Giang); xây dựng Trung tâm Điều dưỡng người có công tỉnh Quảng Ngãi - Cơ sở 2. Mở rộng, nâng cấp các cơ sở trợ giúp xã hội hiện có, tăng công suất tiếp nhận cho các cơ sở; có chính sách khuyến khích tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp tham gia đầu tư xây dựng, quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội, chăm sóc người già cô đơn, trẻ mồ côi, khuyết tật phù hợp với quy định của pháp luật.

6.5. Phương án phát triển Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (viết tắt KHCN&ĐMST)

Quan tâm đầu tư xây dựng, phát triển tiềm lực KH-CN&ĐMST để từng bước đưa KH-CN&ĐMST trở thành động lực chính của sự tăng trưởng, phát triển kinh tế - xã hội, thúc đẩy quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá và đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững kinh tế - xã hội của tỉnh; đầu tư xây dựng, phát triển tiềm lực KH-CN&ĐMST của tỉnh đồng bộ cả nguồn nhân lực và cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ công tác nghiên cứu, phát triển chuyển giao công nghệ.

Đầu tư phát triển mạng lưới trung tâm đổi mới sáng tạo; phát triển khoa học, công nghệ, kinh tế số, xã hội số, chính quyền số. Tập trung nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao theo hướng công nghệ cao, công nghệ sạch, tăng cường ứng dụng các công nghệ hiện đại vào sản xuất các ngành, lĩnh vực kinh tế - xã hội như: công nghệ sinh học; công nghệ thông tin; công nghệ vật liệu mới; công nghệ y dược, công nghệ chế tạo - tự động hóa; công nghệ biển và ứng phó với biến đổi khí hậu, công nghệ công nghiệp điện tử, tự động hóa và sản xuất, lắp ô tô dựa trên nền tảng công nghiệp sáng tạo.

6.6. Phương án phát triển hạ tầng phòng cháy chữa cháy

Quy hoạch địa điểm xây dựng các công trình hạ tầng phòng cháy chữa cháy (*trụ sở và doanh trại lực lượng phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ*) tại trung tâm các huyện, thành phố, thị xã, các khu công nghiệp, cụm công nghiệp và địa bàn trọng điểm nguy hiểm về cháy nổ bảo đảm thuận tiện về giao thông, nguồn nước, thông tin liên lạc, phù hợp với Quy hoạch ngành quốc gia về hạ tầng PCCC và đáp ứng các quy định hiện hành. Bố trí, thiết lập hệ thống cấp nước chữa cháy phù hợp với yêu cầu phòng cháy chữa cháy tại từng địa bàn.

7. Phương án phân bổ, khoanh vùng đất đai

Đảm bảo việc sử dụng đất có hiệu quả, tiết kiệm; đảm bảo cho sự phát triển bền vững trong tương lai; phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất quốc gia; đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh; phát triển giáo dục, văn hóa, thể thao; bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu; tạo động lực cho sự phát triển của tỉnh. Đảm bảo việc bố trí sử dụng đất hợp lý phù hợp với định hướng phát triển của tỉnh trong thời kỳ Quy hoạch.

8. Phương án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, vùng huyện

8.1. Quy hoạch xây dựng các vùng liên huyện

Với định hướng phân chia lãnh thổ theo các trục động lực, các trọng điểm và tính đến đặc trưng về liên kết vùng, tổ chức không gian tỉnh Quảng Ngãi bao gồm 05 vùng liên huyện, đảm bảo phát huy khả năng liên kết giữa các huyện trong việc phát triển các hoạt động kinh tế - xã hội toàn diện, bền vững, cũng như khả năng liên kết giữa các huyện và các khu đô thị, khu kinh tế động lực, gồm: (1) Vùng A - vùng liên huyện thương mại - dịch vụ, trung tâm thành phố Quảng Ngãi và vùng phụ cận; (2) Vùng B - vùng liên huyện, hành lang kinh tế phía bắc; trọng điểm công nghiệp, dịch vụ hậu cần, du lịch; (3) Vùng C - vùng liên huyện kinh tế sinh thái biển phía Nam; (4) Vùng D - vùng liên huyện miền núi phía tây - kinh tế rừng xanh; (5) Vùng E - đảo Lý Sơn “Ngọc lớn - Ngọc bé” của Biển Đông.

8.2. Quy hoạch xây dựng các vùng huyện

Quy hoạch 09 vùng huyện đảm bảo phù hợp với mục tiêu định hướng phát triển tổng thể của tỉnh gồm: (1) Vùng huyện Sơn Tịnh, (2) Vùng huyện Tư Nghĩa, (3) Vùng huyện Nghĩa Hành, (4) Vùng huyện Mộ Đức, (5) Vùng huyện Trà Bồng, (6) Vùng huyện Sơn Hà, (7) Vùng huyện Minh Long, (8) Vùng huyện Sơn Tây và (9) Vùng huyện Ba Tơ.

9. Phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; bảo vệ khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên; phòng chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu

9.1. Phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học

a) Phân vùng bảo vệ môi trường

Phân vùng môi trường tỉnh Quảng Ngãi theo vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải và vùng khác để làm cơ sở cho triển khai các giải pháp về bảo vệ môi trường, cụ thể như sau:

- Vùng bảo vệ nghiêm ngặt, bao gồm: khu dân cư tập trung ở đô thị (vùng nội thành, nội thị của các đô thị loại I, loại II, loại III); nguồn nước mặt được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước; khu bảo tồn thiên nhiên; khu vực bảo vệ 1 của di tích lịch sử - văn hóa; vùng lõi của di sản thiên nhiên.

- Vùng hạn chế phát thải, bao gồm: vùng đệm của các vùng bảo vệ nghiêm ngặt; hành lang bảo vệ nguồn nước mặt được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt; khu dân cư tập trung là nội thành, nội thị của các đô thị loại IV, loại V; khu vực có yếu tố nhạy cảm về môi trường dễ bị tổn thương trước tác động của ô nhiễm môi trường khác cần được bảo vệ.

- Vùng môi trường khác: các khu vực còn lại.

b) Phương án bảo tồn đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh

Thành lập mới các khu bảo vệ cảnh quan, cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học. Bảo tồn và phục hồi các loài hoang dã nguy cấp, đặc biệt là các loài động vật nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ, loài di cư; đánh giá, phát huy lợi ích của đa dạng sinh học phục vụ phát triển bền vững. Kiểm soát tốt các hoạt động gây tác động tiêu cực đến đa dạng sinh học.

c) Phương án quan trắc môi trường

Tiếp tục duy trì, nâng cấp hệ thống quan trắc hiện có; xây dựng mới và bổ trí mạng lưới quan trắc môi trường, bao gồm môi trường nước mặt (sông, suối, hồ), môi trường nước dưới đất, môi trường nước biển; môi trường không khí xung quanh, tiếng ồn, môi trường đất, môi trường trầm tích với số điểm quan trắc và tần số đáp ứng được mục tiêu theo dõi và bảo vệ môi trường; đầu tư nâng cao năng lực phòng thí nghiệm, phân tích môi trường và hệ thống quản lý số liệu, dữ liệu quan trắc môi trường. Thực hiện liên kết mạng lưới, cơ sở dữ liệu, số liệu quan trắc môi trường tỉnh với mạng lưới, cơ sở dữ liệu, số liệu quan trắc môi trường quốc gia và kết nối mạng lưới quan trắc môi trường cấp vùng. Định

kỳ thực hiện kiểm kê, đánh giá tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh. Nâng cao năng lực cảnh báo thiên tai, xây dựng hệ thống cảnh báo lũ ống, lũ quét, quan trắc trượt lở, nâng cấp trạm quan trắc tự động nước mặt các sông và các trạm khí tượng thủy văn trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

d) Bảo vệ rừng và phát triển rừng

Phát triển lâm nghiệp bền vững cả về kinh tế, xã hội và môi trường, trên cơ sở tổ chức sản xuất hợp lý, góp phần phát triển kinh tế, xoá đói giảm nghèo ở vùng đồi núi và phát triển hàng hoá từ rừng. Tiếp tục bảo vệ, phục hồi hiệu quả tối đa diện tích rừng tự nhiên; duy trì, củng cố các khu rừng đặc dụng hiện có; thành lập mới, khôi phục, tái phát triển một số khu rừng đặc dụng. Rà soát điều chỉnh rừng phòng hộ sang rừng đặc dụng, điều chỉnh bổ sung rừng phòng hộ đầu nguồn; xây dựng các dự án đầu tư bảo vệ và khôi phục rừng phòng hộ đầu nguồn, rừng phòng hộ ven biển, rừng phòng hộ môi trường đô thị - công nghiệp. Tập trung hình thành các vùng nguyên liệu sản xuất gỗ lớn, hình thành các chuỗi trong sản xuất lâm nghiệp, cấp chứng chỉ rừng,...; thực hiện các biện pháp lâm sinh để cải tạo phục hồi rừng.

e) Sắp xếp, phân bố nghĩa trang, cơ sở hỏa táng, nhà tang lễ

Xây dựng nghĩa trang, cơ sở hỏa táng tập trung theo quy hoạch đô thị, quy hoạch vùng huyện và quy hoạch nông thôn mới được duyệt. Bố trí các nhà tang lễ tại các đô thị đảm bảo tiêu chuẩn về phân loại đô thị. Từng bước đóng cửa các nghĩa trang trong khu vực phát triển đô thị hiện hữu. Di dời các nghĩa trang không phù hợp với quy hoạch hoặc không đảm bảo yêu cầu môi trường.

9.2. Phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên

Khai thác, chế biến, sử dụng khoáng sản, phù hợp với đặc điểm, tiềm năng của mỗi loại khoáng sản, đảm bảo hiệu quả kinh tế - xã hội và môi trường, gắn với đảm bảo an ninh, quốc phòng, hài hòa giữa lợi ích quốc gia, địa phương và doanh nghiệp; sử dụng khoáng sản hợp lý, hiệu quả và bảo vệ cảnh quan thiên nhiên, di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh và các tài nguyên thiên nhiên khác.

Quy hoạch thăm dò, khai thác và chế biến các khu, điểm mỏ khoáng sản phải được cấp có thẩm quyền phê duyệt và thực hiện theo quy định của pháp luật. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với công tác quản lý tài nguyên khoáng sản; tận dụng tối đa nguồn đất, đá thải mỏ làm vật liệu san lấp mặt bằng các dự án phát triển hạ tầng đô thị, giảm áp lực lên các bãi thải mỏ.

Dừng khai thác các khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh thực hiện theo các quyết định được phê duyệt và quy định của pháp luật.

9.3. Phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra

Ưu tiên phân bổ nguồn nước cho các đối tượng khai thác, sử dụng nước theo thứ tự: (i) Nhu cầu sử dụng nước cho sinh hoạt; (ii) Nhu cầu sử dụng nước cho công nghiệp; (iii) Nhu cầu sử dụng nước cho du lịch, dịch vụ; (iv) Nhu cầu sử dụng nước cho nông nghiệp, thủy sản và các lĩnh vực khác.

Cải thiện chất lượng nước, khắc phục tình trạng ô nhiễm tại các đoạn sông, nguồn nước nội tỉnh hiện đang bị ô nhiễm hoặc chưa đáp ứng được mục đích sử dụng đề ra; duy trì, bảo vệ chất lượng nước mặt chưa bị ô nhiễm để bảo đảm đáp ứng được mục tiêu chất lượng nước trong kỳ quy hoạch; kiểm soát hiệu quả các nguồn thải hiện có và các nguồn thải mới phát sinh trong kỳ quy hoạch: Nước thải công nghiệp, sinh hoạt, y tế,... và các loại nước thải khác được thu gom và xử lý đạt quy chuẩn;

Xây dựng mạng quan trắc tài nguyên nước, giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước trên các các sông suối chính, các công trình khai thác sử dụng nước lớn như các hồ thủy điện, thủy lợi, các khu công nghiệp,... nhằm phát hiện sớm các vi phạm trong khai thác tài nguyên nước, đặc biệt các khu vực có nguy cơ cạn kiệt nguồn nước.

9.4. Phương án phòng, chống thiên tai và ứng phó biến đổi khí hậu

Phân vùng rủi ro đối với từng loại thiên tai trên địa bàn tỉnh và xác định các khu vực ưu tiên phòng, chống đối với từng loại thiên tai; củng cố hệ thống đê sông, đê biển, hồ chứa nước, các công trình phòng, chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu; nạo vét, chỉnh trị dòng chảy các tuyến sông và mở rộng, khơi thông các trục tiêu chính; có giải pháp chỉnh trị, đưa vào khai thác các bãi sông, bãi nổi hạ lưu các sông trong tỉnh phục vụ phát triển kinh tế trên cơ sở đảm bảo yêu cầu thoát lũ theo tần suất thiết kế được quy định, đảm bảo môi trường và các quy định của pháp luật.

Nâng cao năng lực chống chịu với biến đổi khí hậu của hệ thống cơ sở hạ tầng; thiết lập hệ thống giám sát, đánh giá các hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu; xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu phòng chống thiên tai trên địa bàn tỉnh; đẩy mạnh các hành động giảm nhẹ khí nhà kính và tăng cường các bể hấp thu khí nhà kính; thực hiện các hành động phục hồi thiên nhiên. Nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo, chủ động phòng, chống các loại thiên tai thường xuyên xảy ra như lũ, lũ quét, sạt lở đất, ngập úng, hạn hán và thích ứng biến đổi khí hậu; di dân, tái định cư cho người dân nằm trong vùng thường xuyên chịu ảnh hưởng thiên tai.

10. Danh mục dự án của tỉnh và thứ tự ưu tiên thực hiện

Trong dự thảo báo cáo thuyết minh tổng hợp Quy hoạch đã xây dựng các tiêu chí xác định dự án ưu tiên đầu tư của tỉnh Quảng Ngãi trong thời kỳ Quy hoạch; có luận chứng xây dựng danh mục dự án quan trọng cấp tỉnh, sắp xếp thứ tự ưu tiên và phân kỳ thực hiện; trong đó, chia làm 03 nhóm: (1) Danh mục dự án do Bộ ngành Trung ương và Doanh nghiệp Nhà nước Trung ương đầu tư trên địa bàn tỉnh; (2) Danh mục dự án do địa phương đầu tư (từ nguồn vốn Ngân sách Trung ương và Ngân sách địa phương); (3) Danh mục dự án thu hút đầu tư.

11. Giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch

Gồm 07 nhóm Giải pháp về: Huy động vốn đầu tư; Phát triển nguồn nhân lực; Bảo vệ môi trường; Phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; Cơ chế, chính sách liên kết phát triển; Quản lý, kiểm soát phát triển đô thị và nông thôn; Nâng cao hiệu quả của bộ máy quản lý hành chính nhà nước và 01 nhóm giải pháp khác.

12. Về khung cơ sở dữ liệu Quy hoạch

Đã bám sát hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 5746/BKHĐT-QLQH ngày 30/8/2021 và các văn bản có liên quan.

(Chi tiết có hồ sơ kèm theo)

Kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua để làm cơ sở triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- VPUB: CVP, PCVP, các P.N/cứu, CBTH;
- Lưu: VT, KTTHthuc81.



Đặng Văn Minh

Số:/NQ-HĐND

Quảng Ngãi, ngày tháng năm 2023

Dự thảo

NGHỊ QUYẾT

**Về việc thông qua Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi
thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI
KHÓA XIII, KỲ HỌP THỨ 14**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 15 tháng 6 năm 2018; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội về tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021-2030;

Căn cứ Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Quốc hội về quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị quyết số 119/NQ-CP ngày 27 tháng 9 năm 2021 của Chính phủ về các nhiệm vụ và giải pháp để nâng cao chất lượng và đẩy nhanh tiến độ lập các quy hoạch thời kỳ 2021-2030;

Căn cứ Quyết định số 1574/QĐ-TTg ngày 12 tháng 10 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Báo cáo thẩm định số 2215/BC-HĐTĐ ngày 28/3/2023 của Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 về Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc thông qua Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, với những nội dung chủ yếu sau:

I. PHẠM VI, RANH GIỚI QUY HOẠCH

Phạm vi ranh giới quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi bao gồm toàn bộ phần lãnh thổ đất liền tỉnh Quảng Ngãi và phần không gian biển được xác định theo Luật Biển Việt Nam năm 2012, Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.

Tỉnh Quảng Ngãi với diện tích tự nhiên 5.155,24 km², nằm ở vùng duyên hải miền Trung, có giới hạn địa lý như sau: phía Bắc giáp tỉnh Quảng Nam; phía Nam giáp tỉnh Bình Định; phía Tây giáp tỉnh Kon Tum và tỉnh Gia Lai; phía Đông giáp biển Đông.

II. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU VÀ CÁC ĐỊNH HƯỚNG LỚN TẠO ĐỘT PHÁ PHÁT TRIỂN

1. Quan điểm phát triển

- Định hướng phát triển của tỉnh phải phù hợp, đồng bộ với định hướng, tầm nhìn phát triển đất nước, tinh thần Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030 của đất nước, các Quy hoạch cấp quốc gia, Quy hoạch Vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi lần thứ XX.

- Bám sát đặc điểm, vai trò, vị trí địa lý để tổ chức, bố trí không gian phát triển các hoạt động kinh tế - xã hội phù hợp theo định hướng phát triển hạ tầng quốc gia, liên kết vùng và liên kết thị trường, phát huy kinh tế biển xanh, kinh tế rừng xanh, nông nghiệp xanh, công nghiệp công nghệ cao.

- Đổi mới mạnh mẽ tư duy, hành động, tận dụng triệt để các tiềm năng và nguồn lực để tạo động lực phát triển. Trong ngắn hạn, phát triển nhanh dựa trên cơ sở tập trung phát triển các ngành, lĩnh vực đang có sẵn lợi thế; trong trung hạn và dài hạn, phân bổ tối đa nguồn lực hỗ trợ phát triển các ngành, lĩnh vực phù hợp với xu thế phát triển xanh và bền vững; Tiếp tục đẩy mạnh, tăng cường hình thành các mối liên kết trong phát triển với các địa phương khác trong vùng và các khu vực lân cận, chủ động tham gia mạnh mẽ vào quá trình hội nhập quốc tế.

- Tiếp tục đầu tư tập trung đầu tư đồng bộ, hiện đại, hiệu quả kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội theo hướng liên thông, có khả năng lan toả lợi ích lớn và phục vụ đa mục tiêu phát triển; phát triển hài hoà ba yếu tố kinh tế - xã hội - môi trường; không đánh đổi sự phát triển trước mắt với rủi ro về môi trường; chủ động trong công tác ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường.

- Phát triển kinh tế gắn kết chặt chẽ với công tác đảm bảo an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững, nâng cao đời sống của mọi tầng lớp xã hội; khơi dậy tiềm năng để tạo đột phá trong phát triển lĩnh vực dịch vụ, đặc biệt là du lịch theo hướng bền vững và trải nghiệm cao cấp; phát triển đa dạng các thành phần kinh tế và các loại hình doanh nghiệp, coi doanh nghiệp và con người là trung tâm và động lực chính của sự phát triển; đầu tư, phát triển giáo dục và đào tạo là

nền tảng góp phần quan trọng trong việc nâng cao và đảm bảo chất lượng lao động cho nhu cầu phát triển bền vững, lâu dài;

- Tập trung phát triển kinh tế số, xã hội số một cách tổng thể, toàn diện. Phát triển kinh tế số trở thành động lực cốt lõi của tăng trưởng kinh tế, gắn kết chặt chẽ với chính quyền số, xã hội số, giúp nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh và giúp đất nước phát triển. Người dân có niềm tin, tự tin trên không gian mạng và tham gia vào hoạt động của chính quyền, sử dụng dịch vụ chính quyền số nhiều hơn.

- Nâng cao chất lượng tăng trưởng, chú trọng vào năng suất kinh tế thay vì năng suất sản phẩm. Nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế dựa trên cơ sở cải thiện môi trường đầu tư, đổi mới sáng tạo, ứng dụng khoa học - công nghệ, đẩy mạnh chuyển đổi số, qua đó tăng cường khả năng chủ động tiếp cận, tận dụng cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 làm động lực phát triển; kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với đảm bảo công tác quốc phòng - an ninh và trật tự an toàn xã hội; chủ động hội nhập, hợp tác quốc tế, ứng phó với các tác động tiêu cực từ tình hình an ninh trật tự trên thế giới và khu vực.

2. Mục tiêu phát triển

a) Mục tiêu tổng quát đến năm 2030

Quảng Ngãi phân đầu là tỉnh phát triển khá của cả nước, có thu nhập bình quân đầu người ít nhất bằng mức bình quân của cả nước, nâng cao tính tự chủ của nền kinh tế; là tỉnh phát triển công nghiệp với hai ngành công nghiệp chủ lực là lọc hóa dầu và luyện kim thép. Các loại hình công nghiệp xanh, công nghiệp công nghệ cao dần hình thành tại các khu công nghiệp và cụm công nghiệp tập trung. Tỉnh từng bước xây dựng được thương hiệu về các loại hình dịch vụ chất lượng cao, với điểm nhấn là lĩnh vực du lịch. Các mô hình về nông nghiệp áp dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn dần được nhân rộng. Tỷ lệ đô thị hóa được nâng cao với cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển các đô thị xanh, đô thị thông minh dần được hoàn thiện. Công tác xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao tiếp tục được chú trọng và đạt được các chỉ tiêu đề ra cho giai đoạn.

b) Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

* Về kinh tế

(1) Tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân thời kỳ 2021-2030 đạt 7,25 - 8,25%/năm. Trong đó: tốc độ tăng trưởng của khu vực Nông, lâm nghiệp và thủy sản đạt 4 - 5%/năm; tốc độ tăng trưởng của khu vực Công nghiệp đạt 8,25 - 9,25%/năm; tốc độ tăng trưởng của khu vực Dịch vụ đạt 10,0 - 11,0%/năm.

(2) GRDP bình quân đầu người đạt khoảng 7.700 - 7.900 USD.

(3) Tỷ trọng của khu vực Công nghiệp - xây dựng và Dịch vụ trong cơ cấu GRDP đạt 72 - 73%.

(4) Tỷ lệ đô thị hóa đạt trên 50%, ngang với bình quân cả nước.

(5) Tổng vốn đầu tư toàn xã hội cho giai đoạn 2021-2030 khoảng 410.000 tỷ đồng.

(6) Năng suất lao động tăng trưởng bình quân giai đoạn 2021-2030 là 6,5-7,5%/năm.

* Về xã hội

(7) Tỷ lệ lao động qua đào tạo đến năm 2030 đạt trên 75%, trong đó có bằng cấp, chứng chỉ đạt 35-40%.

(8) Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia ít nhất là: Mầm non: 80,0%; Tiểu học: 89,0%; Trung học cơ sở: 90,1%; Tiểu học - Trung học cơ sở: 38,5%; Trung học phổ thông: 78,9%.

(9) Đạt trên 32 giường bệnh/10.000 dân và trên 11 bác sỹ/10.000 dân. Tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế đạt trên 95% dân số.

(10) Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều toàn tỉnh giảm bình quân 1-1,5%/năm (giai đoạn 2021-2025) và 0,5-1%/năm (giai đoạn 2026-2030).

(11) Diện tích nhà ở bình quân đầu người khoảng 33 m² sàn/người.

(12) Chỉ số phát triển con người (HDI) duy trì thuộc nhóm có chỉ số HDI cao (nhóm 2) theo phân loại của UNDP.

* Về kết cấu hạ tầng

(13) Hạ tầng đầu tư phát triển cơ bản theo hướng đồng bộ, hiện đại. Hạ tầng giao vận tải thông suốt, an toàn; điện đảm bảo tốt nhu cầu sản xuất và sinh hoạt; nguồn nước phục vụ sản xuất và sinh hoạt được đảm bảo; hệ thống đê điều, hồ đập an toàn; hạ tầng xã hội đáp ứng nhu cầu phát triển.

* Về bảo vệ môi trường

(14) Tỷ lệ độ che phủ rừng ổn định từ 52% trở lên.

(15) Tỷ lệ dân số được cấp nước sạch khu vực thành thị 100% và nông thôn trên 80%.

(16) Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định đạt 98%; Tỷ lệ chất thải y tế-được thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định đạt 100%.

(17) Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định: tại các đô thị đạt 95%, tại khu vực nông thôn đạt 90%;

(18) Tỷ lệ khu công nghiệp, cụm công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải tập trung xử lý đạt quy chuẩn về môi trường đạt 100%. Tỷ lệ nước thải đô thị được thu gom và xử lý bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn theo quy định đạt 50% đối với đô thị loại II và 20% đối với các đô thị còn lại; đối với khu vực nông thôn khoảng 25% điểm dân cư nông thôn tập trung có hệ thống thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt.

* Về quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội

(19) Thực hiện tốt nhiệm vụ bảo đảm quốc phòng, an ninh; xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân; xây dựng xã hội trật tự, kỷ cương, an toàn, đảm bảo cuộc sống bình yên, hạnh phúc của nhân dân. Hàng năm, có khoảng 95% xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn vững mạnh về quốc phòng, trong đó: có 65 - 70% xã, phường, thị trấn vững mạnh toàn diện. Hàng năm, có ít nhất 80% khu dân cư, xã, phường, thị trấn, cơ quan, doanh

nghiệp, cơ sở giáo dục đạt tiêu chuẩn về “An toàn về an ninh trật tự”.

3. Các nhiệm vụ trọng tâm trong thời kỳ quy hoạch

- Tiếp tục đổi mới sắp xếp không gian phát triển kinh tế xã hội, đảm bảo nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả;
- Đẩy mạnh cải cách hành chính; cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh; hoàn thiện xây dựng chính quyền điện tử;
- Đẩy mạnh phát triển dịch vụ du lịch để từng bước trở thành kinh tế mũi nhọn của tỉnh. Phát triển, quảng bá văn hóa, lịch sử, di sản Quảng Ngãi;
- Đảm bảo sử dụng hiệu quả và tiết kiệm nguồn tài nguyên thiên nhiên, tài nguyên đất, tài nguyên nước; bảo vệ đa dạng sinh học; bảo vệ môi trường và chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu.

4. Các đột phá phát triển trong thời kỳ quy hoạch

- Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao với trọng tâm là đội ngũ cán bộ lãnh đạo có đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, ngang tầm nhiệm vụ;
- Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực để đẩy mạnh phát triển công nghiệp, phân bổ nguồn lực thu được từ công nghiệp hỗ trợ phát triển các lĩnh vực phù hợp hơn với xu thế phát triển của tương lai;
- Đầu tư, phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại cả về kinh tế và xã hội, tạo động lực cho phát triển. Ưu tiên các công trình trọng điểm về giao thông; thích ứng với biến đổi khí hậu; hạ tầng thông tin, viễn thông, tạo nền tảng chuyển đổi số;
- Áp dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số vào mọi lĩnh vực của nền kinh tế, khuyến khích tinh thần đổi mới sáng tạo, khát vọng vươn lên;
- Phát triển đô thị là trụ cột gắn với công nghiệp và kinh tế biển tạo động lực phát triển trong thời kỳ quy hoạch.

5. Tầm nhìn đến năm 2050

Hướng tới năm 2050, Quảng Ngãi là một tỉnh phát triển bền vững và đa dạng với các ngành công nghiệp xanh, công nghiệp công nghệ cao tập trung tại các khu công nghiệp và cụm công nghiệp tập trung. Các loại hình dịch vụ tiên tiến, hiện đại và đặc sắc chiếm tỷ trọng ngày càng cao trong cơ cấu kinh tế của tỉnh. Các loại hình nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn trở thành mũi nhọn của lĩnh vực nông nghiệp. Hệ thống cơ sở hạ tầng được hoàn thiện đồng bộ, phù hợp với nhu cầu phát triển; hệ thống đô thị thông minh, hiện đại và hệ thống nông thôn phát triển đạt tiêu chí nông thôn mới nâng cao; hệ thống mạng lưới phát triển khoa học như các trung tâm nghiên cứu và phát triển (đặc biệt là về các lĩnh vực dược liệu, nông nghiệp công nghệ cao, v.v.), trung tâm đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp, các cộng đồng nghiên cứu khoa học dần được hình thành trên địa bàn tỉnh. Bảo tồn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc, con người Quảng Ngãi, trở thành điểm nhấn trong phát triển du lịch của tỉnh. Chú trọng, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, chăm sóc sức khoẻ nhân dân, an sinh xã hội. Đảm bảo công tác quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội.

III. PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC VÀ PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ- XÃ HỘI

1. Phương hướng phát triển các ngành quan trọng của tỉnh

a) Ngành công nghiệp

Tiếp tục khai thác những thế mạnh sẵn có về các lĩnh vực công nghiệp nền tảng như lọc hóa dầu, luyện kim thép, đóng tàu biển, v.v. và thúc đẩy phát triển các lĩnh vực này theo chiều sâu, thân thiện với môi trường và mở rộng theo chuỗi giá trị (hóa dầu, sản phẩm sau thép, v.v.), gia tăng sự hỗ trợ của các ngành công nghiệp phụ trợ. Đồng thời, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu các ngành công nghiệp, giảm dần tỷ trọng của các ngành công nghiệp phát thải lớn và tạo điều kiện phát triển các ngành công nghiệp công nghệ cao, thân thiện hơn với môi trường và phù hợp với xu thế phát triển bền vững như: sản xuất điện từ nguồn năng lượng sạch, năng lượng tái tạo, điện gió, điện khí, công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp chế biến - chế tạo, công nghiệp công nghệ cao (điện, điện tử, hàng không,...), công nghiệp chế biến sâu nông, lâm và thủy sản, v.v. Tiếp tục chú trọng đầu tư hoàn thiện và phát triển cơ sở hạ tầng các khu vực công nghiệp quan trọng, đặc biệt là Khu kinh tế Dung Quất. Chủ động thúc đẩy mối liên kết giữa KKT Dung Quất với KKT mở Chu Lai của tỉnh Quảng Nam để hình thành trung tâm công nghiệp ven biển trọng điểm của khu vực Duyên hải Trung Bộ và của cả nước

b) Ngành nông nghiệp

Phát triển nông nghiệp chất lượng, giá trị, bền vững theo hướng tập trung hoá, hiện đại hoá, hướng tới nền nông nghiệp xanh, bền vững, bảo vệ môi trường, tổ chức tái cơ cấu ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản, hình thành các khu nông nghiệp công nghệ cao, khu chăn nuôi tập trung, trang trại trồng trọt, vùng nuôi trồng đánh bắt thủy sản, vùng chuyên canh nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn dựa trên lợi thế các vùng, địa phương trong tỉnh, tăng cường ứng dụng công nghệ cao, công nghệ số gắn với chế biến, tiêu thụ theo chuỗi giá trị, nâng cao chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh và chủ động hội nhập quốc tế.

c) Ngành thương mại - dịch vụ

Phát triển Thương mại - Dịch vụ thành một ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh, phát triển đa dạng các loại hình, đặc biệt là các loại hình thương mại mới, hiện đại, ứng dụng công nghệ cao. Chú trọng phát triển các ngành, lĩnh vực có nhiều tiềm năng theo hướng chất lượng cao như du lịch, logistics, thương mại - dịch vụ nội địa.

- Phát triển du lịch thành một ngành kinh tế quan trọng và trở thành mũi nhọn sau năm 2030, với hạt nhân trung tâm du lịch biển - đảo Lý Sơn và du lịch trải nghiệm gắn liền với văn hóa, lịch sử, giá trị cốt lõi của Quảng Ngãi. Phát triển đa dạng các loại hình, sản phẩm du lịch như du lịch biển, đảo, núi rừng, du lịch cộng đồng, du lịch chăm sóc sức khỏe, du lịch văn hóa, tâm linh theo hướng bền vững, chất lượng cao, đẳng cấp, có giá trị gia tăng lớn; thúc đẩy du lịch thông minh gắn với định hướng chuyển đổi số trong ngành du lịch và trong các định hướng phát triển kinh tế xã hội của tỉnh.

- Đầu tư hoàn thiện phát triển hệ thống Logistics theo hướng đồng bộ,

hiện đại, thuận tiện, phát triển Quảng Ngãi thành trung tâm Logistics trung chuyên vận tải đa phương thức kết nối khu vực miền Trung, khu vực Tây Nguyên, các nước Đông Nam Á (Lào, Cam-pu-chia, v.v.), cũng như là một cửa ngõ vận tải hàng hóa qua biển Đông.

- Phát triển thương mại theo hướng đổi mới sáng tạo, số hoá, công nghệ hoá phương thức kinh doanh; thu hút đầu tư các trung tâm dịch vụ tổng hợp, siêu thị, trung tâm thương mại và chợ tại vùng đô thị và ven biển có khu du lịch phát triển; tiếp tục nâng cao chất lượng, đa dạng hoá các hình thức bán buôn và bán lẻ phù hợp với nhu cầu sử dụng của từng địa phương. Phát triển hạ tầng thương mại đồng bộ, hiện đại và bền vững, phù hợp với tính chất và nhu cầu của từng địa phương theo từng giai đoạn, đáp ứng nhu cầu lưu thông hàng hoá, hỗ trợ xuất khẩu và phục vụ các liên kết sản xuất - chế biến - tiêu thụ.

2. Phương án tổ chức hoạt động kinh tế - xã hội

a) Phương án tổ chức không gian các hoạt động kinh tế - xã hội

- Tổ chức không gian phát triển tỉnh Quảng Ngãi theo 06 vùng không gian phát triển kinh tế động lực với định hướng phát triển các hoạt động kinh tế - xã hội theo đặc trưng cho từng vùng để đảm bảo sự phát triển cân bằng và thúc đẩy liên kết giữa các vùng, nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực, cụ thể: (1) Vùng kinh tế động lực cụm đô thị và trung tâm dịch vụ; (2) Vùng động lực công nghiệp của tỉnh; (3) Vùng kinh tế sinh thái ven biển; (4) Vùng kinh tế rừng xanh; (5) Vùng kinh tế nông nghiệp; (6) Vùng kinh tế biển đảo.

b) Các vùng đô thị động lực và các trung tâm động lực tăng trưởng

- Hai trung tâm động lực tăng trưởng: (1) Khu kinh tế Dung Quất trở thành trung tâm lọc trung tâm lọc hóa dầu và năng lượng quốc gia; trung tâm công nghiệp, dịch vụ, du lịch của vùng kinh tế trọng điểm miền Trung; (2) Khu du lịch Đảo Lý Sơn trở thành trung tâm du lịch biển - đảo quốc gia.

- Ba trung tâm đô thị: (1) Đô thị trung tâm (Thành phố Quảng Ngãi và vùng phụ cận); (2) Trung tâm đô thị phía Bắc (Thị xã Bình Sơn và khu vực lân cận); (3) Trung tâm đô thị phía Nam (Thị xã Đức Phổ và vùng phụ cận).

c) Các hành lang kinh tế chiến lược:

Tổ chức liên kết không gian các hoạt động kinh tế - xã hội của tỉnh qua 4 hành lang kinh tế, cụ thể:

- Hành lang kinh tế Bắc Nam (Dung Quất - TP. Quảng Ngãi - Sa Huỳnh).

- Hành lang Đông Tây phía Bắc (Lý Sơn- Dung Quất - Trà Bồng - Trà My dọc quốc lộ 24C mở rộng kết nối Trà My, và cửa khẩu Nam Giang).

- Hành lang Đông Tây Phía Nam (đọc Quốc lộ 24 Sa Huỳnh - Ba Tơ - Bờ Y): từ Phổ An đi Thạch Trụ - Phổ Phong - Ba Tơ - Kon Tum - Bờ Y - Ngọc Hồi.

- Hành lang kinh tế kết nối nội Tỉnh, dọc theo tỉnh lộ 622, 626 và Quốc lộ 24B kết nối từ Trà Bồng đến Ba Tơ (Hành lang Ba Tơ - Sơn Hà - Sơn Tây - Trà Bồng).

d) Các khu vực cần bảo tồn, khu vực hạn chế phát triển

- Các khu vực cần bảo tồn: vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng phục hồi sinh

thái của các khu bảo tồn thiên nhiên; vùng lõi di sản thiên nhiên được tổ chức quốc tế công nhận; khu vực bảo vệ I các di tích lịch sử - văn hóa quốc gia, di tích lịch sử - văn hóa quốc gia đặc biệt; rừng phòng hộ đầu nguồn và rừng bảo vệ nguồn nước của cộng đồng dân cư;

- Các khu vực hạn chế phát triển: các khu vực địa hình quan trọng đặc biệt và quan trọng cao ưu tiên cho nhiệm vụ quốc phòng; vùng đệm các khu bảo tồn thiên nhiên, di sản thiên nhiên được tổ chức quốc tế công nhận; các hành lang đa dạng sinh học, vùng đất ngập nước quan trọng; khu vực bảo vệ II các di tích lịch sử - văn hóa quốc gia, di tích lịch sử - văn hóa quốc gia đặc biệt; hành lang bảo vệ nguồn nước; rừng phòng hộ ngoài khu vực rừng phòng hộ đầu nguồn và rừng bảo vệ nguồn nước của cộng đồng dân cư; vùng có nguy cơ xảy ra sạt lở, lũ ống, lũ quét.

IV. PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH HỆ THỐNG ĐÔ THỊ, NÔNG THÔN VÀ CÁC KHU CHỨC NĂNG

1. Phương án tổ chức hệ thống đô thị, tổ chức lãnh thổ nông thôn

a) Phương án phát triển đô thị

Đến năm 2030, tỉnh Quảng Ngãi có 1 đô thị đạt một số tiêu chí cơ bản của đô thị loại I; 02 đô thị đạt một số tiêu chí cơ bản của đô thị loại III là Bình Sơn và Đức Phổ; 01 đô thị loại IV (Lý Sơn); 14 đô thị loại V (trong đó 06 đô thị đạt một số tiêu chí đô thị loại IV: đô thị Di Lăng (mở rộng), Trà Xuân (mở rộng), Ba Tư (mở rộng), La Hà - Sông Vệ, Chợ Chùa, Mộ Đức) và một số đô thị đạt tiêu chí loại V.

b) Phương án tổ chức lãnh thổ nông thôn

Định hướng tổ chức không gian lãnh thổ khu vực nông thôn phù hợp với mục tiêu xây dựng nông thôn mới, chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và quá trình đô thị hóa của tỉnh; xây dựng cơ sở hạ tầng, dịch vụ xã hội đồng bộ kết nối nông thôn - đô thị, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và thích ứng với biến đổi khí hậu; đảm bảo môi trường cảnh quan nông thôn sáng, xanh, sạch đẹp, an toàn; giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc; phát triển đa dạng các loại hình kinh tế nông thôn, chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông thôn và tổ chức sản xuất hợp lý, tiếp tục mở rộng và nâng cao hiệu quả chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP), tạo sinh kế bền vững cho người dân; xã hội nông thôn ổn định, dân trí được nâng cao; an ninh, trật tự được bảo đảm.

Phát triển các khu dân cư nông thôn trên cơ sở triệt để tận dụng các điểm dân cư hiện hữu, hoàn thiện, cải tạo chỉnh trang kết hợp xây dựng mới, bảo vệ môi trường bền vững. Phát triển các điểm dân cư nông thôn gắn với vùng sản xuất, phù hợp phong tục tập quán, đặc điểm tự nhiên, điều kiện kinh tế - xã hội của từng vùng trong tỉnh. Bảo vệ các không gian cảnh quan, di tích lịch sử, văn hóa, tôn giáo, tín ngưỡng và các không gian có giá trị trong vùng nông thôn. Chủ động di dời, bố trí, sắp xếp lại các điểm dân cư đối với khu vực có nguy cơ cao xảy ra thiên tai, sạt lở.

2. Phương án phát triển các khu chức năng, cụm công nghiệp

a) Khu kinh tế

Phát triển Khu kinh tế Dung Quất phát triển thành một trong những trung

tâm kinh tế biển năng động, với nền kinh tế tổng hợp đa ngành, đa lĩnh vực quan trọng của quốc gia; lấy cảnh quan đô thị biển làm sức hấp dẫn, lấy nền tảng cơ sở hạ tầng phát triển để đẩy mạnh kinh tế biển, hướng đến sự thịnh vượng, có vị trí quan trọng về an ninh quốc phòng Quốc gia.

b) Khu công nghiệp

Đến năm 2030, Quy hoạch mạng lưới các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh gồm 10 khu công nghiệp (06 khu công nghiệp nằm trong Khu kinh tế Dung Quất và 04 khu công nghiệp nằm ngoài Khu kinh tế Dung Quất).

c) Cụm công nghiệp

Quy hoạch mạng lưới các cụm công nghiệp gồm: di dời 3 cụm công nghiệp, duy trì và mở rộng 21 cụm công nghiệp và đề nghị bổ sung 15 cụm công nghiệp.

d) Hệ thống khu, điểm du lịch

Phát triển các khu, điểm du lịch trọng điểm: từng bước hình thành khu du lịch trọng điểm quốc gia Lý Sơn - Bình Châu - Mỹ Khê, trong đó Đảo Lý Sơn sẽ là trung tâm hạt nhân du lịch của khu vực.

Các khu du lịch cấp tỉnh: Khu du lịch biển Sa Huỳnh, Khu du lịch sinh thái hồ Núi Ngang, Khu du lịch sinh thái Thạch Bích, Khu du lịch Bình Châu, Khu du lịch sinh thái Núi Cà Đam;

Phát triển du lịch gắn với khai thác giá trị văn hóa lịch sử của các di tích nổi bật: khởi nghĩa Ba Tơ, văn hóa Sa Huỳnh, chứng tích Sơn Mỹ,...; các danh thắng nổi bật của Quảng Ngãi (Quảng Ngãi thập nhị cảnh); và các điểm du lịch nổi bật: bãi biển Khe Hai, Đầm Thuận Phước, Gành Yên, Biển Lệ Thủy, Ba Làng An, Suối Chí, thảo nguyên Bùi Hui, các điểm du lịch trải nghiệm văn hóa cộng đồng, v.v.

Quy hoạch, phát triển khu vực dọc tuyến ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh (từ huyện Tư Nghĩa đến thị xã Đức Phổ) trở thành một khu chức năng quan trọng phía Đông Nam của tỉnh Quảng Ngãi có tính chất là khu du lịch - dịch vụ - đô thị và nông lâm nghiệp ven biển, trong đó phát triển du lịch là chức năng chủ đạo, làm động lực thúc đẩy và phát triển các khu đô thị mới dọc theo tuyến ven biển, góp phần tạo động lực phát triển cho khu vực ven biển phía Nam tỉnh Quảng Ngãi.

e) Các khu thể thao

Phía Đông thành phố Quảng Ngãi xây mới Khu liên hiệp thể thao cấp tỉnh; khu vực huyện Bình Sơn xây mới trung tâm khu liên hợp thể dục thể thao theo tiêu chuẩn cấp vùng; thị xã Đức Phổ hình thành trung tâm dịch vụ thể thao giải trí gắn với nước (ven biển, đầm phá) phục vụ nhu cầu vui chơi, giải trí, lôi cuốn khách du lịch đến khu vực Sa Huỳnh. Ngoài ra còn tiếp tục duy trì, nâng cấp và mở rộng sử dụng 13 Trung tâm Văn hóa - Thể thao hiện có tại các huyện, thị xã, thành phố. Đầu tư cơ sở vật chất, nâng cấp công trình đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hóa của nhân dân.

Dự kiến quy hoạch xây dựng 5 - 6 sân golf tại các khu vực: phía Nam cảng hàng không Chu Lai; khu vực phát triển du lịch sinh thái đầm Thuận

Phước; khu vực vùng đệm sinh thái phía Tây khu đô thị Đông Nam Dung Quất; đảo lớn Lý Sơn và một số khu vực có điều kiện thuận lợi về khai thác cảnh quan như vùng bãi bồi và ven các sông đầm trong địa bàn Khu kinh tế Dung Quất.

f) Khu nghiên cứu, đào tạo

Các khu nghiên cứu: nâng cấp cơ sở vật chất Trung tâm Ứng dụng và Dịch vụ khoa học công nghệ Quảng Ngãi, Trung tâm Giống tỉnh và Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông phục vụ nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao công nghệ sinh học phục vụ trong lĩnh vực nông nghiệp, bảo vệ môi trường, công nghiệp thực phẩm và y dược học.

Các khu đào tạo: phát triển hệ thống cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trực thuộc quản lý của UBND tỉnh và các Sở ban ngành, gồm các trường cao đẳng, trường trung cấp, và trung tâm giáo dục nghề nghiệp tập trung tại thành phố Quảng Ngãi; xây dựng các trung tâm nghiên cứu đào tạo tại khu đô thị Vạn Tường, khu đô thị Châu Ô - Bình Long, đô thị Tịnh Phong; khuyến khích các doanh nghiệp trong KKT Dung Quất thiết lập hệ thống đào tạo cho nhân viên; xây dựng mới Trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo Tỉnh, với vai trò đào tạo các kỹ năng khởi nghiệp.

3. Phương án phát triển các khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn

Phát triển hoạt động kinh tế chủ yếu là nông nghiệp, xác định, lựa chọn một số loại cây, con với mô hình sản xuất phù hợp với năng lực, nhận thức của đồng bào và thể mạnh của địa phương; Tăng cường thu hút và xã hội hóa các nguồn vốn đầu tư cho hạ tầng kinh tế - xã hội, vốn phát triển sản xuất. Hoàn thiện hạ tầng giao thông kết nối đến trung tâm xã, đường giao thông trục tại thôn, xóm và điện hóa, tạo điều kiện phát triển sản xuất, lưu thông hàng hóa và tiêu thụ sản phẩm. Thực hiện lồng ghép các nguồn vốn của các chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình dự án hỗ trợ có mục tiêu trên địa bàn, nâng cao hiệu quả kinh tế, giảm nghèo bền vững.

Tăng cường thực hiện các chính sách về y tế, nâng cao năng lực khám chữa bệnh, thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội: bảo hiểm, y tế, giáo dục và các chính sách ưu đãi, hỗ trợ khác dành cho các đối tượng thuộc khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn; thực hiện tốt chính sách hỗ trợ, đào tạo nghề nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; bảo tồn phát huy giá trị bản sắc dân tộc, thực hiện chính sách giảm nghèo, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân.

4. Khu quân sự, an ninh

Xây dựng hệ thống công trình quốc phòng, an ninh sẵn sàng phục vụ cho nhiệm vụ quốc phòng, an ninh đáp ứng yêu cầu xây dựng khu vực phòng thủ tỉnh gắn với thể trận an ninh nhân dân vững chắc; thực hiện tốt kết hợp phát triển kinh tế gắn quốc phòng, an ninh làm cơ sở xây dựng, củng cố nền quốc phòng toàn dân đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Đặc biệt, phát triển huyện đảo Lý Sơn trở thành trung tâm du lịch biển đảo phải gắn liền với công tác phòng thủ bảo vệ chủ quyền.

5. Sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã

Tiếp tục thực hiện sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã, bảo

đảm tính tổng thể, đồng bộ, phù hợp với Quy hoạch và yêu cầu phát triển, đáp ứng tiêu chuẩn của đơn vị hành chính trong từng giai đoạn phát triển, đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành của nhà nước.

V. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN KẾT CẤU HẠ TẦNG KỸ THUẬT

1. Phương án phát triển mạng lưới giao thông

Bám sát định hướng của Quy hoạch cấp quốc gia để phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông chiến lược của tỉnh trên cơ sở phát huy ưu thế của các phương thức vận tải bảo đảm đồng bộ, hiện đại, liên thông, tổng thể, thúc đẩy liên kết vùng và nội vùng, gắn với các hành lang phát triển kinh tế của tỉnh đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng an ninh, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế, đảm bảo an toàn giao thông, giảm thời gian, chi phí đi lại, hạn chế ô nhiễm môi trường.

- Phương án phát triển hạ tầng giao thông quốc gia: các tuyến cao tốc, quốc lộ, đường sắt, hàng hải và hệ thống cảng biển thực hiện theo quy hoạch ngành quốc gia được phê duyệt; xây dựng sân bay, cảng hàng không trên đảo Lý Sơn, xây dựng Tuyến cao tốc Quảng Ngãi-Kon Tum.

- Phương án phát triển hạ tầng giao thông cấp tỉnh

+ Đường bộ: gồm 25 tuyến đường tỉnh (bao gồm cả tuyến đường ven biển). Các tuyến đường đô thị, đường huyện, đường giao thông nông thôn thực hiện theo quy hoạch đô thị, nông thôn, quy hoạch xây dựng vùng huyện và liên huyện, quy hoạch chuyên ngành và đề án khác có liên quan theo đúng quy định của pháp luật.

+ Đường sắt: ngoài tuyến đường sắt Hà Nội - thành phố Hồ Chí Minh và đường sắt tốc độ cao Bắc Nam đi qua Tỉnh Quảng Ngãi, xây dựng mới tuyến đường sắt đô thị kết nối Khu kinh tế Dung Quất với Quảng Nam

+ Bến xe: Quy hoạch mỗi huyện sẽ có tối thiểu 01 bến xe khách. Riêng các đô thị lớn như thành phố Quảng Ngãi, thị xã Đức Phổ, v.v. quy hoạch thêm các bến xe hàng; bãi đỗ xe cá nhân nhằm tổ chức và điều tiết giao thông trong đô thị một cách hiệu quả tránh ùn tắc giao thông; Đầu tư các trạm dừng nghỉ trên các tuyến quốc lộ và cao tốc để phục vụ nhu cầu đi lại của người dân.

+ Cảng và đường thủy nội địa: khuyến khích đầu tư xây dựng các cảng, bến thủy nội địa, bến khách phù hợp với quy hoạch kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa, quy hoạch chuyên ngành và đề án khác có liên quan theo đúng quy định của pháp luật để phát huy tối đa tiềm năng kinh tế trên các vùng hồ thủy điện, tuyến sông.

2. Phương án phát triển nguồn điện và mạng lưới cấp điện

Phát triển nguồn điện gắn với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, phù hợp với quy hoạch điện lực quốc gia và chiến lược phát triển năng lượng của tỉnh. Dựa trên dự báo nhu cầu điện và cân bằng cung cầu điện của tỉnh, thực hiện xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo các trạm biến áp và đường dây điện 500kV, 220kV và 110kV, các đường dây trung thế, hạ thế kết nối với các nguồn điện mới đáp ứng nhu cầu phụ tải, đặc biệt là tại các trung tâm đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp.

Phương án phát triển lưới điện trung áp sau các trạm 110kV là các tuyến đường dây trung áp được xuất tuyến từ điểm đầu nối vào thanh cái trung thế của trạm 110kV thông qua máy cắt xuất tuyến. Tập trung xây dựng cơ sở hạ tầng cấp điện cho vùng sâu, vùng xa và hải đảo (chưa được cấp điện từ lưới điện quốc gia), ưu tiên sử dụng các loại nguồn năng lượng tái tạo như: thủy điện nhỏ, điện mặt trời, năng lượng gió, điện khí sinh học, hoặc thậm chí địa nhiệt đối với các vùng có tiềm năng địa nhiệt của tỉnh, đảm bảo cấp điện an toàn, ổn định.

3. Phương án phát triển mạng lưới thông tin và truyền thông

Đến năm 2030, hạ tầng thông tin và truyền thông tỉnh Quảng Ngãi cơ bản đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số, phát triển ổn định và thịnh vượng, thử nghiệm các công nghệ và mô hình mới, đổi mới căn bản, toàn diện hoạt động quản lý, điều hành của Chính quyền, đáp ứng phương thức sống mới, phương thức làm việc mới trong một môi trường số an toàn, rộng khắp; tỷ lệ người sử dụng dịch vụ di động thông minh là 92% (tính theo số thuê bao di động có phát sinh lưu lượng); tỷ lệ hộ gia đình có thuê bao cáp quang đạt tối thiểu 95%; mật độ thuê bao Internet băng rộng di động/100 dân đạt khoảng 230 thuê bao.

- Phương án phát triển đồng bộ với quy hoạch cấp quốc gia: phát triển hạ tầng bưu chính theo hướng đẩy mạnh chuyển đổi số. Hạ tầng bưu chính chuyển phát trở thành hạ tầng quan trọng của nền kinh tế số, của thương mại điện tử; góp phần thúc đẩy Chính quyền số, kinh tế số, xã hội số. Chuyển dịch từ dịch vụ bưu chính truyền thống sang dịch vụ bưu chính số. Chuyển đổi hạ tầng viễn thông thành hạ tầng số, xây dựng mạng thông tin di động 5G phủ sóng tại 100% các khu dân cư của tỉnh. Đảm bảo hoạt động của các tuyến truyền dẫn quang liên tỉnh và nội tỉnh với dung lượng cao, kết nối liên huyện, liên vùng, đặc biệt là các vùng trung tâm kinh tế - chính trị, vùng kinh tế trọng điểm; chuyển đổi số hạ tầng các cơ quan báo chí nòng cốt theo mô hình tòa soạn hội tụ, truyền thông đa phương tiện.

- Phương án nâng cấp, mở rộng và đầu tư xây dựng mới: đầu tư, nâng cấp các công trình hạ tầng kỹ thuật ngầm, ngầm hóa hạ tầng mạng cáp viễn thông; phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động. Phát triển các nền tảng số, ứng dụng công nghệ số mới vào cải cách thủ tục hành chính; xây dựng đô thị thông minh và từng bước chuyển đổi sang chính quyền số. Xây dựng trung tâm dữ liệu tỉnh phù hợp với lộ trình chuyển đổi số quốc gia và đáp ứng nhu cầu sử dụng của tỉnh.

- Đẩy mạnh phát triển kinh tế số, phát triển thanh toán số theo hướng phổ cập tài chính toàn diện. Phát triển mạnh kinh tế số ngành, lĩnh vực trọng điểm; phát triển xã hội số, trọng tâm là chuyển đổi số trong lĩnh vực y tế, giáo dục. Phát triển danh tính số và hệ thống định danh, xác thực điện tử. Duy trì triển khai an toàn thông tin mạng theo mô hình 4 lớp; vận hành hiệu quả hệ thống giám sát, điều hành an toàn thông tin mạng (SOC) của tỉnh kết nối hệ thống hỗ trợ giám sát, điều hành an toàn thông tin phục vụ Chính quyền số.

4. Phương án phát triển mạng lưới thủy lợi, cấp nước

Phát triển thủy lợi theo hướng hiện đại, bảo đảm cấp, thoát nước cho dân sinh, phục vụ chữa cháy và các ngành kinh tế; nâng cao năng lực phòng chống lũ, ngập lụt, chủ động phòng chống và giảm nhẹ thiên tai, thích ứng với biến đổi

khí hậu, nước biển dâng trên địa bàn tỉnh.

Xây dựng, nâng cấp hệ thống cấp nước đô thị và nông thôn, quy hoạch, bố trí các trụ nước chữa cháy để đáp ứng nhu cầu cấp nước sản xuất, sinh hoạt, chữa cháy; ưu tiên xây dựng hệ thống cấp nước tập trung, quy mô liên đô thị, liên xã. Xây dựng mới hệ thống cấp nước tập trung tại các xã, các đảo để phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt, sản xuất và chữa cháy.

Tiếp tục nâng cấp, mở rộng, nâng cao hiệu quả thu gom, xử lý của các hệ thống xử lý nước thải tập trung quy mô lớn tại khu kinh tế và các khu, cụm công nghiệp; xây dựng hệ thống thoát nước thải đô thị, nông thôn.

5. Phương án phát triển mạng lưới các khu xử lý chất thải

Quy hoạch xây dựng khu xử lý chất thải rắn (CTR) phải phù hợp với các quy hoạch có liên quan, đảm bảo xử lý 100% lượng chất thải rắn phát sinh trong phạm vi phục vụ của mỗi cơ sở, xử lý tập trung, liên đô thị, liên vùng, hạn chế xử lý phân tán, gây ô nhiễm môi trường; xây dựng hệ thống quản lý CTR hiện đại, thực hiện phân loại tại nguồn, thu gom, tái chế, tái sử dụng và xử lý triệt để bằng những công nghệ tiên tiến và phù hợp, hạn chế tối đa lượng chất thải phải chôn lấp, giảm chi phí đầu tư xây dựng bãi chôn lấp và tăng hiệu quả sử dụng đất.

Xây dựng các hệ thống thu gom, xử lý, thoát nước thải sinh hoạt, nước thải công nghiệp đảm bảo đạt quy chuẩn cho phép trước khi xả thải ra nguồn tiếp nhận. Chất thải rắn công nghiệp thông thường được thu gom và xử lý tập trung cùng với chất thải rắn sinh hoạt; chất thải rắn nguy hại được thu gom xử lý tại các cơ sở có chức năng xử lý chất thải rắn nguy hại; chất thải rắn y tế được thu gom và xử lý đưa về các khu xử lý được phân theo vùng, theo cụm.

6. Phương án quy hoạch bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản và phương án quy hoạch hệ thống cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá

Tiếp tục phát triển khai thác, nuôi trồng, chế biến thủy sản theo hướng bền vững, hiện đại, bảo vệ nguồn lợi và môi trường sinh thái, chú trọng phát triển chuỗi liên kết sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm, nâng cao giá trị gia tăng và tăng thu nhập cho người dân; tăng cường nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng công nghệ, ưu tiên ứng dụng công nghệ cao, chuyển đổi số; nâng cao năng lực quản lý nhà nước đối với cảng cá và khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá.

Đầu tư phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng và dịch vụ hậu cần, các cảng cá, các khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá bảo đảm đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật theo quy định và khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu và nước biển dâng.

VI. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN KẾT CẤU HẠ TẦNG XÃ HỘI

1. Phương án phát triển mạng lưới hạ tầng văn hóa - thể dục thể thao

Xây dựng và phát triển văn hóa thể thao hướng đến mục tiêu con người Quảng Ngãi phát triển toàn diện, hướng đến chân, thiện, mỹ. Văn hóa thực sự trở thành nền tảng tinh thần, là động lực cho sự phát triển của xã hội, là sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm sự phát triển bền vững của tỉnh. Xây dựng nền văn hóa giàu bản sắc Quảng Ngãi gắn với phát triển đồng bộ hệ thống thiết chế văn hóa từ tỉnh đến cơ sở, đồng thời bảo tồn, gìn giữ, phát huy các giá trị truyền thống, các di

sản văn hóa phi vật thể quốc gia và các di sản văn hoá tiêu biểu. Huy động nguồn lực đầu tư, nâng cấp các thiết chế văn hóa, thể thao các cấp; xây dựng 5-6 sân golf tại các địa điểm thích hợp, phù hợp với Quy hoạch sử dụng đất, các Quy hoạch liên quan khác.

Phát triển thể dục, thể thao để nâng cao thể lực và tầm vóc con người Quảng Ngãi, phát triển phong trào thể thao quần chúng và thể thao thành tích cao ở những môn có thế mạnh để nâng cao vị thế và thành tích của tỉnh.

2. Phương án phát triển mạng lưới hạ tầng giáo dục và đào tạo

Phát triển hệ thống giáo dục và đào tạo hiện đại, đảm bảo chất lượng, hiệu quả và tính phổ cập, phương thức giáo dục đổi mới đảm bảo được nguồn nhân lực theo nhu cầu phát triển của địa phương. Huy động mọi nguồn lực, đẩy mạnh công tác xã hội hóa trong phát triển hạ tầng giáo dục và đào tạo, hình thành một hệ thống giáo dục và đào tạo công, tư toàn diện. Ưu tiên đầu tư cho giáo dục phổ cập, giáo dục ở những vùng đặc biệt khó khăn, dân tộc thiểu số, vùng bị ảnh hưởng bởi thiên tai, biến đổi khí hậu và các đối tượng chính sách xã hội.

Cải tạo, nâng cấp quy mô các cơ sở các cấp, bậc học phù hợp với nhu cầu thực tiễn của nhân dân, của từng địa phương; nâng cao tỷ lệ kiên cố hoá trường lớp học, tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia ở các cấp, bậc học theo các chỉ tiêu đề ra cho từng giai đoạn. Tập trung phát triển các trường đại học, cao đẳng, trung cấp, đào tạo đa cấp trình độ, đa ngành nghề, đảm bảo năng lực đào tạo đáp ứng nhu cầu nhân lực kỹ thuật trực tiếp của các ngành và địa phương, nhằm chuyển dịch cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động, phù hợp với chiến lược phát triển.

3. Phương án phát triển mạng lưới hạ tầng y tế

Hoàn thiện hệ thống y tế và mạng lưới khám, chữa bệnh theo hướng hiện đại, công bằng, hiệu quả; đảm bảo tính hệ thống và liên lạc trong hoạt động chuyên môn của từng tuyến và giữa các tuyến, phát triển cân đối hợp lý giữa các bệnh viện đa khoa và chuyên khoa, phát triển y tế phổ cập kết hợp y tế chuyên sâu, giữa y học hiện đại với y học cổ truyền, dự phòng và điều trị, giữa y tế công và tư nhằm đáp ứng tốt các nhiệm vụ cung cấp dịch vụ trong chăm sóc, bảo vệ sức khỏe nhân dân trên địa bàn tỉnh và khu vực lân cận; phù hợp với Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống y tế và mạng lưới khám, chữa bệnh của cả nước cũng như đặc điểm tình hình của tỉnh. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng các cơ sở y tế ngoài công lập đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh của nhân dân.

4. Phương án phát triển mạng lưới hạ tầng an sinh xã hội

Đầu tư xây dựng mới Trung tâm Nuôi dưỡng và phục hồi chức năng cho người tâm thần tỉnh Quảng Ngãi; thành lập Trung tâm chăm sóc sức khỏe cho người cao tuổi trực thuộc Trường Cao đẳng Quảng Ngãi; xây dựng Trung tâm chăm sóc người cao tuổi tại thành phố Quảng Ngãi (khu vực sông Bàn Giang); xây dựng Trung tâm Điều dưỡng người có công tỉnh Quảng Ngãi - Cơ sở 2. Mở rộng, nâng cấp các cơ sở trợ giúp xã hội hiện có, tăng công suất tiếp nhận cho các cơ sở; có chính sách khuyến khích tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp tham gia đầu tư xây dựng, quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội, chăm sóc người già cô đơn, trẻ mồ côi, khuyết tật phù hợp với quy định của pháp luật.

5. Phương án phát triển Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (gọi tắt KHCN&ĐMST)

Quan tâm đầu tư xây dựng, phát triển tiềm lực KHCN&ĐMST để từng bước đưa KHCN&ĐMST trở thành động lực chính của sự tăng trưởng, phát triển kinh tế - xã hội, thúc đẩy quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá và đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững kinh tế - xã hội của tỉnh; đầu tư xây dựng, phát triển tiềm lực KHCN&ĐMST của tỉnh đồng bộ cả nguồn nhân lực và cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ công tác nghiên cứu, phát triển chuyển giao công nghệ.

Hình thành, phát triển mạng lưới trung tâm đổi mới sáng tạo; phát triển khoa học, công nghệ, kinh tế số, xã hội số, chính quyền số. Tập trung nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao theo hướng công nghệ cao, công nghệ sạch, tăng cường ứng dụng các công nghệ hiện đại vào sản xuất các ngành, lĩnh vực kinh tế - xã hội như: công nghệ sinh học, công nghệ thông tin, công nghệ vật liệu mới, công nghệ y dược, công nghệ chế tạo - tự động hóa, công nghệ biển và ứng phó với biến đổi khí hậu, công nghệ công nghiệp điện tử, tự động hóa và sản xuất, lắp ô tô dựa trên nền tảng công nghiệp sáng tạo.

6. Phương án phát triển hạ tầng phòng cháy chữa cháy

Quy hoạch địa điểm xây dựng các công trình hạ tầng phòng cháy chữa cháy (trụ sở và doanh trại lực lượng phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ) tại trung tâm các huyện, thành phố, thị xã, các khu công nghiệp, cụm công nghiệp và địa bàn trọng điểm nguy hiểm về cháy nổ bảo đảm thuận tiện về giao thông, nguồn nước, thông tin liên lạc, phù hợp với Quy hoạch ngành quốc gia về hạ tầng PCCC và đáp ứng các quy định hiện hành. Bố trí, thiết lập hệ thống cấp nước chữa cháy phù hợp với yêu cầu phòng cháy chữa cháy tại từng địa bàn.

VII. PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ, KHOANH VÙNG ĐẤT ĐAI

Đảm bảo việc sử dụng đất có hiệu quả, tiết kiệm; đảm bảo cho sự phát triển bền vững trong tương lai; phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất quốc gia; đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh; phát triển giáo dục, văn hóa, thể thao; bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu; tạo động lực cho sự phát triển của tỉnh. Đảm bảo việc bố trí sử dụng đất hợp lý phù hợp với định hướng phát triển của Tỉnh trong thời kỳ quy hoạch.

VIII. PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH XÂY DỰNG VÙNG LIÊN HUYỆN, VÙNG HUYỆN

1. Quy hoạch xây dựng các vùng liên huyện

Với định hướng phân chia lãnh thổ theo các trục động lực, các trọng điểm và tính đến đặc trưng về liên kết vùng, tổ chức không gian tỉnh Quảng Ngãi bao gồm 05 vùng liên huyện, đảm bảo phát huy khả năng liên kết giữa các huyện trong việc phát triển các hoạt động kinh tế - xã hội toàn diện, bền vững, cũng như khả năng liên kết giữa các huyện và các khu đô thị, khu kinh tế động lực, gồm:

- *Vùng A - vùng liên huyện thương mại - dịch vụ, trung tâm thành phố Quảng Ngãi và vùng phụ cận:* thành phố Quảng Ngãi và vùng phụ cận hai bên sông Trà Khúc từ Thạch Nham đến Cửa Đại, sẽ là trung tâm thương mại dịch vụ giao thương tài chính và là hạt nhân kinh tế chính trị của toàn Tỉnh.

- *Vùng B - vùng liên huyện, hành lang kinh tế phía bắc; trọng điểm công nghiệp, dịch vụ hậu cần, du lịch:* là trung tâm dịch vụ công nghiệp và logistic của tỉnh; gắn liền với phát triển du lịch văn hóa, du lịch sinh thái và nông lâm nghiệp trên cơ sở các hệ sinh thái sẵn có (thác Cà Đú, suối Cà Bói, suối khoáng Thạch Bích, bãi biển, v.v).

- *Vùng C - vùng liên huyện kinh tế sinh thái biển phía Nam:* là khu vực phát triển phía Nam của tỉnh với các hoạt động kinh tế biển và các vùng nông - lâm nghiệp công nghệ cao, năng lượng sạch. Phát triển gắn liền với văn hóa Sa Huỳnh, các làng nghề truyền thống và hệ sinh thái tự nhiên (thảo nguyên, đồi núi, đầm phá, cồn cát, v.v.).

- *Vùng D - vùng liên huyện miền núi phía tây - kinh tế rừng xanh:* là khu vực phát triển kinh tế rừng, kinh tế nông nghiệp và các nguồn năng lượng sạch, năng lượng tái tạo cùng các hoạt động du lịch cộng đồng, nghỉ dưỡng, trải nghiệm, chăm sóc sức khỏe.

- *Vùng E - đảo Lý Sơn “Ngọc lớn - Ngọc bé” của Biển Đông:* là đô thị biển đảo; trung tâm du lịch biển - đảo của tỉnh Quảng Ngãi với các giá trị về địa chất - văn hóa - cảnh quan, phát triển các loại hình du lịch biển đảo đặc sắc; là trung tâm dịch vụ hậu cần nghề nuôi trồng đánh bắt thủy hải sản; trung tâm tránh trú bão và cứu hộ cứu nạn trên biển; có vị trí đặc biệt quan trọng về an ninh quốc phòng.

2. Quy hoạch xây dựng các vùng huyện

Quy hoạch 09 vùng huyện đảm bảo phù hợp với mục tiêu định hướng phát triển tổng thể của tỉnh gồm: (1) Vùng huyện Sơn Tịnh; (2) Vùng huyện Tư Nghĩa; (3) Vùng huyện Nghĩa Hành; (4) Vùng huyện Mộ Đức; (5) Vùng huyện Trà Bồng; (6) Vùng huyện Sơn Hà; (7) Vùng huyện Minh Long; (8) Vùng huyện Sơn Tây; (9) Vùng huyện Ba Tơ.

IX. PHƯƠNG ÁN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, BẢO TỒN THIÊN NHIÊN VÀ ĐA DẠNG SINH HỌC; BẢO VỆ KHAI THÁC, SỬ DỤNG, BẢO VỆ TÀI NGUYÊN; PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI VÀ ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

1. Phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học

a) Phân vùng bảo vệ môi trường

Phân vùng môi trường tỉnh Quảng Ngãi theo vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải và vùng khác để làm cơ sở cho triển khai các giải pháp về bảo vệ môi trường, cụ thể như sau:

- Vùng bảo vệ nghiêm ngặt, bao gồm: khu dân cư tập trung ở đô thị (vùng nội thành, nội thị của các đô thị loại I, loại II, loại III); nguồn nước mặt được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước; khu bảo tồn thiên nhiên; khu vực bảo vệ 1 của di tích lịch sử - văn hóa; vùng lõi của di sản thiên nhiên.

- Vùng hạn chế phát thải, bao gồm: vùng đệm của các vùng bảo vệ

nghiêm ngặt; hành lang bảo vệ nguồn nước mặt được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt; khu dân cư tập trung là nội thành, nội thị của các đô thị loại IV, loại V; khu vực có yếu tố nhạy cảm về môi trường dễ bị tổn thương trước tác động của ô nhiễm môi trường khác cần được bảo vệ.

- Vùng môi trường khác: các khu vực còn lại.

b) Phương án bảo tồn đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh

Thành lập mới các khu bảo vệ cảnh quan, cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học. Bảo tồn và phục hồi các loài hoang dã nguy cấp, đặc biệt là các loài động vật nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ, loài di cư; đánh giá, phát huy lợi ích của đa dạng sinh học phục vụ phát triển bền vững. Kiểm soát tốt các hoạt động gây tác động tiêu cực đến đa dạng sinh học.

c) Phương án quan trắc môi trường

Tiếp tục duy trì, nâng cấp hệ thống quan trắc hiện có; xây dựng mới và bố trí mạng lưới quan trắc môi trường, bao gồm môi trường nước mặt (sông, suối, hồ), môi trường nước dưới đất, môi trường nước biển; môi trường không khí xung quanh, tiếng ồn, môi trường đất, môi trường trầm tích với số điểm quan trắc và tần số đáp ứng được mục tiêu theo dõi và bảo vệ môi trường; đầu tư nâng cao năng lực phòng thí nghiệm, phân tích môi trường và hệ thống quản lý số liệu, dữ liệu quan trắc môi trường. Thực hiện liên kết mạng lưới, cơ sở dữ liệu, số liệu quan trắc môi trường tỉnh với mạng lưới, cơ sở dữ liệu, số liệu quan trắc môi trường quốc gia và kết nối mạng lưới quan trắc môi trường cấp vùng. Định kỳ thực hiện kiểm kê, đánh giá tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh. Nâng cao năng lực cảnh báo thiên tai, xây dựng hệ thống cảnh báo lũ ống, lũ quét, quan trắc trượt lở, nâng cấp trạm quan trắc tự động nước mặt các sông và các trạm khí tượng thủy văn trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

d) Bảo vệ rừng và phát triển rừng

Phát triển lâm nghiệp bền vững cả về kinh tế, xã hội và môi trường, trên cơ sở tổ chức sản xuất hợp lý, góp phần phát triển kinh tế, xoá đói giảm nghèo ở vùng đồi núi và phát triển hàng hoá từ rừng. Tiếp tục bảo vệ, phục hồi hiệu quả tối đa diện tích rừng tự nhiên; duy trì, củng cố các khu rừng đặc dụng hiện có; thành lập mới, khôi phục, tái phát triển một số khu rừng đặc dụng. Rà soát điều chỉnh rừng phòng hộ sang rừng đặc dụng, điều chỉnh bổ sung rừng phòng hộ đầu nguồn; xây dựng các dự án đầu tư bảo vệ và khôi phục rừng phòng hộ đầu nguồn, rừng phòng hộ ven biển, rừng phòng hộ môi trường đô thị - công nghiệp. Tập trung hình thành các vùng nguyên liệu sản xuất gỗ lớn, hình thành các chuỗi trong sản xuất lâm nghiệp, cấp chứng chỉ rừng,...; thực hiện các biện pháp lâm sinh để cải tạo phục hồi rừng.

e) Sắp xếp, phân bố nghĩa trang, cơ sở hỏa táng, nhà tang lễ

Xây dựng nghĩa trang, cơ sở hỏa táng tập trung theo quy hoạch đô thị, quy hoạch vùng huyện và quy hoạch nông thôn mới được duyệt. Bố trí các nhà tang lễ tại các đô thị đảm bảo tiêu chuẩn về phân loại đô thị. Từng bước đóng cửa các nghĩa trang trong khu vực phát triển đô thị hiện hữu. Di dời các nghĩa trang không phù hợp với quy hoạch hoặc không đảm bảo yêu cầu môi trường.

2. Phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên

Khai thác, chế biến, sử dụng khoáng sản, phù hợp với đặc điểm, tiềm năng của mỗi loại khoáng sản, đảm bảo hiệu quả kinh tế - xã hội và môi trường, gắn với đảm bảo an ninh, quốc phòng, hài hòa giữa lợi ích quốc gia, địa phương và doanh nghiệp; sử dụng khoáng sản hợp lý, hiệu quả và bảo vệ cảnh quan thiên nhiên, di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh và các tài nguyên thiên nhiên khác.

Quy hoạch thăm dò, khai thác và chế biến các khu, điểm mỏ khoáng sản phải được cấp có thẩm quyền phê duyệt và thực hiện theo quy định của pháp luật. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với công tác quản lý tài nguyên khoáng sản; tận dụng tối đa nguồn đất, đá thải mỏ làm vật liệu san lấp mặt bằng các dự án phát triển hạ tầng đô thị, giảm áp lực lên các bãi thải mỏ.

Dừng khai thác các khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh thực hiện theo các quyết định được phê duyệt và quy định của pháp luật.

3. Phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra

Ưu tiên phân bổ nguồn nước cho các đối tượng khai thác, sử dụng nước theo thứ tự: (i) Nhu cầu sử dụng nước cho sinh hoạt; (ii) Nhu cầu sử dụng nước cho công nghiệp; (iii) Nhu cầu sử dụng nước cho du lịch, dịch vụ; (iv) Nhu cầu sử dụng nước cho nông nghiệp, thủy sản và các lĩnh vực khác.

Cải thiện chất lượng nước, khắc phục tình trạng ô nhiễm tại các đoạn sông, nguồn nước nội tỉnh hiện đang bị ô nhiễm hoặc chưa đáp ứng được mục đích sử dụng đề ra; duy trì, bảo vệ chất lượng nước mặt chưa bị ô nhiễm để bảo đảm đáp ứng được mục tiêu chất lượng nước trong kỳ quy hoạch; kiểm soát hiệu quả các nguồn thải hiện có và các nguồn thải mới phát sinh trong kỳ quy hoạch: Nước thải công nghiệp, sinh hoạt, y tế,... và các loại nước thải khác được thu gom và xử lý đạt quy chuẩn.

Xây dựng mạng quan trắc tài nguyên nước, giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước trên các các sông suối chính, các công trình khai thác sử dụng nước lớn như các hồ thủy điện, thủy lợi, các khu công nghiệp,... nhằm phát hiện sớm các vi phạm trong khai thác tài nguyên nước, đặc biệt các khu vực có nguy cơ cạn kiệt nguồn nước.

4. Phương án phòng, chống thiên tai và ứng phó biến đổi khí hậu

Phân vùng rủi ro đối với từng loại thiên tai trên địa bàn tỉnh và xác định các khu vực ưu tiên phòng, chống đối với từng loại thiên tai; củng cố hệ thống đê sông, đê biển, hồ chứa nước, các công trình phòng, chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu; nạo vét, chỉnh trị dòng chảy các tuyến sông và mở rộng, khơi thông các trục tiêu chính; có giải pháp chỉnh trị, đưa vào khai thác các bãi sông, bãi nổi hạ lưu các sông trong tỉnh phục vụ phát triển kinh tế trên cơ sở đảm bảo yêu cầu thoát lũ theo tần suất thiết kế được quy định, đảm bảo môi trường và các quy định của pháp luật.

Nâng cao năng lực chống chịu với biến đổi khí hậu của hệ thống cơ sở hạ

tàng; thiết lập hệ thống giám sát, đánh giá các hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu; xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu phòng chống thiên tai trên địa bàn tỉnh; đẩy mạnh các hành động giảm nhẹ khí nhà kính và tăng cường các bể hấp thu khí nhà kính; thực hiện các hành động phục hồi thiên nhiên. Nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo, chủ động phòng, chống các loại thiên tai thường xuyên xảy ra như lũ, lũ quét, sạt lở đất, ngập úng, hạn hán và thích ứng biến đổi khí hậu; di dân, tái định cư cho người dân nằm trong vùng thường xuyên chịu ảnh hưởng thiên tai.

X. DANH MỤC DỰ ÁN VÀ THỨ TỰ ƯU TIÊN THỰC HIỆN

Danh mục dự án quan trọng cấp tỉnh, sắp xếp thứ tự ưu tiên và phân kỳ thực hiện chia làm 03 nhóm: (1) Danh mục dự án do Bộ ngành Trung ương và Doanh nghiệp Nhà nước TW đầu tư trên địa bàn tỉnh; (2) Danh mục dự án do địa phương đầu tư (từ nguồn vốn Ngân sách Trung ương và Ngân sách địa phương); (3) Danh mục dự án thu hút đầu tư.

VI. GIẢI PHÁP, NGUỒN LỰC THỰC HIỆN QUY HOẠCH

1. Giải pháp về huy động vốn đầu tư

- Dự kiến nhu cầu vốn đầu tư trong thời kỳ 2021-2030 khoảng 410 nghìn tỷ đồng, trong đó: vốn cho giai đoạn 2021-2025 cần khoảng 150 nghìn tỷ đồng và giai đoạn 2026-2030 cần khoảng 260 nghìn tỷ đồng. Dự kiến vốn từ NSNN trong giai đoạn 2021-2025 là khoảng 37 - 38 nghìn tỷ đồng và 2026-2030 là khoảng 60 - 65 nghìn tỷ đồng (với giả định vốn đầu tư từ NSNN tăng bình quân 10%/năm). Dự kiến vốn từ ngoài nhà nước giai đoạn 2021-2025 là khoảng 120 nghìn tỷ đồng và 2026-2030 là khoảng 200 nghìn tỷ đồng.

- Về nguồn vốn từ ngân sách nhà nước

+ Xem xét kiến nghị với Trung ương về xây dựng cơ chế, chính sách huy động từ nguồn thu hợp lý để tăng thêm nguồn vốn cho đầu tư phát triển tỉnh.

+ Quản lý chặt chẽ, nâng cao hiệu quả các khoản chi từ ngân sách nhà nước, bảo đảm triệt để tiết kiệm, chống lãng phí.

+ Trong cơ cấu chi NSNN, tăng tỷ trọng chi đầu tư phát triển, giảm tỷ trọng chi thường xuyên, đảm bảo tỷ lệ hợp lý và sự gắn kết chặt chẽ giữa hai khoản chi này nhằm hỗ trợ thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Xác định rõ các khoản chi trọng điểm, thứ tự ưu tiên các khoản chi, loại bỏ các khoản chi bất hợp lý.

- Về nguồn vốn từ ngoài ngân sách nhà nước

+ Rà soát, hoàn thiện các cơ chế, chính sách để huy động nguồn lực xã hội đầu tư phát triển; công khai, minh bạch các chính sách ưu đãi đến người dân, doanh nghiệp để kêu gọi thu hút đầu tư.

+ Chú trọng vào chất lượng nhà đầu tư và dự án đầu tư, tránh sự manh mún, chẻ nhỏ quỹ đất, đảm bảo tiến độ triển khai dự án.

+ Xác định rõ trọng tâm đầu tư, đặc biệt chú trọng thu hút các dự án đầu tư các ngành mà tỉnh có lợi thế so sánh và phù hợp với định hướng phát triển các ngành kinh tế của tỉnh trong thời kỳ quy hoạch và xu thế phát triển chung trong

tương lai.

2. Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực

- Các cơ sở giáo dục, đào tạo ở các bậc học, đặc biệt là bậc đại học, cao đẳng và đào tạo nghề liên tục cập nhật kiến thức, phương pháp dạy học mới, chuẩn hoá chương trình học bám sát nhu cầu của thị trường. Phát triển mối liên kết giữa các cơ sở giáo dục và doanh nghiệp sử dụng lao động và đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, nghiên cứu.

- Khuyến khích lao động tham gia học nghề, xây dựng chiến dịch truyền thông để loại bỏ các định kiến về việc học nghề.

- Kết nối thông tin thị trường lao động, hình thành và phát triển sàn giao dịch việc làm.

- Hoàn thiện cơ chế, chính sách thu hút và đãi ngộ nguồn nhân lực chất lượng cao. Xây dựng các cơ chế thu hút nguồn lao động từ ngoại tỉnh hoặc con em Quảng Ngãi làm ăn xa quê về làm việc tại Quảng Ngãi.

3. Giải pháp về bảo vệ môi trường

- Bổ sung, hoàn thiện hệ thống chính sách về bảo vệ môi trường, đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất với hệ thống pháp luật và bám sát thực tế các vấn đề về môi trường. Xây dựng quy chế quản lý chất thải, quản lý ô nhiễm, tính đúng phí bảo vệ môi trường cho các dự án đầu tư mới theo quy định của Luật bảo vệ môi trường.

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước về môi trường. Tổ chức tốt hoạt động quản lý môi trường trong các KCN, CCN và làng nghề. Phát huy tối đa hiệu quả hoạt động của lực lượng cảnh sát môi trường.

- Xây dựng cơ chế, chính sách ưu đãi cho doanh nghiệp, khuyến khích ứng dụng, chuyển đổi sử dụng các công nghệ tiên tiến, hiện đại thân thiện với môi trường.

4. Giải pháp về phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

- Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện chính quyền điện tử, giải quyết các thủ tục hành chính công trực tuyến, tiến tới chính quyền số, xây dựng thành phố thông minh, v.v. Cải thiện các chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), chỉ số Hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI), và chỉ số Chuyển đổi số (DTI), v.v.

- Nâng dân tổng vốn toàn xã hội đầu tư cho nghiên cứu và công tác triển khai ứng dụng, phấn đấu đạt 0,5-1% tổng chi ngân sách nhà nước. Đẩy mạnh xã hội hoá và đầu tư theo cơ chế phối hợp đối tác công - tư trong xây dựng hệ thống các tổ chức và phát triển đội ngũ KH&CN.

- Phát triển KH&CN có trọng tâm, gắn kết chặt chẽ với phát triển các ngành kinh tế.

5. Giải pháp về cơ chế, chính sách liên kết phát triển

- Phối hợp với các tỉnh trong vùng kinh tế trọng điểm miền Trung và vùng phụ cận để khai thác các tiềm năng của từng địa phương, đẩy nhanh tiến độ phát triển kinh tế-xã hội như tăng cường kết nối với Khu kinh tế mở Chu Lai dựa trên

các kết nối về hạ tầng giao thông sẵn có; liên kết phát triển vận tải, logistics với Kon Tum, Quảng Nam; khai thác các tuyến/tour du lịch kết nối với các điểm du lịch trong vùng kinh tế trọng điểm miền Trung và các khu vực khác.

- Tham gia tích cực vào chuỗi cung ứng toàn cầu. Vận dụng và triển khai hiệu quả các Hiệp định mà Việt Nam đã ký kết. Thiết lập các đối tác chiến lược với các ngành hàng, sản phẩm chủ lực của tỉnh dựa trên quan hệ thương mại và hợp tác phát triển, đầu tư, cung ứng các sản phẩm có chất lượng và yếu tố kỹ thuật cao.

6. Giải pháp về quản lý, kiểm soát phát triển đô thị và nông thôn

- Tiếp tục rà soát, bổ sung, hoàn chỉnh quy trình và thủ tục hành chính về quản lý quy hoạch kiến trúc. Kiểm tra và đảm bảo các hoạt động đầu tư, xây dựng, công trình kiến trúc trên địa bàn tỉnh phù hợp với quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị được phê duyệt, phù hợp đặc điểm kiến trúc đô thị, nông thôn.

- Thực hiện tốt quy hoạch sử dụng đất trong thời kỳ 2021-2030, đặc biệt là lộ trình chuyển đổi đất nông nghiệp sang đất đô thị, đảm bảo quỹ đất nông nghiệp, quỹ đất rừng và tương ứng với cơ cấu quy hoạch sử dụng đất cho phát triển đô thị.

- Gắn liền quá trình đô thị hoá, phát triển các khu đô thị - dịch vụ với công nghiệp hoá để tăng sức lan toả của KCN, CCN. Với định hướng phát triển KKT Dung Quất trở thành đô thị biển vào năm 2050, tiếp tục triển khai một số công trình hạ tầng trong KKT để thu hút đầu tư, đồng bộ hạ tầng dịch vụ, thương mại và cảnh quan trong đô thị.

- Thực hiện đúng lộ trình di dời các cơ sở sản xuất, CCN, KCN gây ô nhiễm, hoạt động không hiệu quả ra khỏi các đô thị. Xây dựng lộ trình phù hợp để mở rộng ranh giới đô thị, nâng hạng đô thị đối với các khu nông thôn giáp với ranh giới đô thị.

7. Giải pháp nâng cao hiệu quả, hiệu lực của bộ máy quản lý hành chính nhà nước

- Công khai thông tin tuyển dụng lao động cho các vị trí trong cơ quan hành chính nhà nước, doanh nghiệp. Xây dựng hệ thống tuyển chọn đánh giá đúng năng lực của người tham gia tuyển dụng. Xây dựng các cơ chế, chính sách ưu đãi để thu hút nhân lực chất lượng cao vào lực lượng cán bộ, công chức quản lý Nhà nước.

- Thường xuyên tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ, kiến thức quản lý, kỹ năng và tác phong đội ngũ cán bộ. Tổ chức tập huấn sử dụng các ứng dụng công nghệ thông tin cho cán bộ, công chức các cấp.

8. Giải pháp khác

- Đảm bảo nội dung quy hoạch phù hợp với quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch sử dụng đất cấp huyện và các quy hoạch khác theo quy định của pháp luật về Quy hoạch, đảm bảo mối liên kết giữa quy hoạch chi tiết và quy hoạch tổng thể và phù hợp với quy hoạch vùng.

- Xây dựng kế hoạch và chương trình thực hiện hành động, xây dựng chính sách, đánh giá và huy động nguồn lực để đảm bảo việc thực hiện quy

hoạch có hiệu quả. Tổ chức đánh giá thực hiện quy hoạch định kỳ 5 năm, bổ sung và điều chỉnh lại mục tiêu cho phù hợp với tình hình mới.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và quản lý thực hiện quy hoạch. Xây dựng hệ thống theo dõi, đánh giá việc thực hiện quy hoạch thông qua hệ thống các chỉ tiêu, gắn liền với phân công trách nhiệm và thời gian thực hiện.

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh khẩn trương hoàn thiện hồ sơ Quy hoạch, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo ý kiến tham gia của Hội đồng thẩm định, bảo đảm tính khoa học, thực tiễn, tính kế thừa, đổi mới, phát triển các quy hoạch chiến lược của giai đoạn trước và các yếu tố mới, cơ hội mới, các định hướng, chiến lược của tỉnh trong tổng thể định hướng phát triển quốc gia, quy hoạch ngành, quy hoạch vùng; tổ chức công bố, công khai quy hoạch tỉnh sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XIII kỳ họp thứ 14 thông qua ngày.....tháng..... năm 2023 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

CHỦ TỊCH

Nơi nhận:

- UBTW Quốc hội, Chính phủ;
- Các Ủy ban của QH, Ban CTĐB của UBTW Quốc hội;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, hội đoàn thể tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh; C-PVP, các phòng, CV;
- Đài PTTH tỉnh, Báo Quảng Ngãi;
- Trung tâm Tin học - Công báo, VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH.

Bùi Thị Quỳnh Vân

Số:/NQ-HĐND

Quảng Ngãi, ngày tháng năm 2023

Dự thảo

NGHỊ QUYẾT

**Về việc thông qua Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi
thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI
KHÓA XIII, KỲ HỌP THỨ 14**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 15 tháng 6 năm 2018; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội về tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021-2030;

Căn cứ Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Quốc hội về quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị quyết số 119/NQ-CP ngày 27 tháng 9 năm 2021 của Chính phủ về các nhiệm vụ và giải pháp để nâng cao chất lượng và đẩy nhanh tiến độ lập các quy hoạch thời kỳ 2021-2030;

Căn cứ Quyết định số 1574/QĐ-TTg ngày 12 tháng 10 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Báo cáo thẩm định số 2215/BC-HĐTD ngày 28/3/2023 của Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 về Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc thông qua Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, với những nội dung chủ yếu sau:

I. PHẠM VI, RANH GIỚI QUY HOẠCH

Phạm vi ranh giới quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi bao gồm toàn bộ phần lãnh thổ đất liền tỉnh Quảng Ngãi và phần không gian biển được xác định theo Luật Biển Việt Nam năm 2012, Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.

Tỉnh Quảng Ngãi với diện tích tự nhiên 5.155,24 km², nằm ở vùng duyên hải miền Trung, có giới hạn địa lý như sau: phía Bắc giáp tỉnh Quảng Nam; phía Nam giáp tỉnh Bình Định; phía Tây giáp tỉnh Kon Tum và tỉnh Gia Lai; phía Đông giáp biển Đông.

II. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU VÀ CÁC ĐỊNH HƯỚNG LỚN TẠO ĐỘT PHÁ PHÁT TRIỂN

1. Quan điểm phát triển

- Định hướng phát triển của tỉnh phải phù hợp, đồng bộ với định hướng, tầm nhìn phát triển đất nước, tinh thần Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030 của đất nước, các Quy hoạch cấp quốc gia, Quy hoạch Vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi lần thứ XX.

- Bám sát đặc điểm, vai trò, vị trí địa lý để tổ chức, bố trí không gian phát triển các hoạt động kinh tế - xã hội phù hợp theo định hướng phát triển hạ tầng quốc gia, liên kết vùng và liên kết thị trường, phát huy kinh tế biển xanh, kinh tế rừng xanh, nông nghiệp xanh, công nghiệp công nghệ cao.

- Đổi mới mạnh mẽ tư duy, hành động, tận dụng triệt để các tiềm năng và nguồn lực để tạo động lực phát triển. Trong ngắn hạn, phát triển nhanh dựa trên cơ sở tập trung phát triển các ngành, lĩnh vực đang có sẵn lợi thế; trong trung hạn và dài hạn, phân bổ tối đa nguồn lực hỗ trợ phát triển các ngành, lĩnh vực phù hợp với xu thế phát triển xanh và bền vững; Tiếp tục đẩy mạnh, tăng cường hình thành các mối liên kết trong phát triển với các địa phương khác trong vùng và các khu vực lân cận, chủ động tham gia mạnh mẽ vào quá trình hội nhập quốc tế.

- Tiếp tục đầu tư tập trung đầu tư đồng bộ, hiện đại, hiệu quả kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội theo hướng liên thông, có khả năng lan toả lợi ích lớn và phục vụ đa mục tiêu phát triển; phát triển hài hoà ba yếu tố kinh tế - xã hội - môi trường; không đánh đổi sự phát triển trước mắt với rủi ro về môi trường; chủ động trong công tác ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường.

- Phát triển kinh tế gắn kết chặt chẽ với công tác đảm bảo an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững, nâng cao đời sống của mọi tầng lớp xã hội; khơi dậy tiềm năng để tạo đột phá trong phát triển lĩnh vực dịch vụ, đặc biệt là du lịch theo hướng bền vững và trải nghiệm cao cấp; phát triển đa dạng các thành phần kinh tế và các loại hình doanh nghiệp, coi doanh nghiệp và con người là trung tâm và động lực chính của sự phát triển; đầu tư, phát triển giáo dục và đào tạo là

nền tảng góp phần quan trọng trong việc nâng cao và đảm bảo chất lượng lao động cho nhu cầu phát triển bền vững, lâu dài;

- Tập trung phát triển kinh tế số, xã hội số một cách tổng thể, toàn diện. Phát triển kinh tế số trở thành động lực cốt lõi của tăng trưởng kinh tế, gắn kết chặt chẽ với chính quyền số, xã hội số, giúp nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh và giúp đất nước phát triển. Người dân có niềm tin, tự tin trên không gian mạng và tham gia vào hoạt động của chính quyền, sử dụng dịch vụ chính quyền số nhiều hơn.

- Nâng cao chất lượng tăng trưởng, chú trọng vào năng suất kinh tế thay vì năng suất sản phẩm. Nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế dựa trên cơ sở cải thiện môi trường đầu tư, đổi mới sáng tạo, ứng dụng khoa học - công nghệ, đẩy mạnh chuyển đổi số, qua đó tăng cường khả năng chủ động tiếp cận, tận dụng cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 làm động lực phát triển; kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với đảm bảo công tác quốc phòng - an ninh và trật tự an toàn xã hội; chủ động hội nhập, hợp tác quốc tế, ứng phó với các tác động tiêu cực từ tình hình an ninh trật tự trên thế giới và khu vực.

2. Mục tiêu phát triển

a) Mục tiêu tổng quát đến năm 2030

Quảng Ngãi phấn đấu là tỉnh phát triển khá của cả nước, có thu nhập bình quân đầu người ít nhất bằng mức bình quân của cả nước, nâng cao tính tự chủ của nền kinh tế; là tỉnh phát triển công nghiệp với hai ngành công nghiệp chủ lực là lọc hóa dầu và luyện kim thép. Các loại hình công nghiệp xanh, công nghiệp công nghệ cao dần hình thành tại các khu công nghiệp và cụm công nghiệp tập trung. Tỉnh từng bước xây dựng được thương hiệu về các loại hình dịch vụ chất lượng cao, với điểm nhấn là lĩnh vực du lịch. Các mô hình về nông nghiệp áp dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn dần được nhân rộng. Tỷ lệ đô thị hóa được nâng cao với cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển các đô thị xanh, đô thị thông minh dần được hoàn thiện. Công tác xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao tiếp tục được chú trọng và đạt được các chỉ tiêu đề ra cho giai đoạn.

b) Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

* Về kinh tế

(1) Tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân thời kỳ 2021-2030 đạt 7,25 - 8,25%/năm. Trong đó: tốc độ tăng trưởng của khu vực Nông, lâm nghiệp và thủy sản đạt 4 - 5%/năm; tốc độ tăng trưởng của khu vực Công nghiệp đạt 8,25 - 9,25%/năm; tốc độ tăng trưởng của khu vực Dịch vụ đạt 10,0 - 11,0%/năm.

(2) GRDP bình quân đầu người đạt khoảng 7.700 - 7.900 USD.

(3) Tỷ trọng của khu vực Công nghiệp - xây dựng và Dịch vụ trong cơ cấu GRDP đạt 72 - 73%.

(4) Tỷ lệ đô thị hóa đạt trên 50%, ngang với bình quân cả nước.

(5) Tổng vốn đầu tư toàn xã hội cho giai đoạn 2021-2030 khoảng 410.000 tỷ đồng.

(6) Năng suất lao động tăng trưởng bình quân giai đoạn 2021-2030 là 6,5-7,5%/năm.

* Về xã hội

(7) Tỷ lệ lao động qua đào tạo đến năm 2030 đạt trên 75%, trong đó có bằng cấp, chứng chỉ đạt 35-40%.

(8) Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia ít nhất là: Mầm non: 80,0%; Tiểu học: 89,0%; Trung học cơ sở: 90,1%; Tiểu học - Trung học cơ sở: 38,5%; Trung học phổ thông: 78,9%.

(9) Đạt trên 32 giường bệnh/10.000 dân và trên 11 bác sỹ/10.000 dân. Tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế đạt trên 95% dân số.

(10) Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều toàn tỉnh giảm bình quân 1-1,5%/năm (giai đoạn 2021-2025) và 0,5-1%/năm (giai đoạn 2026-2030).

(11) Diện tích nhà ở bình quân đầu người khoảng 33 m² sàn/người.

(12) Chỉ số phát triển con người (HDI) duy trì thuộc nhóm có chỉ số HDI cao (nhóm 2) theo phân loại của UNDP.

* Về kết cấu hạ tầng

(13) Hạ tầng đầu tư phát triển cơ bản theo hướng đồng bộ, hiện đại. Hạ tầng giao vận tải thông suốt, an toàn; điện đảm bảo tốt nhu cầu sản xuất và sinh hoạt; nguồn nước phục vụ sản xuất và sinh hoạt được đảm bảo; hệ thống đê điều, hồ đập an toàn; hạ tầng xã hội đáp ứng nhu cầu phát triển.

* Về bảo vệ môi trường

(14) Tỷ lệ độ che phủ rừng ổn định từ 52% trở lên.

(15) Tỷ lệ dân số được cấp nước sạch khu vực thành thị 100% và nông thôn trên 80%.

(16) Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định đạt 98%; Tỷ lệ chất thải y tế-được thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định đạt 100%.

(17) Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định: tại các đô thị đạt 95%, tại khu vực nông thôn đạt 90%;

(18) Tỷ lệ khu công nghiệp, cụm công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải tập trung xử lý đạt quy chuẩn về môi trường đạt 100%. Tỷ lệ nước thải đô thị được thu gom và xử lý bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn theo quy định đạt 50% đối với đô thị loại II và 20% đối với các đô thị còn lại; đối với khu vực nông thôn khoảng 25% điểm dân cư nông thôn tập trung có hệ thống thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt.

* Về quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội

(19) Thực hiện tốt nhiệm vụ bảo đảm quốc phòng, an ninh; xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân; xây dựng xã hội trật tự, kỷ cương, an toàn, đảm bảo cuộc sống bình yên, hạnh phúc của nhân dân. Hàng năm, có khoảng 95% xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn vững mạnh về quốc phòng, trong đó: có 65 - 70% xã, phường, thị trấn vững mạnh toàn diện. Hàng năm, có ít nhất 80% khu dân cư, xã, phường, thị trấn, cơ quan, doanh

nghiệp, cơ sở giáo dục đạt tiêu chuẩn về “An toàn về an ninh trật tự”.

3. Các nhiệm vụ trọng tâm trong thời kỳ quy hoạch

- Tiếp tục đổi mới sắp xếp không gian phát triển kinh tế xã hội, đảm bảo nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả;
- Đẩy mạnh cải cách hành chính; cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh; hoàn thiện xây dựng chính quyền điện tử;
- Đẩy mạnh phát triển dịch vụ du lịch để từng bước trở thành kinh tế mũi nhọn của tỉnh. Phát triển, quảng bá văn hóa, lịch sử, di sản Quảng Ngãi;
- Đảm bảo sử dụng hiệu quả và tiết kiệm nguồn tài nguyên thiên nhiên, tài nguyên đất, tài nguyên nước; bảo vệ đa dạng sinh học; bảo vệ môi trường và chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu.

4. Các đột phá phát triển trong thời kỳ quy hoạch

- Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao với trọng tâm là đội ngũ cán bộ lãnh đạo có đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, ngang tầm nhiệm vụ;
- Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực để đẩy mạnh phát triển công nghiệp, phân bổ nguồn lực thu được từ công nghiệp hỗ trợ phát triển các lĩnh vực phù hợp hơn với xu thế phát triển của tương lai;
- Đầu tư, phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại cả về kinh tế và xã hội, tạo động lực cho phát triển. Ưu tiên các công trình trọng điểm về giao thông; thích ứng với biến đổi khí hậu; hạ tầng thông tin, viễn thông, tạo nền tảng chuyên đổi số;
- Áp dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số vào mọi lĩnh vực của nền kinh tế, khuyến khích tinh thần đổi mới sáng tạo, khát vọng vươn lên;
- Phát triển đô thị là trụ cột gắn với công nghiệp và kinh tế biển tạo động lực phát triển trong thời kỳ quy hoạch.

5. Tầm nhìn đến năm 2050

Hướng tới năm 2050, Quảng Ngãi là một tỉnh phát triển bền vững và đa dạng với các ngành công nghiệp xanh, công nghiệp công nghệ cao tập trung tại các khu công nghiệp và cụm công nghiệp tập trung. Các loại hình dịch vụ tiên tiến, hiện đại và đặc sắc chiếm tỷ trọng ngày càng cao trong cơ cấu kinh tế của tỉnh. Các loại hình nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn trở thành mũi nhọn của lĩnh vực nông nghiệp. Hệ thống cơ sở hạ tầng được hoàn thiện đồng bộ, phù hợp với nhu cầu phát triển; hệ thống đô thị thông minh, hiện đại và hệ thống nông thôn phát triển đạt tiêu chí nông thôn mới nâng cao; hệ thống mạng lưới phát triển khoa học như các trung tâm nghiên cứu và phát triển (đặc biệt là về các lĩnh vực dược liệu, nông nghiệp công nghệ cao, v.v.), trung tâm đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp, các cộng đồng nghiên cứu khoa học dần được hình thành trên địa bàn tỉnh. Bảo tồn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc, con người Quảng Ngãi, trở thành điểm nhấn trong phát triển du lịch của tỉnh. Chú trọng, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, chăm sóc sức khỏe nhân dân, an sinh xã hội. Đảm bảo công tác quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội.

III. PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC VÀ PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ- XÃ HỘI

1. Phương hướng phát triển các ngành quan trọng của tỉnh

a) Ngành công nghiệp

Tiếp tục khai thác những thế mạnh sẵn có về các lĩnh vực công nghiệp nền tảng như lọc hóa dầu, luyện kim thép, đóng tàu biển, v.v. và thúc đẩy phát triển các lĩnh vực này theo chiều sâu, thân thiện với môi trường và mở rộng theo chuỗi giá trị (hóa dầu, sản phẩm sau thép, v.v.), gia tăng sự hỗ trợ của các ngành công nghiệp phụ trợ. Đồng thời, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu các ngành công nghiệp, giảm dần tỷ trọng của các ngành công nghiệp phát thải lớn và tạo điều kiện phát triển các ngành công nghiệp công nghệ cao, thân thiện hơn với môi trường và phù hợp với xu thế phát triển bền vững như: sản xuất điện từ nguồn năng lượng sạch, năng lượng tái tạo, điện gió, điện khí, công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp chế biến - chế tạo, công nghiệp công nghệ cao (điện, điện tử, hàng không,...), công nghiệp chế biến sâu nông, lâm và thủy sản, v.v. Tiếp tục chú trọng đầu tư hoàn thiện và phát triển cơ sở hạ tầng các khu vực công nghiệp quan trọng, đặc biệt là Khu kinh tế Dung Quất. Chủ động thúc đẩy mối liên kết giữa KKT Dung Quất với KKT mở Chu Lai của tỉnh Quảng Nam để hình thành trung tâm công nghiệp ven biển trọng điểm của khu vực Duyên hải Trung Bộ và của cả nước

b) Ngành nông nghiệp

Phát triển nông nghiệp chất lượng, giá trị, bền vững theo hướng tập trung hoá, hiện đại hoá, hướng tới nền nông nghiệp xanh, bền vững, bảo vệ môi trường, tổ chức tái cơ cấu ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản, hình thành các khu nông nghiệp công nghệ cao, khu chăn nuôi tập trung, trang trại trồng trọt, vùng nuôi trồng đánh bắt thủy sản, vùng chuyên canh nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn dựa trên lợi thế các vùng, địa phương trong tỉnh, tăng cường ứng dụng công nghệ cao, công nghệ số gắn với chế biến, tiêu thụ theo chuỗi giá trị, nâng cao chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh và chủ động hội nhập quốc tế.

c) Ngành thương mại - dịch vụ

Phát triển Thương mại - Dịch vụ thành một ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh, phát triển đa dạng các loại hình, đặc biệt là các loại hình thương mại mới, hiện đại, ứng dụng công nghệ cao. Chú trọng phát triển các ngành, lĩnh vực có nhiều tiềm năng theo hướng chất lượng cao như du lịch, logistics, thương mại - dịch vụ nội địa.

- Phát triển du lịch thành một ngành kinh tế quan trọng và trở thành mũi nhọn sau năm 2030, với hạt nhân trung tâm du lịch biển - đảo Lý Sơn và du lịch trải nghiệm gắn liền với văn hóa, lịch sử, giá trị cốt lõi của Quảng Ngãi. Phát triển đa dạng các loại hình, sản phẩm du lịch như du lịch biển, đảo, núi rừng, du lịch cộng đồng, du lịch chăm sóc sức khỏe, du lịch văn hóa, tâm linh theo hướng bền vững, chất lượng cao, đẳng cấp, có giá trị gia tăng lớn; thúc đẩy du lịch thông minh gắn với định hướng chuyển đổi số trong ngành du lịch và trong các định hướng phát triển kinh tế xã hội của tỉnh.

- Đầu tư hoàn thiện phát triển hệ thống Logistics theo hướng đồng bộ,

hiện đại, thuận tiện, phát triển Quảng Ngãi thành trung tâm Logistics trung chuyên vận tải đa phương thức kết nối khu vực miền Trung, khu vực Tây Nguyên, các nước Đông Nam Á (Lào, Cam-pu-chia, v.v.), cũng như là một cửa ngõ vận tải hàng hóa qua biển Đông.

- Phát triển thương mại theo hướng đổi mới sáng tạo, số hoá, công nghệ hoá phương thức kinh doanh; thu hút đầu tư các trung tâm dịch vụ tổng hợp, siêu thị, trung tâm thương mại và chợ tại vùng đô thị và ven biển có khu du lịch phát triển; tiếp tục nâng cao chất lượng, đa dạng hoá các hình thức bán buôn và bán lẻ phù hợp với nhu cầu sử dụng của từng địa phương. Phát triển hạ tầng thương mại đồng bộ, hiện đại và bền vững, phù hợp với tính chất và nhu cầu của từng địa phương theo từng giai đoạn, đáp ứng nhu cầu lưu thông hàng hoá, hỗ trợ xuất khẩu và phục vụ các liên kết sản xuất - chế biến - tiêu thụ.

2. Phương án tổ chức hoạt động kinh tế - xã hội

a) Phương án tổ chức không gian các hoạt động kinh tế - xã hội

- Tổ chức không gian phát triển tỉnh Quảng Ngãi theo 06 vùng không gian phát triển kinh tế động lực với định hướng phát triển các hoạt động kinh tế - xã hội theo đặc trưng cho từng vùng để đảm bảo sự phát triển cân bằng và thúc đẩy liên kết giữa các vùng, nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực, cụ thể: (1) Vùng kinh tế động lực cụm đô thị và trung tâm dịch vụ; (2) Vùng động lực công nghiệp của tỉnh; (3) Vùng kinh tế sinh thái ven biển; (4) Vùng kinh tế rừng xanh; (5) Vùng kinh tế nông nghiệp; (6) Vùng kinh tế biển đảo.

b) Các vùng đô thị động lực và các trung tâm động lực tăng trưởng

- Hai trung tâm động lực tăng trưởng: (1) Khu kinh tế Dung Quất trở thành trung tâm lọc trung tâm lọc hóa dầu và năng lượng quốc gia; trung tâm công nghiệp, dịch vụ, du lịch của vùng kinh tế trọng điểm miền Trung; (2) Khu du lịch Đảo Lý Sơn trở thành trung tâm du lịch biển - đảo quốc gia.

- Ba trung tâm đô thị: (1) Đô thị trung tâm (Thành phố Quảng Ngãi và vùng phụ cận); (2) Trung tâm đô thị phía Bắc (Thị xã Bình Sơn và khu vực lân cận); (3) Trung tâm đô thị phía Nam (Thị xã Đức Phổ và vùng phụ cận).

c) Các hành lang kinh tế chiến lược:

Tổ chức liên kết không gian các hoạt động kinh tế - xã hội của tỉnh qua 4 hành lang kinh tế, cụ thể:

- Hành lang kinh tế Bắc Nam (Dung Quất - TP. Quảng Ngãi - Sa Huỳnh).

- Hành lang Đông Tây phía Bắc (Lý Sơn- Dung Quất - Trà Bồng - Trà My dọc quốc lộ 24C mở rộng kết nối Trà My, và cửa khẩu Nam Giang).

- Hành lang Đông Tây Phía Nam (dọc Quốc lộ 24 Sa Huỳnh - Ba Tơ - Bờ Y): từ Phổ An đi Thạch Trụ - Phổ Phong - Ba Tơ - Kon Tum - Bờ Y - Ngọc Hồi.

- Hành lang kinh tế kết nối nội Tỉnh, dọc theo tỉnh lộ 622, 626 và Quốc lộ 24B kết nối từ Trà Bồng đến Ba Tơ (Hành lang Ba Tơ - Sơn Hà - Sơn Tây - Trà Bồng).

d) Các khu vực cần bảo tồn, khu vực hạn chế phát triển

- Các khu vực cần bảo tồn: vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng phục hồi sinh

thái của các khu bảo tồn thiên nhiên; vùng lõi di sản thiên nhiên được tổ chức quốc tế công nhận; khu vực bảo vệ I các di tích lịch sử - văn hóa quốc gia, di tích lịch sử - văn hóa quốc gia đặc biệt; rừng phòng hộ đầu nguồn và rừng bảo vệ nguồn nước của cộng đồng dân cư;

- Các khu vực hạn chế phát triển: các khu vực địa hình quan trọng đặc biệt và quan trọng cao ưu tiên cho nhiệm vụ quốc phòng; vùng đệm các khu bảo tồn thiên nhiên, di sản thiên nhiên được tổ chức quốc tế công nhận; các hành lang đa dạng sinh học, vùng đất ngập nước quan trọng; khu vực bảo vệ II các di tích lịch sử - văn hóa quốc gia, di tích lịch sử - văn hóa quốc gia đặc biệt; hành lang bảo vệ nguồn nước; rừng phòng hộ ngoài khu vực rừng phòng hộ đầu nguồn và rừng bảo vệ nguồn nước của cộng đồng dân cư; vùng có nguy cơ xảy ra sạt lở, lũ ống, lũ quét.

IV. PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH HỆ THỐNG ĐÔ THỊ, NÔNG THÔN VÀ CÁC KHU CHỨC NĂNG

1. Phương án tổ chức hệ thống đô thị, tổ chức lãnh thổ nông thôn

a) Phương án phát triển đô thị

Đến năm 2030, tỉnh Quảng Ngãi có 1 đô thị đạt một số tiêu chí cơ bản của đô thị loại I; 02 đô thị đạt một số tiêu chí cơ bản của đô thị loại III là Bình Sơn và Đức Phổ; 01 đô thị loại IV (Lý Sơn); 14 đô thị loại V (trong đó 06 đô thị đạt một số tiêu chí đô thị loại IV: đô thị Di Lăng (mở rộng), Trà Xuân (mở rộng), Ba Tư (mở rộng), La Hà - Sông Vệ, Chợ Chùa, Mộ Đức) và một số đô thị đạt tiêu chí loại V.

b) Phương án tổ chức lãnh thổ nông thôn

Định hướng tổ chức không gian lãnh thổ khu vực nông thôn phù hợp với mục tiêu xây dựng nông thôn mới, chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và quá trình đô thị hóa của tỉnh; xây dựng cơ sở hạ tầng, dịch vụ xã hội đồng bộ kết nối nông thôn - đô thị, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và thích ứng với biến đổi khí hậu; đảm bảo môi trường cảnh quan nông thôn sáng, xanh, sạch đẹp, an toàn; giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc; phát triển đa dạng các loại hình kinh tế nông thôn, chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông thôn và tổ chức sản xuất hợp lý, tiếp tục mở rộng và nâng cao hiệu quả chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP), tạo sinh kế bền vững cho người dân; xã hội nông thôn ổn định, dân trí được nâng cao; an ninh, trật tự được bảo đảm.

Phát triển các khu dân cư nông thôn trên cơ sở triệt để tận dụng các điểm dân cư hiện hữu, hoàn thiện, cải tạo chỉnh trang kết hợp xây dựng mới, bảo vệ môi trường bền vững. Phát triển các điểm dân cư nông thôn gắn với vùng sản xuất, phù hợp phong tục tập quán, đặc điểm tự nhiên, điều kiện kinh tế - xã hội của từng vùng trong tỉnh. Bảo vệ các không gian cảnh quan, di tích lịch sử, văn hóa, tôn giáo, tín ngưỡng và các không gian có giá trị trong vùng nông thôn. Chủ động di dời, bố trí, sắp xếp lại các điểm dân cư đối với khu vực có nguy cơ cao xảy ra thiên tai, sạt lở.

2. Phương án phát triển các khu chức năng, cụm công nghiệp

a) Khu kinh tế

Phát triển Khu kinh tế Dung Quất phát triển thành một trong những trung

tâm kinh tế biển năng động, với nền kinh tế tổng hợp đa ngành, đa lĩnh vực quan trọng của quốc gia; lấy cảnh quan đô thị biển làm sức hấp dẫn, lấy nền tảng cơ sở hạ tầng phát triển để đẩy mạnh kinh tế biển, hướng đến sự thịnh vượng, có vị trí quan trọng về an ninh quốc phòng Quốc gia.

b) Khu công nghiệp

Đến năm 2030, Quy hoạch mạng lưới các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh gồm 10 khu công nghiệp (06 khu công nghiệp nằm trong Khu kinh tế Dung Quất và 04 khu công nghiệp nằm ngoài Khu kinh tế Dung Quất).

c) Cụm công nghiệp

Quy hoạch mạng lưới các cụm công nghiệp gồm: di dời 3 cụm công nghiệp, duy trì và mở rộng 21 cụm công nghiệp và đề nghị bổ sung 15 cụm công nghiệp.

d) Hệ thống khu, điểm du lịch

Phát triển các khu, điểm du lịch trọng điểm: từng bước hình thành khu du lịch trọng điểm quốc gia Lý Sơn - Bình Châu - Mỹ Khê, trong đó Đảo Lý Sơn sẽ là trung tâm hạt nhân du lịch của khu vực.

Các khu du lịch cấp tỉnh: Khu du lịch biển Sa Huỳnh, Khu du lịch sinh thái hồ Núi Ngang, Khu du lịch sinh thái Thạch Bích, Khu du lịch Bình Châu, Khu du lịch sinh thái Núi Cà Đam;

Phát triển du lịch gắn với khai thác giá trị văn hóa lịch sử của các di tích nổi bật: khởi nghĩa Ba Tơ, văn hóa Sa Huỳnh, chứng tích Sơn Mỹ,...; các danh thắng nổi bật của Quảng Ngãi (Quảng Ngãi thập nhị cảnh); và các điểm du lịch nổi bật: bãi biển Khe Hai, Đầm Thuận Phước, Gành Yến, Biển Lệ Thủy, Ba Làng An, Suối Chí, thảo nguyên Bùi Hui, các điểm du lịch trải nghiệm văn hóa cộng đồng, v.v.

Quy hoạch, phát triển khu vực dọc tuyến ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh (từ huyện Tư Nghĩa đến thị xã Đức Phổ) trở thành một khu chức năng quan trọng phía Đông Nam của tỉnh Quảng Ngãi có tính chất là khu du lịch - dịch vụ - đô thị và nông lâm nghiệp ven biển, trong đó phát triển du lịch là chức năng chủ đạo, làm động lực thúc đẩy và phát triển các khu đô thị mới dọc theo tuyến ven biển, góp phần tạo động lực phát triển cho khu vực ven biển phía Nam tỉnh Quảng Ngãi.

e) Các khu thể thao

Phía Đông thành phố Quảng Ngãi xây mới Khu liên hiệp thể thao cấp tỉnh; khu vực huyện Bình Sơn xây mới trung tâm khu liên hợp thể dục thể thao theo tiêu chuẩn cấp vùng; thị xã Đức Phổ hình thành trung tâm dịch vụ thể thao giải trí gắn với nước (ven biển, đầm phá) phục vụ nhu cầu vui chơi, giải trí, lôi cuốn khách du lịch đến khu vực Sa Huỳnh. Ngoài ra còn tiếp tục duy trì, nâng cấp và mở rộng sử dụng 13 Trung tâm Văn hóa - Thể thao hiện có tại các huyện, thị xã, thành phố. Đầu tư cơ sở vật chất, nâng cấp công trình đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hóa của nhân dân.

Dự kiến quy hoạch xây dựng 5 - 6 sân golf tại các khu vực: phía Nam cảng hàng không Chu Lai; khu vực phát triển du lịch sinh thái đầm Thuận

Phước; khu vực vùng đệm sinh thái phía Tây khu đô thị Đông Nam Dung Quất; đảo lớn Lý Sơn và một số khu vực có điều kiện thuận lợi về khai thác cảnh quan như vùng bãi bồi và ven các sông đầm trong địa bàn Khu kinh tế Dung Quất.

f) Khu nghiên cứu, đào tạo

Các khu nghiên cứu: nâng cấp cơ sở vật chất Trung tâm Ứng dụng và Dịch vụ khoa học công nghệ Quảng Ngãi, Trung tâm Giống tỉnh và Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông phục vụ nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao công nghệ sinh học phục vụ trong lĩnh vực nông nghiệp, bảo vệ môi trường, công nghiệp thực phẩm và y dược học.

Các khu đào tạo: phát triển hệ thống cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trực thuộc quản lý của UBND tỉnh và các Sở ban ngành, gồm các trường cao đẳng, trường trung cấp, và trung tâm giáo dục nghề nghiệp tập trung tại thành phố Quảng Ngãi; xây dựng các trung tâm nghiên cứu đào tạo tại khu đô thị Vạn Tường, khu đô thị Châu Ô - Bình Long, đô thị Tịnh Phong; khuyến khích các doanh nghiệp trong KKT Dung Quất thiết lập hệ thống đào tạo cho nhân viên; xây dựng mới Trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo Tỉnh, với vai trò đào tạo các kỹ năng khởi nghiệp.

3. Phương án phát triển các khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn

Phát triển hoạt động kinh tế chủ yếu là nông nghiệp, xác định, lựa chọn một số loại cây, con với mô hình sản xuất phù hợp với năng lực, nhận thức của đồng bào và thể mạnh của địa phương; Tăng cường thu hút và xã hội hóa các nguồn vốn đầu tư cho hạ tầng kinh tế - xã hội, vốn phát triển sản xuất. Hoàn thiện hạ tầng giao thông kết nối đến trung tâm xã, đường giao thông trục tại thôn, xóm và điện hóa, tạo điều kiện phát triển sản xuất, lưu thông hàng hóa và tiêu thụ sản phẩm. Thực hiện lồng ghép các nguồn vốn của các chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình dự án hỗ trợ có mục tiêu trên địa bàn, nâng cao hiệu quả kinh tế, giảm nghèo bền vững.

Tăng cường thực hiện các chính sách về y tế, nâng cao năng lực khám chữa bệnh, thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội: bảo hiểm, y tế, giáo dục và các chính sách ưu đãi, hỗ trợ khác dành cho các đối tượng thuộc khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn; thực hiện tốt chính sách hỗ trợ, đào tạo nghề nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; bảo tồn phát huy giá trị bản sắc dân tộc, thực hiện chính sách giảm nghèo, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân.

4. Khu quân sự, an ninh

Xây dựng hệ thống công trình quốc phòng, an ninh sẵn sàng phục vụ cho nhiệm vụ quốc phòng, an ninh đáp ứng yêu cầu xây dựng khu vực phòng thủ tỉnh gắn với thể trận an ninh nhân dân vững chắc; thực hiện tốt kết hợp phát triển kinh tế gắn quốc phòng, an ninh làm cơ sở xây dựng, củng cố nền quốc phòng toàn dân đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Đặc biệt, phát triển huyện đảo Lý Sơn trở thành trung tâm du lịch biển đảo phải gắn liền với công tác phòng thủ bảo vệ chủ quyền.

5. Sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã

Tiếp tục thực hiện sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã, bảo

đảm tính tổng thể, đồng bộ, phù hợp với Quy hoạch và yêu cầu phát triển, đáp ứng tiêu chuẩn của đơn vị hành chính trong từng giai đoạn phát triển, đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành của nhà nước.

V. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN KẾT CẤU HẠ TẦNG KỸ THUẬT

1. Phương án phát triển mạng lưới giao thông

Bám sát định hướng của Quy hoạch cấp quốc gia để phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông chiến lược của tỉnh trên cơ sở phát huy ưu thế của các phương thức vận tải bảo đảm đồng bộ, hiện đại, liên thông, tổng thể, thúc đẩy liên kết vùng và nội vùng, gắn với các hành lang phát triển kinh tế của tỉnh đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng an ninh, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế, đảm bảo an toàn giao thông, giảm thời gian, chi phí đi lại, hạn chế ô nhiễm môi trường.

- Phương án phát triển hạ tầng giao thông quốc gia: các tuyến cao tốc, quốc lộ, đường sắt, hàng hải và hệ thống cảng biển thực hiện theo quy hoạch ngành quốc gia được phê duyệt; xây dựng sân bay, cảng hàng không trên đảo Lý Sơn, xây dựng Tuyến cao tốc Quảng Ngãi-Kon Tum.

- Phương án phát triển hạ tầng giao thông cấp tỉnh

+ Đường bộ: gồm 25 tuyến đường tỉnh (bao gồm cả tuyến đường ven biển). Các tuyến đường đô thị, đường huyện, đường giao thông nông thôn thực hiện theo quy hoạch đô thị, nông thôn, quy hoạch xây dựng vùng huyện và liên huyện, quy hoạch chuyên ngành và đề án khác có liên quan theo đúng quy định của pháp luật.

+ Đường sắt: ngoài tuyến đường sắt Hà Nội - thành phố Hồ Chí Minh và đường sắt tốc độ cao Bắc Nam đi qua Tỉnh Quảng Ngãi, xây dựng mới tuyến đường sắt đô thị kết nối Khu kinh tế Dung Quất với Quảng Nam

+ Bến xe: Quy hoạch mỗi huyện sẽ có tối thiểu 01 bến xe khách. Riêng các đô thị lớn như thành phố Quảng Ngãi, thị xã Đức Phổ, v.v. quy hoạch thêm các bến xe hàng; bãi đỗ xe cá nhân nhằm tổ chức và điều tiết giao thông trong đô thị một cách hiệu quả tránh ùn tắc giao thông; Đầu tư các trạm dừng nghỉ trên các tuyến quốc lộ và cao tốc để phục vụ nhu cầu đi lại của người dân.

+ Cảng và đường thủy nội địa: khuyến khích đầu tư xây dựng các cảng, bến thủy nội địa, bến khách phù hợp với quy hoạch kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa, quy hoạch chuyên ngành và đề án khác có liên quan theo đúng quy định của pháp luật để phát huy tối đa tiềm năng kinh tế trên các vùng hồ thủy điện, tuyến sông.

2. Phương án phát triển nguồn điện và mạng lưới cấp điện

Phát triển nguồn điện gắn với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, phù hợp với quy hoạch điện lực quốc gia và chiến lược phát triển năng lượng của tỉnh. Dựa trên dự báo nhu cầu điện và cân bằng cung cầu điện của tỉnh, thực hiện xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo các trạm biến áp và đường dây điện 500kV, 220kV và 110kV, các đường dây trung thế, hạ thế kết nối với các nguồn điện mới đáp ứng nhu cầu phụ tải, đặc biệt là tại các trung tâm đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp.

Phương án phát triển lưới điện trung áp sau các trạm 110kV là các tuyến đường dây trung áp được xuất tuyến từ điểm đấu nối vào thanh cái trung thế của trạm 110kV thông qua máy cắt xuất tuyến. Tập trung xây dựng cơ sở hạ tầng cấp điện cho vùng sâu, vùng xa và hải đảo (chưa được cấp điện từ lưới điện quốc gia), ưu tiên sử dụng các loại nguồn năng lượng tái tạo như: thủy điện nhỏ, điện mặt trời, năng lượng gió, điện khí sinh học, hoặc thậm chí địa nhiệt đối với các vùng có tiềm năng địa nhiệt của tỉnh, đảm bảo cấp điện an toàn, ổn định.

3. Phương án phát triển mạng lưới thông tin và truyền thông

Đến năm 2030, hạ tầng thông tin và truyền thông tỉnh Quảng Ngãi cơ bản đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số, phát triển ổn định và thịnh vượng, thử nghiệm các công nghệ và mô hình mới, đổi mới căn bản, toàn diện hoạt động quản lý, điều hành của Chính quyền, đáp ứng phương thức sống mới, phương thức làm việc mới trong một môi trường số an toàn, rộng khắp; tỷ lệ người sử dụng dịch vụ di động thông minh là 92% (tính theo số thuê bao di động có phát sinh lưu lượng); tỷ lệ hộ gia đình có thuê bao cáp quang đạt tối thiểu 95%; mật độ thuê bao Internet băng rộng di động/100 dân đạt khoảng 230 thuê bao.

- Phương án phát triển đồng bộ với quy hoạch cấp quốc gia: phát triển hạ tầng bưu chính theo hướng đẩy mạnh chuyển đổi số. Hạ tầng bưu chính chuyển phát trở thành hạ tầng quan trọng của nền kinh tế số, của thương mại điện tử; góp phần thúc đẩy Chính quyền số, kinh tế số, xã hội số. Chuyển dịch từ dịch vụ bưu chính truyền thống sang dịch vụ bưu chính số. Chuyển đổi hạ tầng viễn thông thành hạ tầng số, xây dựng mạng thông tin di động 5G phủ sóng tại 100% các khu dân cư của tỉnh. Đảm bảo hoạt động của các tuyến truyền dẫn quang liên tỉnh và nội tỉnh với dung lượng cao, kết nối liên huyện, liên vùng, đặc biệt là các vùng trung tâm kinh tế - chính trị, vùng kinh tế trọng điểm; chuyển đổi số hạ tầng các cơ quan báo chí nòng cốt theo mô hình tòa soạn hội tụ, truyền thông đa phương tiện.

- Phương án nâng cấp, mở rộng và đầu tư xây dựng mới: đầu tư, nâng cấp các công trình hạ tầng kỹ thuật ngầm, ngầm hóa hạ tầng mạng cáp viễn thông; phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động. Phát triển các nền tảng số, ứng dụng công nghệ số mới vào cải cách thủ tục hành chính; xây dựng đô thị thông minh và từng bước chuyển đổi sang chính quyền số. Xây dựng trung tâm dữ liệu tỉnh phù hợp với lộ trình chuyển đổi số quốc gia và đáp ứng nhu cầu sử dụng của tỉnh.

- Đẩy mạnh phát triển kinh tế số, phát triển thanh toán số theo hướng phổ cập tài chính toàn diện. Phát triển mạnh kinh tế số ngành, lĩnh vực trọng điểm; phát triển xã hội số, trọng tâm là chuyển đổi số trong lĩnh vực y tế, giáo dục. Phát triển danh tính số và hệ thống định danh, xác thực điện tử. Duy trì triển khai an toàn thông tin mạng theo mô hình 4 lớp; vận hành hiệu quả hệ thống giám sát, điều hành an toàn thông tin mạng (SOC) của tỉnh kết nối hệ thống hỗ trợ giám sát, điều hành an toàn thông tin phục vụ Chính quyền số.

4. Phương án phát triển mạng lưới thủy lợi, cấp nước

Phát triển thủy lợi theo hướng hiện đại, bảo đảm cấp, thoát nước cho dân sinh, phục vụ chữa cháy và các ngành kinh tế; nâng cao năng lực phòng chống lũ, ngập lụt, chủ động phòng chống và giảm nhẹ thiên tai, thích ứng với biến đổi

khí hậu, nước biển dâng trên địa bàn tỉnh.

Xây dựng, nâng cấp hệ thống cấp nước đô thị và nông thôn, quy hoạch, bố trí các trụ nước chữa cháy để đáp ứng nhu cầu cấp nước sản xuất, sinh hoạt, chữa cháy; ưu tiên xây dựng hệ thống cấp nước tập trung, quy mô liên đô thị, liên xã. Xây dựng mới hệ thống cấp nước tập trung tại các xã, các đảo để phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt, sản xuất và chữa cháy.

Tiếp tục nâng cấp, mở rộng, nâng cao hiệu quả thu gom, xử lý của các hệ thống xử lý nước thải tập trung quy mô lớn tại khu kinh tế và các khu, cụm công nghiệp; xây dựng hệ thống thoát nước thải đô thị, nông thôn.

5. Phương án phát triển mạng lưới các khu xử lý chất thải

Quy hoạch xây dựng khu xử lý chất thải rắn (CTR) phải phù hợp với các quy hoạch có liên quan, đảm bảo xử lý 100% lượng chất thải rắn phát sinh trong phạm vi phục vụ của mỗi cơ sở, xử lý tập trung, liên đô thị, liên vùng, hạn chế xử lý phân tán, gây ô nhiễm môi trường; xây dựng hệ thống quản lý CTR hiện đại, thực hiện phân loại tại nguồn, thu gom, tái chế, tái sử dụng và xử lý triệt để bằng những công nghệ tiên tiến và phù hợp, hạn chế tối đa lượng chất thải phải chôn lấp, giảm chi phí đầu tư xây dựng bãi chôn lấp và tăng hiệu quả sử dụng đất.

Xây dựng các hệ thống thu gom, xử lý, thoát nước thải sinh hoạt, nước thải công nghiệp đảm bảo đạt quy chuẩn cho phép trước khi xả thải ra nguồn tiếp nhận. Chất thải rắn công nghiệp thông thường được thu gom và xử lý tập trung cùng với chất thải rắn sinh hoạt; chất thải rắn nguy hại được thu gom xử lý tại các cơ sở có chức năng xử lý chất thải rắn nguy hại; chất thải rắn y tế được thu gom và xử lý đưa về các khu xử lý được phân theo vùng, theo cụm.

6. Phương án quy hoạch bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản và phương án quy hoạch hệ thống cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá

Tiếp tục phát triển khai thác, nuôi trồng, chế biến thủy sản theo hướng bền vững, hiện đại, bảo vệ nguồn lợi và môi trường sinh thái, chú trọng phát triển chuỗi liên kết sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm, nâng cao giá trị gia tăng và tăng thu nhập cho người dân; tăng cường nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng công nghệ, ưu tiên ứng dụng công nghệ cao, chuyển đổi số; nâng cao năng lực quản lý nhà nước đối với cảng cá và khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá.

Đầu tư phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng và dịch vụ hậu cần, các cảng cá, các khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá bảo đảm đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật theo quy định và khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu và nước biển dâng.

VI. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN KẾT CẤU HẠ TẦNG XÃ HỘI

1. Phương án phát triển mạng lưới hạ tầng văn hóa - thể dục thể thao

Xây dựng và phát triển văn hóa thể thao hướng đến mục tiêu con người Quảng Ngãi phát triển toàn diện, hướng đến chân, thiện, mỹ. Văn hóa thực sự trở thành nền tảng tinh thần, là động lực cho sự phát triển của xã hội, là sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm sự phát triển bền vững của tỉnh. Xây dựng nền văn hóa giàu bản sắc Quảng Ngãi gắn với phát triển đồng bộ hệ thống thiết chế văn hóa từ tỉnh đến cơ sở, đồng thời bảo tồn, gìn giữ, phát huy các giá trị truyền thống, các di

sản văn hóa phi vật thể quốc gia và các di sản văn hoá tiêu biểu. Huy động nguồn lực đầu tư, nâng cấp các thiết chế văn hóa, thể thao các cấp; xây dựng 5-6 sân golf tại các địa điểm thích hợp, phù hợp với Quy hoạch sử dụng đất, các Quy hoạch liên quan khác.

Phát triển thể dục, thể thao để nâng cao thể lực và tầm vóc con người Quảng Ngãi, phát triển phong trào thể thao quần chúng và thể thao thành tích cao ở những môn có thế mạnh để nâng cao vị thế và thành tích của tỉnh.

2. Phương án phát triển mạng lưới hạ tầng giáo dục và đào tạo

Phát triển hệ thống giáo dục và đào tạo hiện đại, đảm bảo chất lượng, hiệu quả và tính phổ cập, phương thức giáo dục đổi mới đảm bảo được nguồn nhân lực theo nhu cầu phát triển của địa phương. Huy động mọi nguồn lực, đẩy mạnh công tác xã hội hóa trong phát triển hạ tầng giáo dục và đào tạo, hình thành một hệ thống giáo dục và đào tạo công, tư toàn diện. Ưu tiên đầu tư cho giáo dục phổ cập, giáo dục ở những vùng đặc biệt khó khăn, dân tộc thiểu số, vùng bị ảnh hưởng bởi thiên tai, biến đổi khí hậu và các đối tượng chính sách xã hội.

Cải tạo, nâng cấp quy mô các cơ sở các cấp, bậc học phù hợp với nhu cầu thực tiễn của nhân dân, của từng địa phương; nâng cao tỷ lệ kiên cố hoá trường lớp học, tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia ở các cấp, bậc học theo các chỉ tiêu đề ra cho từng giai đoạn. Tập trung phát triển các trường đại học, cao đẳng, trung cấp, đào tạo đa cấp trình độ, đa ngành nghề, đảm bảo năng lực đào tạo đáp ứng nhu cầu nhân lực kỹ thuật trực tiếp của các ngành và địa phương, nhằm chuyển dịch cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động, phù hợp với chiến lược phát triển.

3. Phương án phát triển mạng lưới hạ tầng y tế

Hoàn thiện hệ thống y tế và mạng lưới khám, chữa bệnh theo hướng hiện đại, công bằng, hiệu quả; đảm bảo tính hệ thống và liên lạc trong hoạt động chuyên môn của từng tuyến và giữa các tuyến, phát triển cân đối hợp lý giữa các bệnh viện đa khoa và chuyên khoa, phát triển y tế phổ cập kết hợp y tế chuyên sâu, giữa y học hiện đại với y học cổ truyền, dự phòng và điều trị, giữa y tế công và tư nhằm đáp ứng tốt các nhiệm vụ cung cấp dịch vụ trong chăm sóc, bảo vệ sức khỏe nhân dân trên địa bàn tỉnh và khu vực lân cận; phù hợp với Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống y tế và mạng lưới khám, chữa bệnh của cả nước cũng như đặc điểm tình hình của tỉnh. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng các cơ sở y tế ngoài công lập đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh của nhân dân.

4. Phương án phát triển mạng lưới hạ tầng an sinh xã hội

Đầu tư xây dựng mới Trung tâm Nuôi dưỡng và phục hồi chức năng cho người tâm thần tỉnh Quảng Ngãi; thành lập Trung tâm chăm sóc sức khỏe cho người cao tuổi trực thuộc Trường Cao đẳng Quảng Ngãi; xây dựng Trung tâm chăm sóc người cao tuổi tại thành phố Quảng Ngãi (khu vực sông Bàu Giang); xây dựng Trung tâm Điều dưỡng người có công tỉnh Quảng Ngãi - Cơ sở 2. Mở rộng, nâng cấp các cơ sở trợ giúp xã hội hiện có, tăng công suất tiếp nhận cho các cơ sở; có chính sách khuyến khích tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp tham gia đầu tư xây dựng, quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội, chăm sóc người già cô đơn, trẻ mồ côi, khuyết tật phù hợp với quy định của pháp luật.

5. Phương án phát triển Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (gọi tắt KHCN&ĐMST)

Quan tâm đầu tư xây dựng, phát triển tiềm lực KHCN&ĐMST để từng bước đưa KHCN&ĐMST trở thành động lực chính của sự tăng trưởng, phát triển kinh tế - xã hội, thúc đẩy quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá và đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững kinh tế - xã hội của tỉnh; đầu tư xây dựng, phát triển tiềm lực KHCN&ĐMST của tỉnh đồng bộ cả nguồn nhân lực và cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ công tác nghiên cứu, phát triển chuyên giao công nghệ.

Hình thành, phát triển mạng lưới trung tâm đổi mới sáng tạo; phát triển khoa học, công nghệ, kinh tế số, xã hội số, chính quyền số. Tập trung nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao theo hướng công nghệ cao, công nghệ sạch, tăng cường ứng dụng các công nghệ hiện đại vào sản xuất các ngành, lĩnh vực kinh tế - xã hội như: công nghệ sinh học, công nghệ thông tin, công nghệ vật liệu mới, công nghệ y dược, công nghệ chế tạo - tự động hóa, công nghệ biển và ứng phó với biến đổi khí hậu, công nghệ công nghiệp điện tử, tự động hóa và sản xuất, lắp ô tô dựa trên nền tảng công nghiệp sáng tạo.

6. Phương án phát triển hạ tầng phòng cháy chữa cháy

Quy hoạch địa điểm xây dựng các công trình hạ tầng phòng cháy chữa cháy (trụ sở và doanh trại lực lượng phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ) tại trung tâm các huyện, thành phố, thị xã, các khu công nghiệp, cụm công nghiệp và địa bàn trọng điểm nguy hiểm về cháy nổ bảo đảm thuận tiện về giao thông, nguồn nước, thông tin liên lạc, phù hợp với Quy hoạch ngành quốc gia về hạ tầng PCCC và đáp ứng các quy định hiện hành. Bố trí, thiết lập hệ thống cấp nước chữa cháy phù hợp với yêu cầu phòng cháy chữa cháy tại từng địa bàn.

VII. PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ, KHOANH VÙNG ĐẤT ĐAI

Đảm bảo việc sử dụng đất có hiệu quả, tiết kiệm; đảm bảo cho sự phát triển bền vững trong tương lai; phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất quốc gia; đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh; phát triển giáo dục, văn hóa, thể thao; bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu; tạo động lực cho sự phát triển của tỉnh. Đảm bảo việc bố trí sử dụng đất hợp lý phù hợp với định hướng phát triển của Tỉnh trong thời kỳ quy hoạch.

VIII. PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH XÂY DỰNG VÙNG LIÊN HUYỆN, VÙNG HUYỆN

1. Quy hoạch xây dựng các vùng liên huyện

Với định hướng phân chia lãnh thổ theo các trục động lực, các trọng điểm và tính đến đặc trưng về liên kết vùng, tổ chức không gian tỉnh Quảng Ngãi bao gồm 05 vùng liên huyện, đảm bảo phát huy khả năng liên kết giữa các huyện trong việc phát triển các hoạt động kinh tế - xã hội toàn diện, bền vững, cũng như khả năng liên kết giữa các huyện và các khu đô thị, khu kinh tế động lực, gồm:

- *Vùng A* - vùng liên huyện thương mại - dịch vụ, trung tâm thành phố Quảng Ngãi và vùng phụ cận: thành phố Quảng Ngãi và vùng phụ cận hai bên sông Trà Khúc từ Thạch Nham đến Cửa Đại, sẽ là trung tâm thương mại dịch vụ giao thương tài chính và là hạt nhân kinh tế chính trị của toàn Tỉnh.

- *Vùng B - vùng liên huyện, hành lang kinh tế phía bắc; trọng điểm công nghiệp, dịch vụ hậu cần, du lịch*: là trung tâm dịch vụ công nghiệp và logistic của tỉnh; gắn liền với phát triển du lịch văn hóa, du lịch sinh thái và nông lâm nghiệp trên cơ sở các hệ sinh thái sẵn có (thác Cà Đú, suối Cà Bói, suối khoáng Thạch Bích, bãi biển, v.v).

- *Vùng C - vùng liên huyện kinh tế sinh thái biển phía Nam*: là khu vực phát triển phía Nam của tỉnh với các hoạt động kinh tế biển và các vùng nông - lâm nghiệp công nghệ cao, năng lượng sạch. Phát triển gắn liền với văn hóa Sa Huỳnh, các làng nghề truyền thống và hệ sinh thái tự nhiên (thảo nguyên, đồi núi, đầm phá, cồn cát, v.v.).

- *Vùng D - vùng liên huyện miền núi phía tây - kinh tế rừng xanh*: là khu vực phát triển kinh tế rừng, kinh tế nông nghiệp và các nguồn năng lượng sạch, năng lượng tái tạo cùng các hoạt động du lịch cộng đồng, nghỉ dưỡng, trải nghiệm, chăm sóc sức khỏe.

- *Vùng E - đảo Lý Sơn “Ngọc lớn - Ngọc bé” của Biển Đông*: là đô thị biển đảo; trung tâm du lịch biển - đảo của tỉnh Quảng Ngãi với các giá trị về địa chất - văn hóa - cảnh quan, phát triển các loại hình du lịch biển đảo đặc sắc; là trung tâm dịch vụ hậu cần nghề nuôi trồng đánh bắt thủy hải sản; trung tâm tránh trú bão và cứu hộ cứu nạn trên biển; có vị trí đặc biệt quan trọng về an ninh quốc phòng.

2. Quy hoạch xây dựng các vùng huyện

Quy hoạch 09 vùng huyện đảm bảo phù hợp với mục tiêu định hướng phát triển tổng thể của tỉnh gồm: (1) Vùng huyện Sơn Tịnh; (2) Vùng huyện Tư Nghĩa; (3) Vùng huyện Nghĩa Hành; (4) Vùng huyện Mộ Đức; (5) Vùng huyện Trà Bồng; (6) Vùng huyện Sơn Hà; (7) Vùng huyện Minh Long; (8) Vùng huyện Sơn Tây; (9) Vùng huyện Ba Tơ.

IX. PHƯƠNG ÁN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, BẢO TỒN THIÊN NHIÊN VÀ ĐA DẠNG SINH HỌC; BẢO VỆ KHAI THÁC, SỬ DỤNG, BẢO VỆ TÀI NGUYÊN; PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI VÀ ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

1. Phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học

a) Phân vùng bảo vệ môi trường

Phân vùng môi trường tỉnh Quảng Ngãi theo vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải và vùng khác để làm cơ sở cho triển khai các giải pháp về bảo vệ môi trường, cụ thể như sau:

- Vùng bảo vệ nghiêm ngặt, bao gồm: khu dân cư tập trung ở đô thị (vùng nội thành, nội thị của các đô thị loại I, loại II, loại III); nguồn nước mặt được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước; khu bảo tồn thiên nhiên; khu vực bảo vệ 1 của di tích lịch sử - văn hóa; vùng lõi của di sản thiên nhiên.

- Vùng hạn chế phát thải, bao gồm: vùng đệm của các vùng bảo vệ

nghiêm ngặt; hành lang bảo vệ nguồn nước mặt được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt; khu dân cư tập trung là nội thành, nội thị của các đô thị loại IV, loại V; khu vực có yếu tố nhạy cảm về môi trường dễ bị tổn thương trước tác động của ô nhiễm môi trường khác cần được bảo vệ.

- Vùng môi trường khác: các khu vực còn lại.

b) Phương án bảo tồn đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh

Thành lập mới các khu bảo vệ cảnh quan, cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học. Bảo tồn và phục hồi các loài hoang dã nguy cấp, đặc biệt là các loài động vật nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ, loài di cư; đánh giá, phát huy lợi ích của đa dạng sinh học phục vụ phát triển bền vững. Kiểm soát tốt các hoạt động gây tác động tiêu cực đến đa dạng sinh học.

c) Phương án quan trắc môi trường

Tiếp tục duy trì, nâng cấp hệ thống quan trắc hiện có; xây dựng mới và bố trí mạng lưới quan trắc môi trường, bao gồm môi trường nước mặt (sông, suối, hồ), môi trường nước dưới đất, môi trường nước biển; môi trường không khí xung quanh, tiếng ồn, môi trường đất, môi trường trầm tích với số điểm quan trắc và tần số đáp ứng được mục tiêu theo dõi và bảo vệ môi trường; đầu tư nâng cao năng lực phòng thí nghiệm, phân tích môi trường và hệ thống quản lý số liệu, dữ liệu quan trắc môi trường. Thực hiện liên kết mạng lưới, cơ sở dữ liệu, số liệu quan trắc môi trường tình với mạng lưới, cơ sở dữ liệu, số liệu quan trắc môi trường quốc gia và kết nối mạng lưới quan trắc môi trường cấp vùng. Định kỳ thực hiện kiểm kê, đánh giá tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh. Nâng cao năng lực cảnh báo thiên tai, xây dựng hệ thống cảnh báo lũ ống, lũ quét, quan trắc trượt lở, nâng cấp trạm quan trắc tự động nước mặt các sông và các trạm khí tượng thủy văn trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

d) Bảo vệ rừng và phát triển rừng

Phát triển lâm nghiệp bền vững cả về kinh tế, xã hội và môi trường, trên cơ sở tổ chức sản xuất hợp lý, góp phần phát triển kinh tế, xoá đói giảm nghèo ở vùng đồi núi và phát triển hàng hoá từ rừng. Tiếp tục bảo vệ, phục hồi hiệu quả tối đa diện tích rừng tự nhiên; duy trì, củng cố các khu rừng đặc dụng hiện có; thành lập mới, khôi phục, tái phát triển một số khu rừng đặc dụng. Rà soát điều chỉnh rừng phòng hộ sang rừng đặc dụng, điều chỉnh bổ sung rừng phòng hộ đầu nguồn; xây dựng các dự án đầu tư bảo vệ và khôi phục rừng phòng hộ đầu nguồn, rừng phòng hộ ven biển, rừng phòng hộ môi trường đô thị - công nghiệp. Tập trung hình thành các vùng nguyên liệu sản xuất gỗ lớn, hình thành các chuỗi trong sản xuất lâm nghiệp, cấp chứng chỉ rừng,...; thực hiện các biện pháp lâm sinh để cải tạo phục hồi rừng.

e) Sắp xếp, phân bố nghĩa trang, cơ sở hỏa táng, nhà tang lễ

Xây dựng nghĩa trang, cơ sở hỏa táng tập trung theo quy hoạch đô thị, quy hoạch vùng huyện và quy hoạch nông thôn mới được duyệt. Bố trí các nhà tang lễ tại các đô thị đảm bảo tiêu chuẩn về phân loại đô thị. Từng bước đóng cửa các nghĩa trang trong khu vực phát triển đô thị hiện hữu. Di dời các nghĩa trang không phù hợp với quy hoạch hoặc không đảm bảo yêu cầu môi trường.

2. Phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên

Khai thác, chế biến, sử dụng khoáng sản, phù hợp với đặc điểm, tiềm năng của mỗi loại khoáng sản, đảm bảo hiệu quả kinh tế - xã hội và môi trường, gắn với đảm bảo an ninh, quốc phòng, hài hòa giữa lợi ích quốc gia, địa phương và doanh nghiệp; sử dụng khoáng sản hợp lý, hiệu quả và bảo vệ cảnh quan thiên nhiên, di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh và các tài nguyên thiên nhiên khác.

Quy hoạch thăm dò, khai thác và chế biến các khu, điểm mỏ khoáng sản phải được cấp có thẩm quyền phê duyệt và thực hiện theo quy định của pháp luật. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với công tác quản lý tài nguyên khoáng sản; tận dụng tối đa nguồn đất, đá thải mỏ làm vật liệu san lấp mặt bằng các dự án phát triển hạ tầng đô thị, giảm áp lực lên các bãi thải mỏ.

Dùng khai thác các khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh thực hiện theo các quyết định được phê duyệt và quy định của pháp luật.

3. Phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra

Ưu tiên phân bổ nguồn nước cho các đối tượng khai thác, sử dụng nước theo thứ tự: (i) Nhu cầu sử dụng nước cho sinh hoạt; (ii) Nhu cầu sử dụng nước cho công nghiệp; (iii) Nhu cầu sử dụng nước cho du lịch, dịch vụ; (iv) Nhu cầu sử dụng nước cho nông nghiệp, thủy sản và các lĩnh vực khác.

Cải thiện chất lượng nước, khắc phục tình trạng ô nhiễm tại các đoạn sông, nguồn nước nội tỉnh hiện đang bị ô nhiễm hoặc chưa đáp ứng được mục đích sử dụng đề ra; duy trì, bảo vệ chất lượng nước mặt chưa bị ô nhiễm để bảo đảm đáp ứng được mục tiêu chất lượng nước trong kỳ quy hoạch; kiểm soát hiệu quả các nguồn thải hiện có và các nguồn thải mới phát sinh trong kỳ quy hoạch: Nước thải công nghiệp, sinh hoạt, y tế,... và các loại nước thải khác được thu gom và xử lý đạt quy chuẩn.

Xây dựng mạng quan trắc tài nguyên nước, giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước trên các các sông suối chính, các công trình khai thác sử dụng nước lớn như các hồ thủy điện, thủy lợi, các khu công nghiệp,... nhằm phát hiện sớm các vi phạm trong khai thác tài nguyên nước, đặc biệt các khu vực có nguy cơ cạn kiệt nguồn nước.

4. Phương án phòng, chống thiên tai và ứng phó biến đổi khí hậu

Phân vùng rủi ro đối với từng loại thiên tai trên địa bàn tỉnh và xác định các khu vực ưu tiên phòng, chống đối với từng loại thiên tai; củng cố hệ thống đê sông, đê biển, hồ chứa nước, các công trình phòng, chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu; nạo vét, chỉnh trị dòng chảy các tuyến sông và mở rộng, khơi thông các trục tiêu chính; có giải pháp chỉnh trị, đưa vào khai thác các bãi sông, bãi nổi hạ lưu các sông trong tỉnh phục vụ phát triển kinh tế trên cơ sở đảm bảo yêu cầu thoát lũ theo tần suất thiết kế được quy định, đảm bảo môi trường và các quy định của pháp luật.

Nâng cao năng lực chống chịu với biến đổi khí hậu của hệ thống cơ sở hạ

tàng; thiết lập hệ thống giám sát, đánh giá các hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu; xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu phòng chống thiên tai trên địa bàn tỉnh; đẩy mạnh các hành động giảm nhẹ khí nhà kính và tăng cường các bể hấp thu khí nhà kính; thực hiện các hành động phục hồi thiên nhiên. Nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo, chủ động phòng, chống các loại thiên tai thường xuyên xảy ra như lũ, lũ quét, sạt lở đất, ngập úng, hạn hán và thích ứng biến đổi khí hậu; di dân, tái định cư cho người dân nằm trong vùng thường xuyên chịu ảnh hưởng thiên tai.

X. DANH MỤC DỰ ÁN VÀ THỨ TỰ ƯU TIÊN THỰC HIỆN

Danh mục dự án quan trọng cấp tỉnh, sắp xếp thứ tự ưu tiên và phân kỳ thực hiện chia làm 03 nhóm: (1) Danh mục dự án do Bộ ngành Trung ương và Doanh nghiệp Nhà nước TW đầu tư trên địa bàn tỉnh; (2) Danh mục dự án do địa phương đầu tư (từ nguồn vốn Ngân sách Trung ương và Ngân sách địa phương); (3) Danh mục dự án thu hút đầu tư.

VI. GIẢI PHÁP, NGUỒN LỰC THỰC HIỆN QUY HOẠCH

1. Giải pháp về huy động vốn đầu tư

- Dự kiến nhu cầu vốn đầu tư trong thời kỳ 2021-2030 khoảng 410 nghìn tỷ đồng, trong đó: vốn cho giai đoạn 2021-2025 cần khoảng 150 nghìn tỷ đồng và giai đoạn 2026-2030 cần khoảng 260 nghìn tỷ đồng. Dự kiến vốn từ NSNN trong giai đoạn 2021-2025 là khoảng 37 - 38 nghìn tỷ đồng và 2026-2030 là khoảng 60 - 65 nghìn tỷ đồng (với giả định vốn đầu tư từ NSNN tăng bình quân 10%/năm). Dự kiến vốn từ ngoài nhà nước giai đoạn 2021-2025 là khoảng 120 nghìn tỷ đồng và 2026-2030 là khoảng 200 nghìn tỷ đồng.

- Về nguồn vốn từ ngân sách nhà nước

+ Xem xét kiến nghị với Trung ương về xây dựng cơ chế, chính sách huy động từ nguồn thu hợp lý để tăng thêm nguồn vốn cho đầu tư phát triển tỉnh.

+ Quản lý chặt chẽ, nâng cao hiệu quả các khoản chi từ ngân sách nhà nước, bảo đảm triệt để tiết kiệm, chống lãng phí.

+ Trong cơ cấu chi NSNN, tăng tỷ trọng chi đầu tư phát triển, giảm tỷ trọng chi thường xuyên, đảm bảo tỷ lệ hợp lý và sự gắn kết chặt chẽ giữa hai khoản chi này nhằm hỗ trợ thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Xác định rõ các khoản chi trọng điểm, thứ tự ưu tiên các khoản chi, loại bỏ các khoản chi bất hợp lý.

- Về nguồn vốn từ ngoài ngân sách nhà nước

+ Rà soát, hoàn thiện các cơ chế, chính sách để huy động nguồn lực xã hội đầu tư phát triển; công khai, minh bạch các chính sách ưu đãi đến người dân, doanh nghiệp để kêu gọi thu hút đầu tư.

+ Chú trọng vào chất lượng nhà đầu tư và dự án đầu tư, tránh sự manh mún, chẻ nhỏ quỹ đất, đảm bảo tiến độ triển khai dự án.

+ Xác định rõ trọng tâm đầu tư, đặc biệt chú trọng thu hút các dự án đầu tư các ngành mà tỉnh có lợi thế so sánh và phù hợp với định hướng phát triển các ngành kinh tế của tỉnh trong thời kỳ quy hoạch và xu thế phát triển chung trong

tương lai.

2. Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực

- Các cơ sở giáo dục, đào tạo ở các bậc học, đặc biệt là bậc đại học, cao đẳng và đào tạo nghề liên tục cập nhật kiến thức, phương pháp dạy học mới, chuẩn hoá chương trình học bám sát nhu cầu của thị trường. Phát triển mối liên kết giữa các cơ sở giáo dục và doanh nghiệp sử dụng lao động và đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, nghiên cứu.

- Khuyến khích lao động tham gia học nghề, xây dựng chiến dịch truyền thông để loại bỏ các định kiến về việc học nghề.

- Kết nối thông tin thị trường lao động, hình thành và phát triển sàn giao dịch việc làm.

- Hoàn thiện cơ chế, chính sách thu hút và đãi ngộ nguồn nhân lực chất lượng cao. Xây dựng các cơ chế thu hút nguồn lao động từ ngoại tỉnh hoặc con em Quảng Ngãi làm ăn xa quê về làm việc tại Quảng Ngãi.

3. Giải pháp về bảo vệ môi trường

- Bổ sung, hoàn thiện hệ thống chính sách về bảo vệ môi trường, đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất với hệ thống pháp luật và bám sát thực tế các vấn đề về môi trường. Xây dựng quy chế quản lý chất thải, quản lý ô nhiễm, tính đúng phí bảo vệ môi trường cho các dự án đầu tư mới theo quy định của Luật bảo vệ môi trường.

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước về môi trường. Tổ chức tốt hoạt động quản lý môi trường trong các KCN, CCN và làng nghề. Phát huy tối đa hiệu quả hoạt động của lực lượng cảnh sát môi trường.

- Xây dựng cơ chế, chính sách ưu đãi cho doanh nghiệp, khuyến khích ứng dụng, chuyển đổi sử dụng các công nghệ tiên tiến, hiện đại thân thiện với môi trường.

4. Giải pháp về phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

- Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện chính quyền điện tử, giải quyết các thủ tục hành chính công trực tuyến, tiến tới chính quyền số, xây dựng thành phố thông minh, v.v. Cải thiện các chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), chỉ số Hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI), và chỉ số Chuyển đổi số (DTI), v.v.

- Nâng dần tổng vốn toàn xã hội đầu tư cho nghiên cứu và công tác triển khai ứng dụng, phấn đấu đạt 0,5-1% tổng chi ngân sách nhà nước. Đẩy mạnh xã hội hoá và đầu tư theo cơ chế phối hợp đối tác công - tư trong xây dựng hệ thống các tổ chức và phát triển đội ngũ KH&CN.

- Phát triển KH&CN có trọng tâm, gắn kết chặt chẽ với phát triển các ngành kinh tế.

5. Giải pháp về cơ chế, chính sách liên kết phát triển

- Phối hợp với các tỉnh trong vùng kinh tế trọng điểm miền Trung và vùng phụ cận để khai thác các tiềm năng của từng địa phương, đẩy nhanh tiến độ phát triển kinh tế-xã hội như tăng cường kết nối với Khu kinh tế mở Chu Lai dựa trên

các kết nối về hạ tầng giao thông sẵn có; liên kết phát triển vận tải, logistics với Kon Tum, Quảng Nam; khai thác các tuyến/tour du lịch kết nối với các điểm du lịch trong vùng kinh tế trọng điểm miền Trung và các khu vực khác.

- Tham gia tích cực vào chuỗi cung ứng toàn cầu. Vận dụng và triển khai hiệu quả các Hiệp định mà Việt Nam đã ký kết. Thiết lập các đối tác chiến lược với các ngành hàng, sản phẩm chủ lực của tỉnh dựa trên quan hệ thương mại và hợp tác phát triển, đầu tư, cung ứng các sản phẩm có chất lượng và yếu tố kỹ thuật cao.

6. Giải pháp về quản lý, kiểm soát phát triển đô thị và nông thôn

- Tiếp tục rà soát, bổ sung, hoàn chỉnh quy trình và thủ tục hành chính về quản lý quy hoạch kiến trúc. Kiểm tra và đảm bảo các hoạt động đầu tư, xây dựng, công trình kiến trúc trên địa bàn tỉnh phù hợp với quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị được phê duyệt, phù hợp đặc điểm kiến trúc đô thị, nông thôn.

- Thực hiện tốt quy hoạch sử dụng đất trong thời kỳ 2021-2030, đặc biệt là lộ trình chuyển đổi đất nông nghiệp sang đất đô thị, đảm bảo quỹ đất nông nghiệp, quỹ đất rừng và tương ứng với cơ cấu quy hoạch sử dụng đất cho phát triển đô thị.

- Gắn liền quá trình đô thị hoá, phát triển các khu đô thị - dịch vụ với công nghiệp hoá để tăng sức lan toả của KCN, CCN. Với định hướng phát triển KKT Dung Quất trở thành đô thị biển vào năm 2050, tiếp tục triển khai một số công trình hạ tầng trong KKT để thu hút đầu tư, đồng bộ hạ tầng dịch vụ, thương mại và cảnh quan trong đô thị.

- Thực hiện đúng lộ trình di dời các cơ sở sản xuất, CCN, KCN gây ô nhiễm, hoạt động không hiệu quả ra khỏi các đô thị. Xây dựng lộ trình phù hợp để mở rộng ranh giới đô thị, nâng hạng đô thị đối với các khu nông thôn giáp với ranh giới đô thị.

7. Giải pháp nâng cao hiệu quả, hiệu lực của bộ máy quản lý hành chính nhà nước

- Công khai thông tin tuyển dụng lao động cho các vị trí trong cơ quan hành chính nhà nước, doanh nghiệp. Xây dựng hệ thống tuyển chọn đánh giá đúng năng lực của người tham gia tuyển dụng. Xây dựng các cơ chế, chính sách ưu đãi để thu hút nhân lực chất lượng cao vào lực lượng cán bộ, công chức quản lý Nhà nước.

- Thường xuyên tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ, kiến thức quản lý, kỹ năng và tác phong đội ngũ cán bộ. Tổ chức tập huấn sử dụng các ứng dụng công nghệ thông tin cho cán bộ, công chức các cấp.

8. Giải pháp khác

- Đảm bảo nội dung quy hoạch phù hợp với quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch sử dụng đất cấp huyện và các quy hoạch khác theo quy định của pháp luật về Quy hoạch, đảm bảo mối liên kết giữa quy hoạch chi tiết và quy hoạch tổng thể và phù hợp với quy hoạch vùng.

- Xây dựng kế hoạch và chương trình thực hiện hành động, xây dựng chính sách, đánh giá và huy động nguồn lực để đảm bảo việc thực hiện quy

hoạch có hiệu quả. Tổ chức đánh giá thực hiện quy hoạch định kỳ 5 năm, bổ sung và điều chỉnh lại mục tiêu cho phù hợp với tình hình mới.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và quản lý thực hiện quy hoạch. Xây dựng hệ thống theo dõi, đánh giá việc thực hiện quy hoạch thông qua hệ thống các chỉ tiêu, gắn liền với phân công trách nhiệm và thời gian thực hiện.

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh khẩn trương hoàn thiện hồ sơ Quy hoạch, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo ý kiến tham gia của Hội đồng thẩm định, bảo đảm tính khoa học, thực tiễn, tính kế thừa, đổi mới, phát triển các quy hoạch chiến lược của giai đoạn trước và các yếu tố mới, cơ hội mới, các định hướng, chiến lược của tỉnh trong tổng thể định hướng phát triển quốc gia, quy hoạch ngành, quy hoạch vùng; tổ chức công bố, công khai quy hoạch tỉnh sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XIII kỳ họp thứ 14 thông qua ngày.....tháng..... năm 2023 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

CHỦ TỊCH

Nơi nhận:

- UBND Quốc hội, Chính phủ;
- Các Ủy ban của QH, Ban CTĐB của UBND Quốc hội;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, hội đoàn thể tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh; C-PVP, các phòng, CV;
- Đài PTTH tỉnh, Báo Quảng Ngãi;
- Trung tâm Tin học - Công báo, VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH.

Bùi Thị Quỳnh Vân